CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI ĐA PHƯƠNG THỨC

Trụ sở chính: 80 – 82 Bạch Đằng, Phường Hải Châu I, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng

Điện thoại: (0511) 3822 057 Fax: (0511) 3822 478

Email: hrd@vietranstimex.com.vn

Website: www.vietranstimex.com.vn

VIETRANSTIMEX

CÔNG TY CỔ PHẦN
VẬN TẢI ĐA PHƯƠNG THỨC

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

2015

MỤC LỤC

GIỚI THIỆU CÔNG TY

Thông tin khái quát
Quá trình hình thành và phát triển
Sự kiện tiêu biểu
Địa bàn hoạt động
Ngành nghề kinh doanh
Mô hình quản trị
Định hướng phát triển
Các rủi ro

Trang 1

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh
Tình hình đầu tư và thực hiện các dự án
Tình hình tài chính
Tổ chức và nhân sự
Cơ cấu cổ đông và thay đổi vốn chủ sở hữu

Trang 19

BÁO CÁO BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Đánh giá kết quả sản xuất kinh doanh
Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách và quản lý
Tình hình tài chính
Kế hoạch phát triển năm 2016

Trang 35

BÁO CÁO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Đánh giá các mặt hoạt động của Công ty
Đánh giá hoạt động của Ban Tổng Giám đốc
Một số tồn tại, hạn chế cần khắc phục
Kế hoạch và định hướng của Hội đồng quản trị

Trang 47

BÁO CÁO QUẢN TRỊ CÔNG TY

Hoạt động của Hội đồng quản trị
Báo cáo Ban Kiểm soát
Giao dịch, thù lao và lợi ích của thành viên HĐQT, BKS và BTGĐ

Trang 53

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Trang 63

Sứ mệnh

Mang đến cho khách hàng sự an toàn, tin cậy tuyệt đối, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động trong ngôi nhà chung Vietranstimex, góp phần vào công cuộc xây dựng đất nước ngày càng phồn vinh.

Tầm nhìn

Trở thành một doanh nghiệp vận tải xếp dỡ với công nghệ tiên tiến, quản lý chuyên nghiệp và đổi mới liên tục, toàn diện

Giá trị cốt lõi

Đoàn kết – Trung thực – Sáng tạo

GIỚI THIỆU
CÔNG TY

- **Tên giao dịch: CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI ĐA PHƯƠNG THỨC**
- **Tên tiếng anh: Multimodal Transport Holding Company**
- **Tên viết tắt: Vietranstimex**
- **Địa chỉ trụ sở chính**: 80 – 82 Bạch Đằng, Phường Hải Châu I, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng
- **Số điện thoại**: (0511) 3822057
- **Số fax**: (0511) 3822478
- **Website**: www.vietranstimex.com.vn
- **Đăng ký doanh nghiệp số**: 0400101901 thay đổi lần thứ 7 ngày 04 tháng 05 năm 2015 do Sở kế hoạch và đầu tư thành phố Đà Nẵng cấp.
- **Vốn điều lệ**: 209.723.210.000 đồng
- **Mã cổ phiếu**: **VTX**
- **Mã ISIN**: VN000000VTX2
- **Sàn giao dịch**: UPCoM, Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội
- **Tài khoản ngân hàng số**: 56110000000780 tại Ngân hàng Thương mai cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV), Chi nhánh Đà Nẵng
- **Thành viên của các Hiệp hội**: Hiệp hội Vận tải, Xếp dỡ và Lắp đặt Thiết bị Siêu trường Siêu trọng Thế giới (SC&RA – Specialised Carriers & Rigging Association); Mạng lưới các nhà cung cấp dịch vụ Logistic Toàn cầu (Global Project Logistic Network); Hiệp hội Giao nhận Vận tải Quốc tết (FIATA); Hiệp hội Doanh Nghiệp Dịch vụ Logistic Việt Nam (VLA) và Hội viên Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI)

QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

Năm 1976

Ngày 27/03/1976 Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải ban hành Quyết định số 1313-QĐ-TC về việc thành lập Công ty Đại lý Vận tải Đà Nẵng trực thuộc Bộ Giao Thông Vận tải đảm nhận công tác đại lý vận tải hàng hóa tại các khu vực Đà Nẵng, Quy Nhơn, Nha Trang và các tỉnh lân cận theo kế hoạch Bộ Giao thông Vận tải giao.

Năm 1979

- **Ngày 17/05/1979** Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải ban hành Quyết định số 1096/QĐ- TC về việc đổi tên Công ty Đại lý Vận tải Đà Nẵng thành Công ty Đại lý Vận tải Khu vực II trực thuộc Bộ Giao thông Vận tải đảm nhận công tác đại lý vận tải hàng hóa tại các tỉnh Miền Trung từ Bình Trị Thiên (cũ) đến Phú Khánh (cũ).

Năm 1983

- **Ngày 20/04/1983** Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải ban hành Quyết định số 855/QĐ-TCCB về việc đổi tên Công ty Đại lý Vận tải Khu vực II thành Xí nghiệp Đại lý Vận tải Đà Nẵng trực thuộc Đại lý Vận tải đường biển Việt Nam.
- **Ngày 01/08/1983** Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải ban hành Quyết định số 1561/QĐ/TCCB v/v đổi tên Xí nghiệp Đại lý Vận tải Đà Nẵng thành Công ty Đại lý Vận tải đường biển II trực thuộc Tổng cục đường biển Việt Nam.

Năm 1987

- **Ngày 16/12/1987** Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải ban hành Quyết định số 2339b/TCCB về việc chuyển Công ty Đại lý Vận tải Đường biển II thành Công ty Dịch vụ Vận tải II trực thuộc Bộ Giao thông Vận tải để đảm nhận nhiệm vụ tổ chức liên hiệp vận chuyển và thực hiện các loại dịch vụ vận tải.

Năm 1993

- **Ngày 11/03/1993** Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải ban hành quyết định số 385/QĐ/TCCB-LĐ về việc thành lập Doanh nghiệp Nhà nước – Công ty Dịch vụ Vận tải II trực thuộc Bộ Giao thông Vận tải theo quy chế về thành lập và giải thể Doanh nghiệp Nhà nước ban hành kèm theo Nghị định số 388/HĐBT ngày 20/11/1991 của Hội đồng Bộ trưởng (Nay là Chính phủ).

Năm 1995

- **Ngày 27/11/1995** Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải ban hành Quyết định số 4896/QĐ/TCCB-LĐ về việc chuyển Công ty Dịch vụ Vận tải II thành Công ty Dịch vụ Vận tải Đà Nẵng trực thuộc Tổng công ty Dịch vụ Vận tải.

Năm 1997

- **Ngày 15/05/1997** Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải ban hành quyết định số 1273/QĐ/TCCB-LĐ về việc chuyển Công ty Dịch vụ Vận tải Đà Nẵng thành Công ty Dịch vụ Vận tải II trực thuộc Bộ Giao thông Vận tải.

Năm 2003

- **Ngày 21/10/2003** Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải ban hành Quyết định số 3097/QĐ-BGTVT về việc đổi tên Công ty Dịch vụ Vận tải II thành Công ty Vận tải đa phương thức trực thuộc Bộ Giao thông Vận tải và hoạt động theo mô hình Công ty Mẹ - Công ty Con.

Năm 2008

- **Ngày 11/03/2008** Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải ban hành Quyết định số 598/QĐ-BGTVT v/v phê duyệt danh sách doanh nghiệp thực hiện cổ phần hóa năm 2008; trong đó có Công ty Vận tải đa phương thức.

Năm 2010

- **Ngày 28/05/2010** Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải ban hành Quyết định số 1454/QĐ-BGTVT v/v phê duyệt phương án cổ phần hóa Công ty Vận tải đa phương thức.
- **Ngày 21/07/2010** Công ty Vận tải đa phương thức tổ chức thành công việc bán đấu giá cổ phần lần đầu ra công chúng theo thông báo số 1272/SGDHN-TCKT ngày 21/07/2010 và Thông báo số 1529/SGDHN-TCKT ngày 25/08/2010 của Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội.
- **Ngày 25/10/2010** Công ty Vận tải đa phương thức tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất.
- **Ngày 01/11/2010** Công ty cổ phần Vận tải đa phương thức chính thức hoạt động theo loại hình công ty cổ phần trên cơ sở Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0400101901 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Đà Nẵng cấp.

Năm 2012

- **Ngày 27/11/2012** Công ty cổ phần Vận tải đa phương thức hoàn tất việc sát nhập 03 Công ty con là Công ty cổ phần Vận tải thủy Hà Nội, Công ty cổ phần Vân tải đa phương thức 2 và Công ty cổ phần Vận tải đa phương thức 6 vào Công ty mẹ.

Năm 2013

- **Ngày 02/01/2013** Công ty cổ phần Vận tải đa phương thức được cấp đổi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp cổ phần sau khi sát nhập 3 công ty con.
- **Ngày 27/06/2013** Tổng Công ty Kinh doanh vốn nhà nước (SCIC) tiếp nhận bàn giao đại diện phần vốn Nhà nước từ Bộ Giao thông Vận tải (MOT).

Năm 2014

- **Ngày 10/04/2014** Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt nam (VSD) cấp giấy chứng nhận đăng ký lưu ký tập trung cổ phiếu tại VSD.
- **Ngày 21/04/2014** Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội ra Quyết định số 189/QĐ-SGDHN v/v chấp thuận cho Công ty cổ phần Vận tải đa phương thức được đăng ký giao dịch cổ phiếu tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX).
- **Ngày 29/04/2014** Công ty cổ phần Vận tải đa phương thức thông báo chính thức v/v giao dịch cổ phiếu trên sàn Upcom tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội đến Quý Cổ đông và các nhà đầu tư bên ngoài. Ngày giao dịch đầu tiên là ngày 15/05/2014

Năm 2015

- **Ngày 29/12/2015** Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước (SCIC) có quyết định số 867/QĐ-ĐTKDV về việc bán cổ phần của Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước tại Công ty cổ phần Vận tải đa phương thức.

Bảng xếp hạng thường niên đối với 50 Công ty vận tải thiết bị siêu trường siêu trọng hàng đầu thế giới (IC Transport 50) trong năm 2015

Hàng năm, Tập đoàn truyền thông đa phương tiện KHL công bố Bảng xếp hạng thường niên đối với 50 công ty vận tải thiết bị siêu trường siêu trọng hàng đầu thế giới (IC Transport 50). Năm 2015 với đoàn phương tiện vận tải có tổng trọng tải 10.275 tấn, Công ty tiếp tục nằm trong Top IC Transport 50 với thứ hạng 38/50 và là doanh nghiệp duy nhất của Việt Nam và Đông Nam Á trong bảng xếp hạng thường niên này.

RANK 2015	RANK 2014	COMPANY	COUNTRY OF HQ	DEPOTS	AREA OF OPERATION	EMPLOYEES
1	1	Mammoet	Netherlands	80	Worldwide	5,000
2	2	ALE	United Kingdom	38	Worldwide	1,500
3	3	Sarens	Belgium	90	Worldwide	4,200
4	5	Landstar Transportation Logistics	USA	1,400	International	1,150
5	4	Fagioli	Italy	10	Worldwide	615
6	6	ATS Specialized	USA	16	National	1,321
7	7	Challenger Motor Freight	USA	5	International	2,200
8	8	All Erection & Crane Rental Corp./DST	USA	37	North America	1,500
9	10	Barnhart	USA	39	Continental	1,200
10	9	Daseke (Lone Star Transportation)	USA	46	USA, Canada, Mexico	3,500
11	14	Bigge Crane and Rigging	USA	10	International	350
12	11	Al Jaber Heavy Lift & Transport	Abu Dhabi, UAE	8	Worldwide	750
13	13	Big Move	Europe	15	Europe	1,100
14	12	Emmert International	USA	4	International	125
15	15	Keen Transport	USA	15	International	525
16	18	Deep South Crane & Rigging	USA	6	North/South America	625
17	16	Entrec	Canada	13	USA and Canada	750
18	56	NCSG Crane and Heavy Haul (NC Services Group)	Canada	27	North America	670
19	17	Bellemare Group	Canada	5	International	650
20	19	Edwards Moving & Rigging	USA	4	National	80
21	28	Hareket Heavy Lifting and Project Transportation	Turkey	5	Turkey, CIS and Middle East	370
22	21	Tutt Bryant Group	Australia	8	National	550
23	22	Transportes Montejo	Colombia	9	South America	788
24	25	Tradelossa	Mexico	6	Mexico and Central America	250
25	31	Van der Vlist	Netherlands	10	Worldwide	450
26	23	Hodges Trucking	USA	8	Regional	250
27	24	Irga Lupercio Torres	Brazil	2	South America	280
28	26	Sankyu	Japan	10	Japan and Asia	300
29	20	Nippon Express	Japan	840	Worldwide	52,024
30	NEW	Maxim Crane Works (inc. Crane Rental Corporation)	USA	34	USA	1,625
31	30	Miller Transfer & Rigging	USA	18	International	83
32	29	Locar Guindastes e Transportes Intermodais	Brazil	11	Brazil	2,500
33	34	Havator	Finland	43	North Europe, Russia	620
34	33	Burkhalter Rigging	USA	5	North/South America	200
35	39	Nabros Transport	India	2	North/West/South India	250
36	32	Lift and Shift India	India	4	India, Middle East, SE Asia	150
37	35	Megatranz Transports	Brazil	5	Latin America	114
38	36	Lampson International	USA	10	Worldwide	300
38	38	Vietranstimex	Vietnam	5	Vietnam, Laos and Cambodia	454
40	47	Collett & Sons (Transport)	United Kingdom	3	Worldwide	130
41	37	Wagenborg Nedlift	Netherlands	12	Europe and Middle East	450
42	55	Berard Transportation	USA	4	National	60
43	53	Heavy Transport Inc (Bragg Companies)	USA	3	National	200
44	50	Stiglich Transportes	Peru	1	Peru, Chile	231
45	40	Sammons Trucking	USA	4	National	70
46	42	Allelys Heavy Haulage	United Kingdom	2	Europe	130
47	41	Superpesa Transporte Especiais e Intermodais	Brazil	2	Brazil	500
48	43	J Supor & Son Trucking & Rigging	USA	1	National	140
49	52	Contractors Cargo	USA	2	USA, Canada, Mexico	82
50	45	KCTC	South Korea	10	Asia	400

FAST500
Top 500 Fastest Growing Enterprises

Công ty cổ phần Vận tải đa phương thức được Vietnam Report xếp hạng 216 trong Top 500 DN tăng trưởng và triển vọng suất sắc nhất (FAST500).

GALA DINNER NĂM 2015

Khép lại năm 2015 với thành công trên nhiều lĩnh vực và chào đón năm mới 2016, Văn phòng cùng với Công Đoàn Công ty và các Công Đoàn bộ phận đã phối hợp tổ chức thành công Gala dinner 2015 cho Cán bộ công nhân viên tại Đà Nẵng và các địa bàn đóng quân trên cả nước.

100.000 GIỜ LÀM VIỆC AN TOÀN

Ngày 11 tháng 11 năm 2015, được sự cho phép của lãnh đạo Công ty, Ban điều hành vận tải dự án Nhà máy Lọc hóa dầu Nghi Sơn (Ban Nghi Sơn) đã long trọng tổ chức Lễ chúc mừng đạt cột mốc **100.000 giờ làm việc an toàn** tại vùng kho bãi Nhà máy Lọc dầu Nghi Sơn, Xã Hải Thượng, Huyện Tĩnh Gia, Tỉnh Thanh Hóa.

LÃNH ĐẠO THÀNH ỦY ĐÀ NẴNG ĐẾN THĂM CÔNG TY

Ngày 13 tháng 10 năm 2015, Lãnh đạo Thành ủy Đà nẵng do Đồng chí Phó Bí thư thường trực Võ Công Trí dẫn đầu đã đến thăm và chúc mừng Công ty nhân ngày doanh nhân Việt Nam.

ĐỊA BÀN HOẠT ĐỘNG

Chi nhánh Công ty cổ phần Vận tải đa phương thức – Hà Nội: Số 100 Đường Đại Cồ Việt, Phường Lê Đại Hành, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội.

Văn phòng đại diện Công ty cổ phần Vận tải đa phương thức tại Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào: Tổ 6, Bản Phon Than, Huyện Xaysettha, Thủ đô Viêng Chăn, Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào.

Văn phòng đại diện Công ty cổ phần Vận tải đa phương thức tại Vương quốc Campuchia: Tòa nhà KT Tower, số 23, đường 112, phường Đe po 3, Quận Tua Kok, Phnom Penh, Vương quốc Campuchia.

Chi nhánh Công ty cổ phần Vận tải đa phương thức tại Miền Tây: Lô 24, Khu thương mại 622, đường Nguyễn Đệ, Phường An Thới, Quận Bình Thủy, Thành phố Cần Thơ.

Chi nhánh Công ty cổ phần Vận tải đa phương thức – Công ty Vận tải đa phương thức 1: Số 58 Đường bao Trần Hưng Đạo, Quận Hải An, Thành phố Hải Phòng.

Công ty cổ phần Vận tải đa phương thức – Chi nhánh Vận tải đa phương thức 2: 126 Lê Thành Đồng, Phường Hải Thành, Thành phố Đồng Hới, Tỉnh Quảng Bình.

Trụ sở chính: 80 – 82 Bạch Đằng, Phường Hải Châu I, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng.

Chi nhánh Công ty cổ phần Vận tải đa phương thức tại Quảng Ngãi: Phân khu Sài Gòn – Dung Quất, Khu kinh tế Dung Quất, Xã Bình Thạnh, Huyện Bình Sơn, Tỉnh Quảng Ngãi.

Công ty Vận tải đa phương thức 7: 40 Lê Văn Linh, Phường 12, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh.

NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

Công ty cổ phần Vận tải đa phương thức đã đăng ký các ngành nghề kinh doanh tại Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0400101901 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng cấp lần đầu ngày 01/11/2010 và cấp thay đổi lần thứ 7 ngày 04 tháng 05 năm 2015, gồm các ngành và mã ngành tương ứng như sau:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ Chi tiết: Kinh doanh vận tải đa phương thức trong nước và quốc tế. Kinh doanh vận tải, dịch vụ vận tải hàng hóa bằng đường bộ.	4933 (chính)
2	Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương	5012
3	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ	5221
4	Hoạt đôn dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy Chi tiết: hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy; đại lý tàu biển và môi giới hàng hải; Dịch vụ phụ trợ cho cảng sông, cảng biển; Kinh doanh vận tải, dịch vụ vận tải hàng hóa bằng đường thủy. Quản lý và khai thác cảng sông và cảng biển. Dịch vụ cảng và bến cảng	5222
5	Bốc xếp hàng hóa Chi tiết: bốc xếp hàng hóa; Các dịch vụ phụ trợ bốc xếp khác	5224
6	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa Chi tiết: Cho thuê kho bãi, lưu giữ hàng hóa; dịch vụ kho ngoại quan	5210
7	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
8	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	4520
9	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác Chi tiết: Cho thuê máy móc, thiết bị và phương tiện vận tải, xếp dỡ	7730
10	Đại lý du lịch Chi tiết: Kinh doanh du lịch lữ hành nội địa và quốc tết; Dịch vụ du lịch trên sông	7911
11	Cung ứng lao động tạm thời Chi tiết: Cung ứng nhân lực quản lý, chuyên môn nghiệp vụ và công nhân trong lĩnh vực vận tải, xếp dỡ	7820
12	Bán buôn vật liêu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
13	Hoạt động của các trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm Chi tiết: Dịch vụ giới thiệu việc làm	7810
14	Dịch vụ đóng gói Chi tiết: Dịch vụ đóng gói, bao bì cho hàng hóa	8292
15	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải Chi tiết: Kinh doanh dịch vụ logistic. Dịch vụ giao nhận hàng hóa. Dịch vụ khai thuê hải quan. Đại lý tàu biển và môi giới hàng hải. Dịch vụ cảng: hoa tiêu lai dắt và hỗ trợ kéo tàu biển, cung cấp thực phẩm, dầu, nước, thu gom đồ rác và xử lý nước la cảnh thải, dịch vụ cảng vụ, bảo đảm hàng hải, dịch vụ khai thác trên bờ cần thiết cho hoạt động con tàu kể cả cung cấp thông tin liên lạc, nước và điện, sửa chữa khẩn cấp trang thiết bị, dịch vụ neo đậu và cầu cảng	5229
16	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác Chi tiết: Xây dựng kết cấu hạ tầng khu công nghiệp, khu đô thị và khu dân cư. Xây dựng cảng sông và cảng biển	4290
17	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa	5022
18	Bán buôn kim loại và quặng kim loại	4662
19	Sản xuất phương tiện và thiết bị vận tải khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Gia công chế tạo sơ mi rơ moóc, rơ moóc chuyên dùng	3099
20	Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác) Chi tiết: Sửa chữa, bảo dưỡng phương tiện vận tải, xếp dỡ, máy móc, thiết bị	3315

21	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
22	Khai thác quặng sắt	0710
23	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét	0810
24	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác mỏ và quặng khác	0990
25	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác	4511
26	Đại lý, môi giới, đấu giá Chi tiết: Đại lý, môi gới	4610
27	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: Kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp, khu đô thị và khu dân cư	6810
28	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan Chi tiết: Kinh doanh xăng dầu và các sản phẩm liên quan	4661
29	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Bán buôn nguyên liệu, chất đốt, thạch cao, klinke phục vụ cho sản xuất xi măng	4669
30	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày Chi tiết: kinh doanh cơ sở lưu trú du lịch	5510
31	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)	4931
32	Vận tải hành khách đường thủy nội địa	5021
33	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: Bán buôn vật tư, thiết bị và phụ tùng phục vụ ngành hàng hải	4659
34	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác	4530
35	Chuẩn bị mặt bằng Chi tiết: San lấp mặt bằng	4312
36	Đóng tàu và cấu kiện nổi Chi tiết: Sửa chữa, đóng mới phương tiện vận tải thủy	3011
37	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại Chi tiết: gia công, chế tạo các sản phẩm cơ khí	2592
38	Hoạt động tư vấn kỹ thuật có liên quan khác Chi tiết: Hoạt động tư vấn kỹ thuật xây dựng công tình hạ tầng giao thông, xây dựng phương án vận tải, xếp dỡ	71109
39	Sản xuất xe có động cơ Chi tiết: Sửa chữa, đóng mới ô tô	2910
40	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp khách cho vận tải hàng không	52239
41	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống Chi tiết: Bán buôn hàng nông lâm thổ sản, hàng thủ công mỹ nghệ	4620
42	Chế biến và bảo quản rau quả Chi tiết: gia công, chế biến các loại hàng nông lâm thổ sản	1030
43	Sản xuất khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: gia công, chế biến hàng thủ công mỹ nghệ	3290

Ghi chú: Nếu có nhà đầu tư nước ngoài góp vốn, mua cổ phần thì Công ty sẽ đăng ký ngành nghề kinh doanh theo biểu cam kết WTO và mã ngành theo hệ thống phân loại sản phẩm chủ yếu của Liên Hợp Quốc (CPC – Central Product Clasification).

MÔ HÌNH QUẢN TRỊ

Mô hình quản trị của Công ty áp dụng chuẩn mực quốc tế bao gồm:

- Đại hội đồng cổ đông
- Ban kiểm soát
- Hội đồng quản trị
- Bộ máy điều hành đứng đầu là Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc, Trưởng các Phòng Nghiệp vụ và Giám đốc các đơn vị phụ thuộc dưới sự điều hành của Tổng Giám đốc.

Cơ cấu tổ chức của Công ty được xây dựng trên nguyên tắc phân cấp, phân công quản lý và điều hành theo các khối sản xuất kinh doanh và khối chức năng chuyên môn hỗ trợ; có mối quan hệ hỗ trợ và phối hợp chặt chẽ với nhau. Tổng Giám đốc quản lý, điều hành thông qua việc phân cấp, phân quyền để trực tiếp giải quyết các công việc cụ thể của các khối thông qua các Phó Tổng Giám đốc, Trưởng các Phòng Nghiệp vụ và Giám đốc các đơn vị phụ thuộc

Việc áp dụng mô hình quản trị theo chuẩn mực quốc tế này đã làm tăng cường hiệu quả quản lý, điều hành và nâng cao hiệu quả quản trị của HĐQT đối với Bộ máy điều hành; thực hiện chức năng quản trị thông qua hệ thống các quy chế quản trị xuyên suốt toàn Công ty về chiến lược, kinh doanh, tài chính, đầu tư, quản lý rủi ro, kiểm soát và chính sách nhân sự.

Nhằm tuân thủ pháp luật hiện hành và nâng cao hiệu quả quản trị Công ty theo quy định pháp luật, Hội đồng quản trị sẽ từng bước thành lập các Tiểu ban chức năng trực thuộc Hội đồng quản trị để nghiên cứu, tham vấn cho Hội đồng quản trị thực hiện công tác định hướng chiến lược, quản lý tài chính, kiểm soát nội bộ, quản trị rủi ro, nhân sự cấp cao, chế độ lương thưởng và đầu tư.

Công ty con, công ty liên kết: Không có

Công ty liên doanh: Công ty TNHH Liên doanh BNX – Vietranstimex

Sơ đồ tổ chức

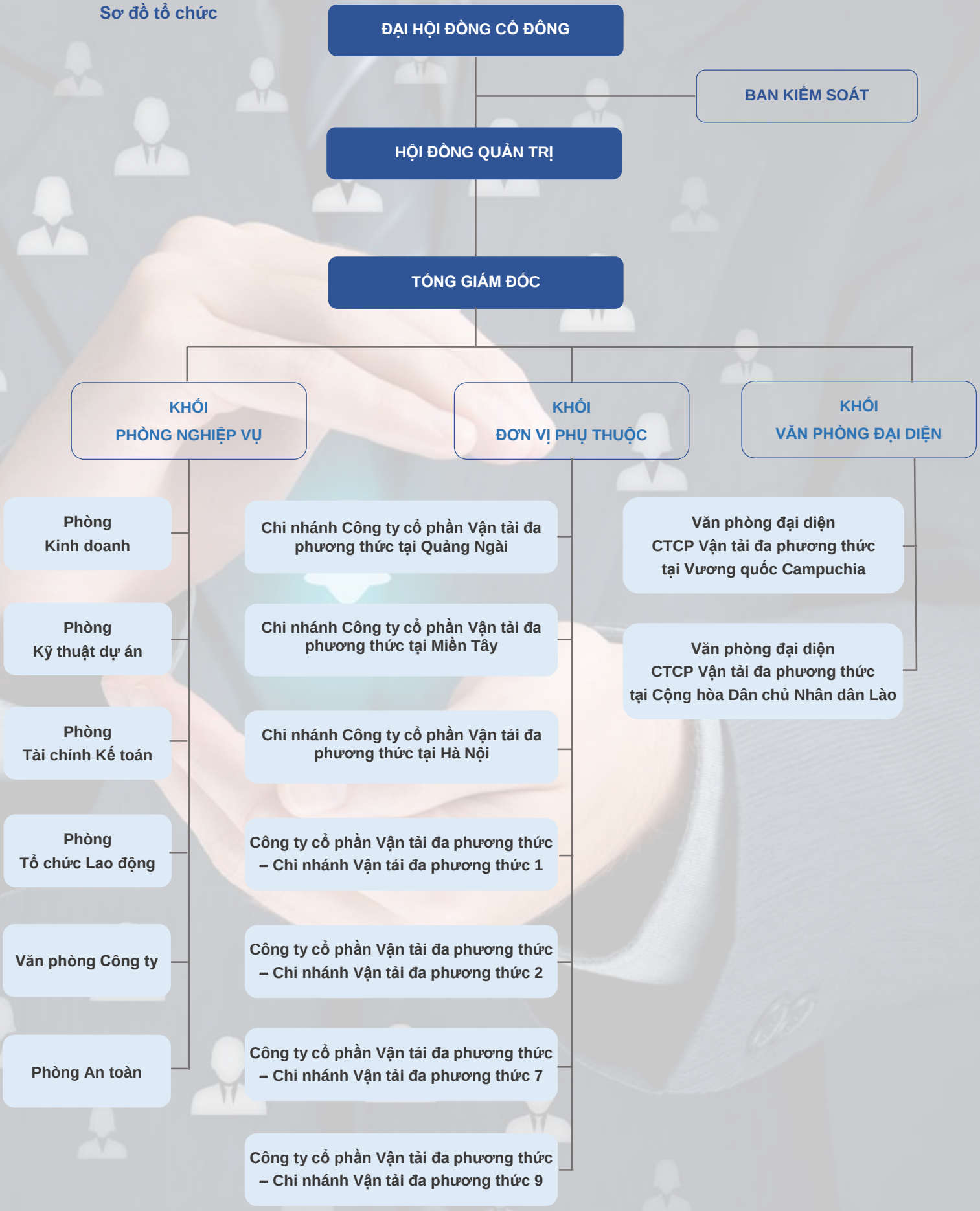
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
BAN KIỂM SOÁT
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
TỔNG GIÁM ĐỐC
KHỐI PHÒNG NGHIỆP VỤ
KHỐI ĐƠN VỊ PHỤ THUỘC
KHỐI VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN
Phòng Kinh doanh
Phòng Kỹ thuật dự án
Phòng Tài chính Kế toán
Phòng Tổ chức Lao động
Văn phòng Công ty
Phòng An toàn
Chi nhánh Công ty cổ phần Vận tải đa phương thức tại Quảng Ngài
Chi nhánh Công ty cổ phần Vận tải đa phương thức tại Miền Tây
Chi nhánh Công ty cổ phần Vận tải đa phương thức tại Hà Nội
Công ty cổ phần Vận tải đa phương thức – Chi nhánh Vận tải đa phương thức 1
Công ty cổ phần Vận tải đa phương thức – Chi nhánh Vận tải đa phương thức 2
Công ty cổ phần Vận tải đa phương thức – Chi nhánh Vận tải đa phương thức 7
Công ty cổ phần Vận tải đa phương thức – Chi nhánh Vận tải đa phương thức 9
Văn phòng đại diện CTCP Vận tải đa phương thức tại Vương quốc Campuchia
Văn phòng đại diện CTCP Vận tải đa phương thức tại Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào

ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

Các mục tiêu

- Tạo dựng được lợi thế cạnh tranh bền vững trên thị trường trong nước và khu vực.
- Giữ vững vị trí là một trong những nhà thầu vận tải hàng siêu trường siêu trọng, hàng dự án và thiết bị toàn bộ hàng đầu Việt Nam, từng bước phát triển để phấn đấu trở thành một Công ty vận tải đa phương thức mạnh nhất trong khu vực ASEAN và Châu Á trong 10 năm tới.
- Đảm bảo là một trong những cổ phiếu trong lĩnh vực vận tải có hiệu quả kinh doanh lớn hơn chỉ số trung bình ngành.
- Mở thêm văn phòng đại diện tại một số nước trong khu vực và trên thế giới.
- Đáp ứng tất cả các khách hàng với dịch vụ chất lượng và giá cả cạnh tranh.
- Xây dựng một Vietranstimex có bộ máy tổ chức Tinh gọn – Chuyên nghiệp.

Chiến lược phát triển trung và dài hạn

- Tiếp tục theo đuổi chiến lược cạnh tranh hỗn hợp giữa dịch vụ khác biệt và giá cả hợp lý.
- Tập trung vào các khách hàng mục tiêu thuộc các ngành công nghiệp có triển vọng tăng trưởng cao như: xây lắp dầu khí, sản xuất và truyền tải điện, xi măng, hóa chất và giao thông.
- Liên danh với các tập đoàn vận tải hàng đầu trên thế giới có cùng ngành nghề, công nghệ tiên tiến và năng lực mạnh để đấu thầu vận tải trong nước và quốc tế.
- Sử dụng hợp lý đòn bẩy tài chính để đổi mới công nghệ, đầu tư năng lực phương tiện thiết bị vận tải xếp dỡ hàng siêu trường siêu trọng. Tăng cường sử dụng nhà thầu phụ để triển khai các dự án vận chuyển hàng thông thường.
- Phát triển nguồn nhân lực và hệ thống quản trị trở thành năng lực cốt lõi; công tác nghiên cứu khoa học kỹ thuật ứng dụng và công nghệ thực hiện các dịch vụ kỹ thuật vận tải, xếp dỡ và lắp đặt thiết bị siêu trường siêu trọng.
- Mở rộng ngành nghề kinh doanh, đa dạng hóa các loại hình dịch vụ qua việc phát triển lĩnh vực lắp đặt thiết bị, logistics nhằm nâng cao giá trị và tầm ảnh hưởng trong lĩnh vực hoạt động của công ty.

Trong đó:

- Triển khai, phát triển dịch vụ lắp đặt thiết bị cho các dự án trên cơ sở liên kết với các đối tác đang hợp tác kinh doanh với công ty để từng bước học tập kinh nghiệm, đầu tư trang thiết bị, tiến tới đào tạo nguồn nhân lực (cả gián tiếp & trực tiếp) chuyên thực hiện lắp đặt thiết bị cho các dự án.
- Triển khai các dịch vụ logistics đi kèm dựa vào các đối tác lớn, cổ đông có kinh nghiệm của Công ty trong lĩnh vực này để phát triển. Đây là dịch vụ cốt lõi nhằm tạo nguồn hàng, bảo đảm nguồn doanh thu, công việc làm cho toàn công ty, làm nền tảng để phát triển dịch vụ vận tải hàng siêu trường siêu trọng, hàng dự án.
- Tiếp tục mở rộng và thâm nhập thị trường tại Campuchia và Lào sau khi Công ty đã thành lập 2 Văn phòng Đại diện tại 2 quốc gia này để đón đầu các dự án đang được đầu tư vào 2 nền kinh tế nói trên.
- Đầu tư áp dụng công nghệ kỹ thuật cao kết hợp với việc gửi kỹ sư đi đào tạo ở các nước tiên tiến trong việc đột phá vào lĩnh vực mới mà các doanh nghiệp vận tải trong nước chưa có khả năng vươn tới và có thể cạnh tranh với các doanh nghiệp nước ngoài với chiến lược đi tắt đón đầu sau hội nhập

Các biện pháp thực hiện

- Mở rộng ngành nghề kinh doanh, đa dạng hóa các loại hình dịch vụ qua việc phát triển lĩnh vực lắp đặt thiết bị và dịch vụ logistics nhằm nâng cao tầm ảnh hưởng, lợi thế cạnh tranh trong lĩnh vực hoạt động của công ty trên thị trường.
- Thực thi cạnh tranh linh hoạt trên phân khúc vận tải, xếp dỡ hàng siêu trường siêu trọng và hàng dự án; đồng thời sẵn sàng mở rộng kinh doanh các ngành nghề tạo thêm lợi thế cạnh tranh và gia tăng hiệu quả.
- Tập trung vào các khách hàng mục tiêu thuộc các ngành công nghiệp có triển vọng tăng trưởng cao như: xây lắp dầu khí, sản xuất và truyền tải điện, xi măng, hóa chất và giao thông.
- Liên danh với các tập đoàn vận tải hàng đầu trên thế giới có cùng ngành nghề, công nghệ tiên tiến và năng lực mạnh để đấu thầu vận tải trong nước và quốc tế.
- Sử dụng hợp lý đòn bẩy tài chính để đổi mới công nghệ, đầu tư năng lực phương tiện thiết bị vận tải xếp dỡ hàng siêu trường siêu trọng. Tăng cường sử dụng nhà thầu phụ để triển khai các dự án vận chuyển hàng thông thường.
- Phát triển nguồn nhân lực và hệ thống quản trị trở thành năng lực cốt lõi; công tác nghiên cứu khoa học kỹ thuật ứng dụng và công nghệ thực hiện các dịch vụ kỹ thuật vận tải, xếp dỡ và lắp đặt thiết bị siêu trường siêu trọng.
- Tăng cường huy động mọi nguồn lực cho đầu tư phát triển. Đa dạng hóa các kênh huy động vốn, các hình thức đầu tư. Có cơ chế điều hành vốn phù hợp để tăng hiệu quả của các dự án
- Hoàn thiện Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2008 nhằm cung cấp các dịch vụ tốt nhất đến khách hàng; Hoàn thiện và triển khai Hệ thống quản lý An toàn, sức khỏe và nghề nghiệp theo tiêu chuẩn OHSAS 18001:2007 để đạt được chuẩn mực an toàn, sức khỏe và môi trường cao nhất có thể trong quá trình hoạt động.

Mục tiêu đối với xã hội và cộng đồng

Song song với nhiệm vụ kinh doanh, Công ty còn chú trọng đến những lợi ích lâu dài của cộng đồng thông qua các hoạt động xã hội, các chương trình đóng góp và ủng hộ về vật chất, trách nhiệm cộng đồng và chương trình tài trợ. Những hoạt động xã hội từ thiện sẽ luôn được Ban Tổng Giám đốc và cán bộ công nhân viên công ty tích cực hưởng ứng và sẵn sàng tham gia

- Viếng thăm các trung tâm nuôi dưỡng người già, trẻ em mồ côi, tàn tật trong các ngày Lễ, Tết, Giáng Sinh, Trung Thu, Quốc Tế Thiếu Nhi.
- Quyên góp giúp đỡ đồng bào bị thiên tai.
- Phối hợp, liên kết với các đơn vị trong Khối thi đua của Trung ương, trong khối nghành hoạt động để trao tặng nhà tình thương cho các hộ nghèo.
- Tham gia Hiến máu nhân đạo hàng năm.

Mục tiêu đối với Môi Trường

- Tham gia các sự kiện quốc tế: Giờ Trái Đất và Ngày Môi Trường Thế Giới.
- Giảm thiểu các chuyến đi công tác (trong nước và ngoài nước) để tiết kiệm chi phí.
- Thực hiện các khóa học đào tạo qua các chương trình đào tạo trực tuyến để tiết kiệm thời gian di chuyển, chi phí đi lại và chi phí đào tạo.
- Các hoạt động vệ sinh, làm đẹp mỹ quan khu vực công sở, văn phòng làm việc; các chương trình hành động tiết kiệm điện, nước, văn phòng phẩm; chương trình hành động hướng đến bỏ thuốc lá, cấm hút thuốc lá tại văn phòng làm việc nhằm giảm thiểu tác động tiêu cực của thuốc lá đối với sức khỏe của cá nhân và mọi người xung quanh… được tổ chức thường xuyên tại tất cả chi nhánh công ty. Vietranstimex luôn tuyên truyền và khuyến khích toàn thể nhân viên tích cực giảm mức tiêu thụ điện năng và thực hiện những hoạt động thiết thực khác nhằm góp phần bảo vệ môi trường.
- Đào tạo nhận thức cho toàn thể cán bộ công nhân viên Công ty về Hệ thống An toàn Sức khỏe Nghề nghiệp và Môi trương theo tiêu chuẩn OHSAS 18001:2007 tại Công ty. Tuyên truyền, giáo dục cho cán bộ công nhân viên ý thức giữ gìn, bảo vệ vệ sinh môi trường và cảnh quan tự nhiên tại các công trường đang làm việc; giảm thiểu tác động xấu của các loại chất thải, khí thải phát sinh trong quá trình thực hiện công việc vận chuyển, bốc xếp hàng siêu trường siêu trọng tại tất cả các điểm làm hàng bằng các biện pháp như: kiểm tra, bảo dưỡng thường xuyên các phương tiện thiết bị và máy móc của Công ty để giảm thiểu các sự cố rò rỉ dầu máy, nhiên liệu, dầu thủy lực ra môi trường bên ngoài; khi có sự cố rò rỉ dầu các loại cần có biện pháp sửa chữa kịp thời cũng như luôn sẵn sang bố trí các thiết bị chuyên dụng để thu gom (*khay chứa dầu; tấm hút dầu; phao gom dầu trên mặt nước*..) nhằm phục vụ việc tái sử dụng hoặc có biện pháp tiêu hủy phù hợp; thanh lý và đầu tư mới các phương tiện máy móc quá cũ để giảm thiểu khí thải độc hại thải ra môi trường xung quanh, tiết kiệm tiêu hao nhiên liệu và đáp ứng các yêu cầu về tiêu chuẩn khí thải trong thời đại mới

CÁC RỦI RO

Rủi ro kinh tế

- Theo Tổng cục thống kê, tổng sản phẩm trong nước (GDP) năm 2015 đã tăng 6.68% so với năm 2014. Mức tăng trưởng này cao hơn mức tăng của các năm 2011- 2014 cho thấy sự phục hồi rõ nét của nền kinh tế. Mặc dù CPI bình quân năm 2015 tăng 0.63% so với mức bình quân năm 2014 là mức tăng thấp nhất so với 14 năm trở lại đây nhưng chính phủ khẳng định không có biểu hiện giảm phát. Tiêu dùng trong nước, sức mua và tổng cầu đã tăng khá mạnh. Những dấu hiệu khả quan này của nền kinh tế ảnh hưởng tích cực đến hoạt động kinh doanh của nhiều doanh nghiệp.
- Với đặc thù hoạt động trong ngành vận tải thiết bị siêu trường siêu trọng phục vụ cho các dự án công nghiệp và giao thông, điều kiện môi trường kinh doanh cùng với hoạt động của các doanh nghiệp trong nước có ảnh hưởng không nhỏ đến doanh thu, lợi nhuận.

Rủi ro pháp lý

- Là doanh nghiệp cổ phần và đã đăng ký giao dịch cổ phiếu trên thị trường chứng khoán nên hoạt động của Công ty chịu sự ảnh hưởng của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và các văn bản luật liên quan. Hiện nay, hệ thống văn bản pháp luật của Việt Nam vẫn đang trong quá trình hoàn thiện, trong quá trình đó sự thay đổi về mặt chính sách, pháp luật sẽ ít nhiều ảnh hưởng đến hoạt động quản trị, kinh doanh của Công ty. Đặc biệt là sự ra đời của Luật doanh nghiệp năm 2014, có hiệu lực từ ngày 01/07/2015.
- Trong ngành vận tải xếp dỡ, đặc biệt là thiết bị siêu trường siêu trọng chỉ cần những sơ suất, thiếu sót hoặc lỗi nhỏ của nhân viên có thể dẫn đến sự cố gây thiệt hại tài sản, con người; phát sinh trách nhiệm dân sự đối với bên thứ ba, trách nhiệm pháp lý đối với Nhà nước.

Rủi ro thị trường

- Sự cạnh tranh trong thị trường vận chuyển hàng hóa, thiết bị và dịch vụ phụ trợ tại Việt Nam đã diễn ra rất gay gắt do việc ngày càng có nhiều doanh nghiệp trong và ngoài nước tham gia hoạt động trong lĩnh vực này.
- Nhu cầu hàng hóa có thể phát sinh theo triển vọng tăng trưởng kinh tế và thay đổi theo chính sách điều hành kinh tế vĩ mô từng giai đoạn; trong khi đó, lĩnh vực vận tải, xếp dỡ thiết bị siêu trường siêu trọng đòi hỏi phải có vốn lớn để đầu tư cho trang thiết bị phương tiện chuyên dùng. Nếu doanh nghiệp theo đuổi chiến lược đầu tư đón đầu để đáp ứng đủ năng lực vận tải để thực hiện các hợp đồng tiềm năng tthì có thể rơi vào tình trạng dư thừa nguồn lực trong khi thiếu doanh thu để cân đối chi phí thường xuyên cho doanh nghiệp trong bối cảnh kinh tế suy thoái hoặc giảm phát.

Rủi ro nguồn nhân lực

- Thị trường lao động trong lĩnh vực vận tải thiết bị siêu trường siêu trọng luôn thiếu nhân lực có trình độ chuyên môn cao và chuyên biệt. Canh tranh gay gắt về kinh doanh có thể dẫn đến các nhân sự có chuyên môn đặc biêt là đối tượng bị thu hút bởi các tập đoàn nước ngoài với thương hiệu nổi tiếng, khả năng tài chính mạnh.
- Trước các rủi ro có thể xảy ra , Công ty đặt mục tiêu xây dựng các chính sách đãi ngộ cạnh tranh với thị trường để duy trì được đội ngũ nhân tài, đồng thời xác định chính sách đào tạo là trọng điểm đề nâng cao trình độ nhân viên, phát huy hết tiềm lực của đội ngũ nhân sự hiện tại. Để tạo động lực phát huy sức mạnh nguồn nhân lực sẵn có, chương trình đánh giá hiệu quả công việc không ngừng được cải thiện, chính sách chi trả thu nhập được đánh gái theo kết quả hoàn thành và giá trị công việc.

Rủi ro khác

Bên cạnh những nhân tố rủi ro trên, còn một số nhân tố rủi ro mang tính bất khả kháng như: thiên tai, chiến tranh hay dịch bệnh hiểm nghèo trên quy mô lớn. Những rủi ro này hiếm khi xảy ra nhưng nếu xảy ra sẽ để lại những hậu quả thực sự nghiêm trọng, tác động trực tiếp đến hoạt động kinh doanh và phát triển của Công ty.

Chiến lược đối phó với rủi ro

- Đánh giá rủi ro là một yêu cầu bắt buộc của Công ty đối với các phương án về sản xuất kinh doanh, tín dụng, đầu tư và phát hành chứng khoán.
- Công ty đã xây dựng và áp dụng Hệ Thống Quản Lý An Toàn, Sức Khỏe Nghề Nghiệp và Môi trường theo tiêu chuẩn OHSAS 18001:2007 trong các công đoạn vận tải xếp dỡ.
- Tham gia bảo hiểm cho con người, hàng hóa và trang thiết bị, phương tiện.
- Công ty đã ký kết Hợp đồng tư vấn pháp luật với các Văn phòng Luật sư, các tổ chức tư vấn chuyên nghiệp khác nhằm giúp công ty giảm thiểu các rủi ro pháp lý trong quá trình hoạt động SXKD, quản trị doanh nghiệp.

TÌNH HÌNH
HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

Trong bối cảnh thị trường kinh tế giới phục hồi chậm sau suy thoái và còn nhiều biến động khó lường; tình hình kinh tế trong nước tuy đã có nhiều chuyển biến tích cực nhưng sức cạnh tranh còn thấp trong khi yêu cầu hội nhập ngày càng cao; thị trường vận tải trong nước cạnh tranh ngày càng khốc liệt, không chỉ với các doanh nghiệp trong nước mà còn với các doanh nghiệp nước ngoài, Hội đồng quản trị đã phối hợp với Ban Tổng Giám đốc đưa ra các giải pháp linh hoạt để kịp thời tháo gỡ các vướng mắc trong hoạt động sản xuất kinh doanh, cùng với sự đồng sức đồng lòng của toàn thể cán bộ công nhân viên đã vượt qua thử thách và đạt được những kết quả sản xuất kinh doanh khả quan trong năm 2015 so với tình hình thực hiện năm 2014 và các chỉ tiêu do Đại hội đồng cổ đông đề ra đầu năm.

Chỉ tiêu	TH2014	KH2015	TH2015	TH2015/ TH2014	TH2015/ KH2015
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	488.714.099.279	488.884.000.000	580.411.232.044	118,76%	118,72%
Giá vốn hàng bán	453.358.465.475	-	493.079.918.827	108,76%	-
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	35.355.633.804	-	87.331.313.217	247,01%	-
Doanh thu hoạt động tài chính	5.435.819.389	-	4.175.313.496	76,81%	-
Chi phí tài chính	17.467.006.103	-	7.706.754.984	44,12%	-
Chi phí quản lý doanh nghiệp	43.398.011.958	-	66.101.816.299	152,32%	-
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	-20.073.564.868	-	17.698.055.430	-	-
Lợi nhuận khác	34.617.333.699	-	582.433.049	1,68%	-
Lợi nhuận trước thuế	14.543.768.831	16.100.000.000	18.280.488.479	125,69%	113,54%
Thuế TNDN	7.656.695.859	4.400.000.000	-	-	-
Lợi nhuận sau thuế	6.887.072.972	11.700.000.000	18.280.488.479	265,43%	156,24%
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	328	-	872	265,85%	-
Tỷ lệ cổ tức (%)	-	5%	6%	-	120%

(ĐVT: đồng)

Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2015, doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ đạt 580,4 tỷ đồng, bằng 118,76% năm 2014 và vượt gần 19% so với mục tiêu do Đại hội đồng cổ đông đề ra từ đầu năm. Giá vốn hàng bán năm 2015 là 493,1 tỷ đồng, tăng gần 9% so với năm trước đó. Nguyên nhân là do trong năm 2015, phát sinh khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho và giá vốn của dịch vụ đã cung cấp tăng hơn 9%. Mặc dù vậy nhưng lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ vẫn đạt con số tăng trưởng ấn tượng là 147% so với năm trước đó và đạt 87,3 tỷ đồng. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh đã chuyển từ lỗ 20,1 tỷ đồng năm 2014 sang lãi 17,7 tỷ đồng năm 2015. Nhưng do lợi nhuận khác trong năm 2015 chỉ bằng 1,68% so với cùng kỳ năm trước, dẫn đến lợi nhuận trước thuế chỉ đạt 18,3 tỷ đồng, tăng 25,7% so với năm trước đó và vượt 14% so với kế hoạch. Tuy nhiên do được chuyển lỗ từ hoạt động sản xuất kinh doanh của các năm trước nên năm 2015 không phát sinh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp. Do đó, lợi nhuận sau thuế của Công ty trong năm 2015 là 18,3 tỷ đồng, bằng 265,4% năm 2014 và tăng 56,2% so với kế hoạch đề ra từ đầu năm. Lãi cơ bản trên cổ phiếu đạt 872 đồng, tăng 165,9% so với cùng kỳ năm trước. Tỷ lê cổ tức đạt 6%, tăng 20% so với kế hoạch.

Những nguyên nhân dẫn đến vượt kế hoạch 2015

- Nghị quyết 11/NQ-CP của Chính phú về các giải pháp chủ yếu tập trung kiềm chế lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô, đảm bảo an sinh xã hội đã góp phần thúc đẩy nền kinh tế dần thoát khỏi lạm phát kéo dài từ năm 2011 đến nay.
- Các nước duy trì cam kết tài trợ vốn ODA cho Việt Nam nên các dự án công cộng sử dụng nguồn vốn này vẫn tiếp tục được Chính phủ chỉ đạo triển khai thực hiện tạo thêm thị trường cho ngành vận tải trong nước.
- Công tác đầu tư từ những năm trước đến nay đã đảm bảo hệ thống phương tiện thiết bị cơ bản đồng bộ, tăng năng lực sản xuất.
- Chính sách tái cấu trúc nguồn vốn và tổ chức của Công ty từ năm 2013 đến nay đã phát huy hiệu quả, làm cho sản xuất kinh doanh năm 2015 triển vọng hơn năm trước đó.
- Lãi suất vay vốn từ các tổ chức tín dụng phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm 2015 giảm so với năm 2014, thêm vào đó Công ty tranh thủ nguồn thu từ khách hàng để trả nợ dẫn đến chi phí tài chính của năm giảm đáng kể, từ 17,5 tỷ đồng năm 2014 xuống còn 7,7 tỷ đồng năm 2015.
- Giá xăng dầu trong năm 2015 giảm dẫn đến chi phí nhiên liệu trong năm 2015 giảm so với năm 2014.

Tình hình đầu tư năm 2015

Thực hiện kế hoạch đầu tư đã được Đại hội đồng cổ đông năm 2015 thông qua, trên cơ sở cân đối năng lực hiện có và nhu cầu cần phải đảm bảo cung ứng dịch vụ vận tải cho khách hàng mà công ty đã trúng thầu, ký hợp đồng thực hiện. Trong năm Công ty đã đầu tư, tăng tài sản 44,333 tỷ đồng.

- Tăng do đầu tư mua sắm: **25,497 tỷ đồng**.

  Trong đó:

  + Phương tiện vận tải: 20.473 triệu đồng
  + Máy móc thiết bị: 3.312 triệu đồng
  + Xây dựng cơ bản: 1.562 triệu đồng
  + Phần mềm quản lý : 150 triệu đồng

- Tăng do thanh lý các hợp đồng thuê mua tài chính, chuyển sở hữu tài sản là phương tiện vận tải xếp dỡ đã thuê mua từ Công ty cho thuê tài chính về Công ty cổ phần Vận tải Đa phương thức: **18,836 tỷ đồng**.

  Trong đó:

  + Phương tiện vận tải: 18.199 triệu đồng
  + Máy móc thiết bị: 637 triệu đồng

Tình hình thanh lý tài sản năm 2015

Trong năm, công ty đã triển khai nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện kế hoạch nâng cao hiệu quả sử dụng tài sản, nhất là các tài sản là bất động sản; các tài sản đã thanh lý, nhượng bán như sau:

- Thực hiện thanh lý máy móc thiết bị: 409 triệu đồng.
- Tài sản thanh lý, chuyển nhượng đã triển khai nhưng đang thực hiện dở dang chuyển sang năm 2016 gồm: Văn phòng làm việc 100 Đại Cồ Việt - Hà Nội; Nhà để xe cán bộ công nhân viên K16/14 Hùng Vương - Đà Nẵng; Cửa hàng xăng dầu Yết Kiêu - Đà Nẵng và một số phương tiện của Chi nhánh Vận tải đa phương thức 2.

Tình hình thực hiện các dự án

Một số công trình, dự án lớn tiêu biểu về mặt quy mô và công nghệ kỹ thuật thực hiện mà Công ty đã thực hiện trong năm 2015

Dự án lọc hóa dầu Nghi Sơn

Công ty cổ phần Vận tải đa phương đã đàm phán và hoàn tất việc ký kết Hợp đồng vận chuyển toàn bộ thiết bị, vật tư của Nhà máy lọc hóa dầu Nghi sơn từ Cảng Hải phòng và Cảng Nghi sơn về công trường nhà máy tại Tĩnh Gia, Thanh Hóa. Khối lượng hàng hóa dự kiến khoảng 1.500.000 F.T vật tư, thiết bị, trong đó hàng siêu trường siêu trọng nặng từ 30 tấn trở lên có khối lượng gần 500.000 FT. Hợp đồng ký với nhà thầu Tatsumi đối với hàng thông thường nặng dưới 30 T/kiện, trị giá 200 tỷ đồng. Hợp đồng ký với nhà thầu Nippon Express trị giá 300 tỷ đồng đối với hàng siêu trường siêu trọng nặng trên 30 T/kiện. Đây là dự án lọc hóa dầu lớn nhất ở Việt nam tính đến thời điểm hiện tại. Dự kiến dự án sẽ hoàn thành công tác vận chuyển vào cuối năm 2016.

Dự án Hạ thủy khối thượng tầng nặng 2300 tấn của dự án Tê Giác Trắng H5 tại cảng PTSC Vũng Tàu

Dự án Tê Giác Trắng H5 do Tập đoàn dầu khí Việt Nam làm chủ đầu tư với tổng mức đầu tư 324 triệu USD. Dự án được giao cho Công ty Liên doanh Hoàng Long – Hoàn Vũ điều hành và nhà thầu PTSC là tổng thầu mua sắm, chế tạo và hạ thủy

Theo đó, Vietranstimex đã được PTSC tin tưởng giao thầu hợp đồng hạ thủy khối thượng tầng với tổng trọng lượng 2300 tấn.

Sau một thời gian chuẩn bị và lắp ghép phương tiện, vào ngày 04/7/2015 Vietranstimex đã thực hiện vận chuyển và hạ thủy cấu kiện khối thượng tầng TGT H5 nặng 2300 tấn từ vị trí chế tạo xuống sà lan tại cảng PTSC Vũng Tàu.

Để thực hiện được việc vận chuyển cấu kiện 2300 tấn này, Vietranstimex đã bố trí 116 trục rơ-mooc tự hành SPMT của hãng Cometto, Ý cùng các thiết bị chuyên dụng khác như bơm ballast, tời neo sà lan,, dầm phân tải… để thực hiện việc vận chuyển các cấu kiện từ vị trí chế tạo ra cầu cảng và hạ thủy xuống sà lan biển để mang ra ngoài khơi lắp đặt.

Toàn bộ công việc đã thực hiện thuận lợi, đúng tiến độ và an toàn tuyệt đối.

Dự án di dời 2 cần cẩu giàn container (540 tấn/cẩu) hiệu Kocks

Từ 22 – 29/07/2015, Vietranstimex đã vận chuyển 2 cần cẩu giàn container từ cảng Tân Cảng Cát Lát đến cảng Tân Cảng Hiệp Phước. Nội dung chi tiếp như sau:

- Trọng lượng: 540 tấn/cẩn
- Phạm vi công việc: Vận chuyển từ bãi lắp dựng ra cầu cảng, hạ thủy xuống sà lan tại cảng Cát Lát, chằng buộc và thiếp lập vận chuyển sà lan. Tải cảng Hiệp Phước tiến hành đổ bộ từ sà lan lên bờ và dỡ xuống rail vận hành
- Địa điểm thực hiện: Cảng Tân Cảng Cát Lát và cảng Tân Cảng Hiệp Phước, TP. HCM
- Thời gian thực hiện: Từ ngày 22 – 29/07/2015
- Chủ hàng: Tổng công ty Tân Cảng Sài Gòn
- Phương tiện: Rơ-mooc tự hành SPMT, bơm ballast, tời neo sà lan và các thiết bị chuyên dụng khác.

Dự án Hạ thủy khối thượng tầng nặng 1800 tấn của dự án Marahaja Lela South (MLS) tại cảng PTSC Vũng Tàu

Dự án Marahaja Lela South (MLS) do Công ty Total E&P Borneo B.V (có trụ sở tại Brunei, thuộc Tập đoàn Total, Pháp) làm chủ đầu tư, đây là dự án tại Brunei và có trị giá trên 100 triệu USD. PTSC được Total chọn là tổng thầu mua sắm, chế tạo và vận chuyển.

Theo đó, Vietranstimex đã được PTSC tin tưởng giao thầu hợp đồng hạ thủy khối thượng tầng với tổng trọng lượng 1800 tấn.

Sau một thời gian chuẩn bị và lắp ghép phương tiện, vào ngày 09/8/2015 Vietranstimex đã thực hiện vận chuyển và hạ thủy cấu kiện khối thượng tầng MLS nặng 1800 tấn từ vị trí chế tạo xuống sà lan tại cảng PTSC Vũng Tàu.

Để thực hiện được việc vận chuyển cấu kiện 1800 tấn này, Vietranstimex đã bố trí 120 trục rơ-mooc tự hành SPMT của hãng Cometto, Ý cùng các thiết bị chuyên dụng khác như bơm ballast, tời neo sà lan,, dầm phân tải… để thực hiện việc vận chuyển các cấu kiện từ vị trí chế tạo ra cầu cảng và hạ thủy xuống sà lan biển để mang ra ngoài khơi lắp đặt.

Toàn bộ công việc đã thực hiện thuận lợi, đúng tiến độ và an toàn tuyệt đối.

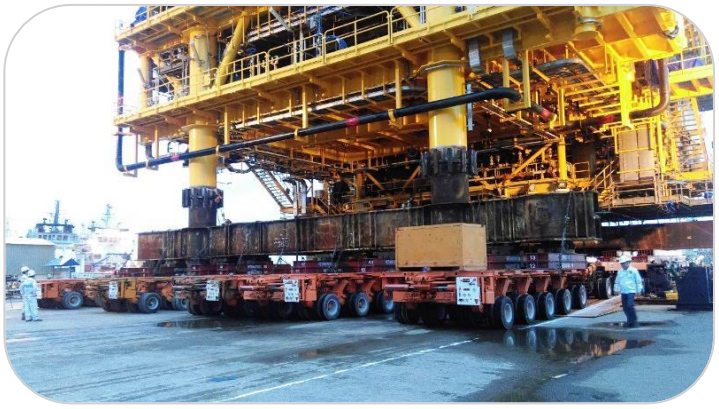

Dự án Formosa

Những ngày đầu năm 2015, Vietranstimex đã tiến hành ký kết hợp đồng vận chuyển hàng cho khu gang thép formosa với khối lượng 119 kiện hàng STST với giá trị 16 tỷ VNĐ. Hàng được về nhiều đợt qua Cảng Vũng Áng và Sơn Dương. Các kiện hàng nặng có trọng lượng 255 tấn, kích thước 8.4m x 8.4m x 8.05m và loại có trọng lượng 236 tấn, kích thước 16m x 10.6m x 5.1m. Mỗi loại có 3 kiện tương tự nhau.

Dự án di chuyển 04 cần cẩu giàn từ cầu cảng vào vị trí bảo dưỡng tại Cảng ITC Phú Hữu, Q.9, TP.HCM

Ngày 31/12/2015, Vietranstimex đã hoàn thành di dời 04 cần cẩu giàn (nặng 780 tấn/cẩu; D.90 x R.26 x C.55m; là chủng loại cẩu giàn lớn nhất tại Việt Nam từ trước đến nay) từ cầu cảng vào vị trí kiểm tra và bảo dưỡng tại Cảng ITC Phú Hữu, Q9, Tp.HCM. Đây là công trình có khối lượng công việc lớn, nhiều công đoạn, cự ly di dời dài và tiến độ hoàn thành gấp rút. Vietranstimex đã huy động đồng bộ một khối lượng lớn phương tiện và vật tư dụng cụ chuyên dụng bên cạnh một đội ngũ kỹ sư và công nhân lành nghề, giàu kinh nghiệm trong lĩnh vực tương tự.

Các công việc đã được Vietranstimex thực hiện bao gồm:

- Thi công lắp đắp hệ thống đường ray tạm để kéo các cần cẩu từ sà lan lên bờ.
- Di dời từ tàu lên bờ bằng hệ thống con lăn và tời thủy lực.
- Di dời từ cầu cảng vào vị trí lưu tạm bằng hệ thống con lăn và tời thủy lực.
- Dỡ hạ cần cẩu trên rơ-mooc tự hành (02 đoàn với tổng cộng 36 trục).
- Di dời từ vị trí lưu tạm đến vị trí kiểm tra và bảo dưỡng.
- Dỡ hạ cần cẩu xuống hệ thống ray tạm để phục vụ công tác kiểm tra, bảo dưỡng

Tất cả các công việc đã được Vietranstimex thực hiện một cách chuyên nghiệp, an toàn và vượt tiến độ.

Và rất nhiều dự án khác trên các lĩnh vực như dầu khí, điện lực, hóa dầu, xi măng, giao thông… khác, Quý cổ đông và Nhà đầu tư có thể xem chi tiết tại website của Công ty cổ phần Vận tải đa phương thức www.vietranstimex.com.vn

(Theo Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2015)

Chỉ tiêu	Năm 2014	Năm 2015	Tỷ lệ 2015 so với 2014
Tổng giá trị tài sản	385.264.432.459	346.540.056.380	89,95%
Tổng doanh thu	582.099.069.005	585.949.812.383	100,66%
Doanh thu SXKD	488.714.099.279	580.411.232.044	118,76%
Doanh thu tài chính và TN khác	93.384.969.726	5.538.580.339	5,93%
Lợi nhuận thuần từ hoạt động sản xuất kinh doanh	-20.073.564.868	17.698.055.430	-
Lợi nhuận khác	34.617.333.699	582.433.049	
Lợi nhuận trước thuế	14.543.768.831	18.280.488.479	125,69%
Lợi nhuận sau thuế	6.887.072.972	18.280.488.479	265,43%
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	**328**	**872**	265,85%

(ĐVT: đồng)

Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2014	Năm 2015
I	**Chỉ tiêu về khả năng thanh toán**			
-	Khả năng thanh toán ngắn hạn	lần	1,60	1,78
-	Khả năng thanh toán nhanh	lần	1,25	1,61
II	**Chỉ tiêu về cơ cấu vốn**			
-	Hệ số nợ/ Tổng tài sản	%	39,25%	31,32%
-	Hệ số nợ/ Vốn chủ sở hữu	%	64,61%	45,60%
III	**Chỉ tiêu về năng lực hoạt động**			
-	Vòng quay hàng tồn kho	vòng	11,13	17,46
-	Vòng quay tổng tài sản	vòng	1,10	1,59
IV	**Chỉ tiêu về khả năng sinh lời**			
-	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần	%	1,41%	3,15%
-	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Vốn chủ sở hữu bình quân	%	2,99%	7,75%
-	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản bình quân	%	1,55%	5,00%
-	Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/ Doanh thu thuần	%	-4,11%	3,05%

KHẢ NĂNG THANH TOÁN

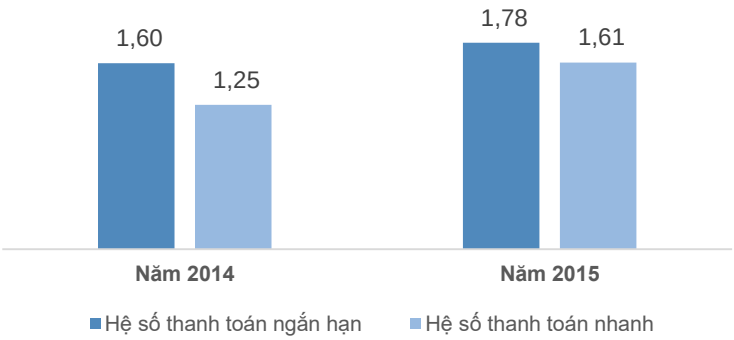

CƠ CẤU VỐN

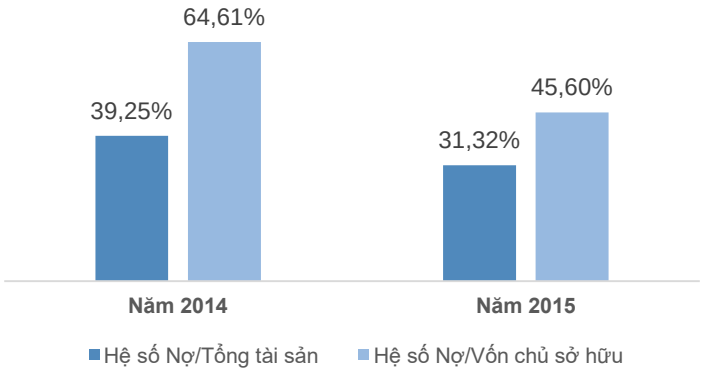

NĂNG LỰC HOẠT ĐỘNG

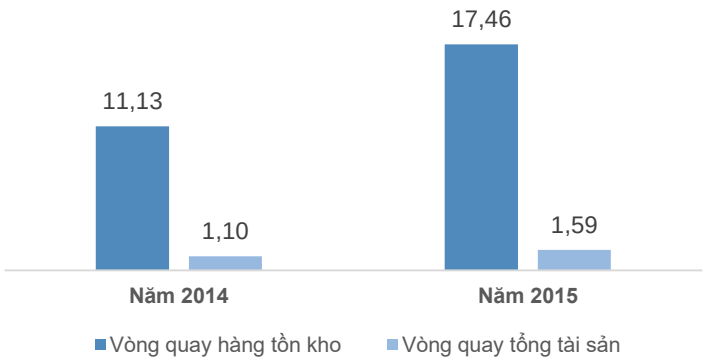

KHẢ NĂNG SINH LỜI

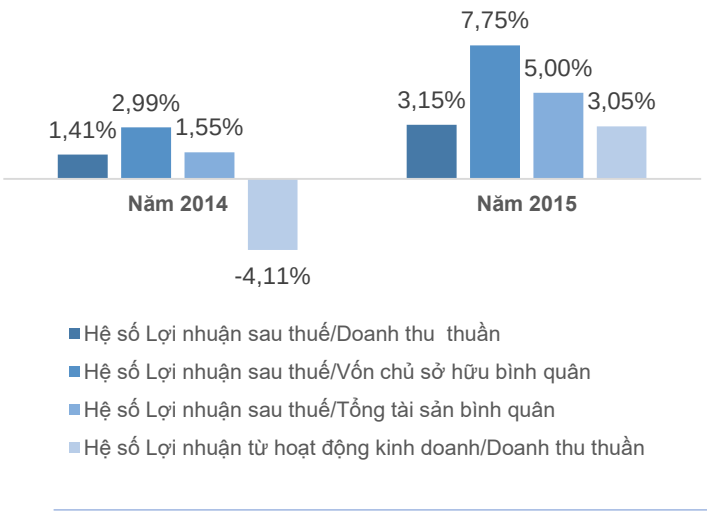

Nhìn chung các chỉ số về tình hình tài chính của Công ty năm 2015 đều chuyển biến theo chiều hướng tốt hơn so với năm 2014.

Về khả năng thanh toán, cả hệ số thanh toán ngắn hạn và hệ số thanh toán nhanh đều tăng so với năm trước, lần lượt đạt 1,78 và 1,61 chứng tỏ khả năng hoàn trả được hết các khoản nợ của Công ty ngày càng cao. Nguyên nhân là do tài sản ngắn hạn trong năm tăng mà nợ ngắn hạn lại giảm.

Năm 2015, tổng nợ phải trả giảm đáng kể từ 151.2 tỷ đồng năm 2014 xuống còn 108,5 tỷ đồng. Vì vậy hệ số Nợ/Tổng tài sản của Công ty đã giảm từ 39,25% xuống còn 31,32% và hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu giảm từ 64,61% xuống còn 45,60%.

Về năng lực hoạt động, chỉ số vòng quay hàng tồn kho tăng từ 11,13 vòng năm 2014 lên 17,46 vòng trong năm 2015. Điều này cho thấy khả năng quản trị hàng tồn kho của Công ty ngày càng hiệu quả. Vòng quay tổng tài sản cũng tăng từ 1,10 vòng năm 2014 lên 1,59 vòng năm 2015 phản ánh sự hiệu quả trong công tác sử dụng tài sản vào hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Các hệ số về khả năng sinh lời của Công ty trong năm 2015 đều tăng mạnh so với năm trước đó chứng tỏ sự hiệu quả trong hoạt động kinh doanh của Công ty trong năm, đặc biệt là hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần chuyển từ -4,11% năm 2014 sang 3,05% năm 2015. Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần tăng từ 1,41% năm 2014 lên 3,15% năm 2015. Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân tăng từ 2,99% năm 2014 lên 7,75% năm 2015 và hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân tăng từ 1,55% lên 5%. Nguyên nhân là do Lợi nhuận sau thuế năm 2015 tăng đáng kể so với năm 2014, từ 6,9 tỷ đồng lên 18,3 tỷ đồng.

Danh sách thành viên Ban Tổng Giám đốc

Ông **Võ Duy Nghi**

Tổng Giám đốc

Quốc tịch Việt Nam

Dân tộc Kinh

Ngày sinh 01/04/1968

CMND số 201048594 cấp ngày 29/01/2015 tại Công an Thành phố Đà Nẵng

Hộ khẩu thường trú 56 Thanh Sơn, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng

Trình độ chuyên môn Tiến sỹ Quản trị kinh doanh

Trình độ ngoại ngữ Anh văn

Quá trình công tác

Từ 1993 – 1997: Nhân viên Phòng Kinh doanh Công ty Vận tải đa phương thức

Từ 1998 – 2003: Phó Phòng Kinh doanh Công ty Vận tải đa phương thức

Từ 2004 – 2007: Trưởng Phòng Kinh doanh Công ty Vận tải đa phương thức

Từ 04/2008 – 10/2010: Phó Tổng Giám đốc Công ty Vận tải đa phương thức

Từ 11/2010 – 31/04/2015: Phó Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Vận tải đa phương thức

Từ 25/04/2015 – 31/12/2015: Thành viên Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Vận tải đa phương thức

Từ 01/05/2015 – nay: Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Vận tải đa phương thức

Số cổ phần sở hữu

140.124 cổ phần chiếm 0,670% số cổ phần có quyền biểu quyết

Ông **Ngô Tứ**

Phó Tổng Giám đốc

Quốc tịch Việt Nam

Dân tộc Kinh

Ngày sinh 04/08/1960

CMND số 200264375 cấp ngày 12/12/2015 tại Công an Thành phố Đà Nẵng

Hộ khẩu thường trú 50 Hàn Thuyên, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng

Trình độ chuyên môn Kỹ sư cơ khí động lực

Trình độ ngoại ngữ Anh văn

Quá trình công tác

Từ 07/1979 – 08/1991: Bộ đội tại đơn vị C21 – E467 – F342

Từ 09/1981 – 06/1986: Sinh viên Trường Đại học Bách khoa Đà Nẵng

Từ 03/1987 – 11/1998: Kỹ sư Phòng Kỹ thuật Vật tư Công ty Vận tải đa phương thức

Từ 12/1998 – 12/2000: Phó Phòng Kỹ thuật Vật tư Công ty Vận tải đa phương thức

Từ 01/01/2001 – 15/07/2008: Trưởng Phòng Kỹ Thuật Vật tư Công ty Vận tải đa phương thức

Từ 16/07/2008 – 30/10/2010: Phó Tổng Giám đốc Công ty Vận tải đa phương thức

Từ 19/2/2004 – 30/10/2010 Thành viên Hội đồng quản trị Công ty Vận tải đa phương thức

Từ 1/11/2010 – 31/12/2015: Phó Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Vận tải đa phương thức

Số cổ phần sở hữu

25.699 cổ phần chiếm 0,123% số cổ phần có quyền biểu quyết

Ông **Trần Nguyên Giáp**

Phó Tổng Giám đốc

Quốc tịch Việt Nam

Dân tộc Kinh

Ngày sinh 15/01/1971

CMND số 024672928 cấp ngày 08/12/2006 tại Công an Thành phố Hồ Chí Minh

Hộ khẩu thường trú 377/8/31 Bạch Đằng, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

Trình độ chuyên môn Thạc sỹ Quản trị kinh doanh

Trình độ ngoại ngữ Cử nhân Anh văn

Quá trình công tác

Từ 01/105/1997- 30/08/1999: Chuyên viên Chi nhánh Dịch vụ Vận tải II tại Thành phố Hồ Chí Minh Công ty Dịch vụ vận tải II (Công ty Vận tải đa phương thức)

Từ 01/09/1999 – 13/05/2001: Trưởng bộ phận Thủ tục hải quan, giao nhận hàng hóa Ban Phú Mỹ I Công ty Vận tải đa phương thức

Từ 14/05/2001 – 30/04/2003: Trưởng bộ phận điều độ, giao nhận và thủ tục hải quan Chi nhánh Dịch vụ vận tải II tại Thành phố Hồ Chí Minh Công ty Vận tải đa phương thức

Từ 01/05/2003 – 30/05/2004: Phó Giám đốc Chi nhánh Dịch vụ vận tải II tại Thành phố Hồ Chí Minh Công ty Vận tải đa phương thức

Từ 01/06/2004 – 30/06/2010: Phó giám đốc kiêm Trưởng Phòng Kinh doanh Công ty vận tải đa phương thức 7 Công ty Vận tải đa phương thức

Từ 01/07/2010 – 30/10/2010: Giám đốc Công ty Vận tải đa phương thức 7 Công ty Vận tải đa phương thức

Từ 01/11/2010 – 15/11/2012: Giám đốc Công ty Vận tải đa phương thức 7 Công ty cổ phần Vận tải đa phương thức

Từ 16/11/2012 – nay: Phó Tổng Giám đốc Công ty kiêm Giám đốc Công ty Vận tải đa phương thức 7 Công ty cổ phần Vận tải đa phương thức

Số cổ phần sở hữu

80.461 cổ phần chiếm 0,384% số cổ phần có quyền biểu quyết

Ông **Phan Văn Phúc**

Phó Tổng Giám đốc

Quốc tịch Việt Nam

Dân tộc Kinh

Ngày sinh 30/07/1970

CMND số 201046399 cấp ngày 17/04/2010 tại Công an Thành phố Đà Nẵng

Hộ khẩu thường trú 37 Trần Cao Vân, Quận Thanh Khê, Thành phố Đà Nẵng

Trình độ chuyên môn Thạc sỹ Quản trị kinh doanh chuyên ngành Kế toán

Trình độ ngoại ngữ Anh văn

Quá trình công tác

Từ 03/1993 – 03/1996: Nhân viên Phòng Kế toán – Tài vụ Công ty Vận tải đa phương thức

Từ 04/1996 – 01/1997: Kế toán trưởng Chi nhánh Hà Nội Công ty Vận tải đa phương thức

Từ 02/1997 – 06/1999: Nhân viên Phòng Kế toán – Tài vụ Công ty Vận tải đa phương thức

Từ 07/1999 – 02/2005 Phó Phòng Tài chính Kế toán Công ty Vận tải đa phương thức

Từ 03/2005 – 10/2010 Kế toán trưởng kiêm Trưởng Phòng Tài chính Kế toán Công ty Vận tải đa phương thức

Từ 11/2010 – 15/11/2012: Kế toán trưởng kiêm Trưởng Phòng Tài chính Kế toán Công ty cổ phần Vận tải đa phương thức

Từ 16/11/2012 – 24/03/2013: Phó Tổng Giám đốc kiêm Kế toán trưởng và Trưởng phòng Tài chính Kế toán Công ty cổ phần Vận tải đa phương thức

Từ 25/03/2013 – nay: Phó Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Vận tải đa phương thức

Số cổ phần sở hữu

22.051 cổ phần chiếm 0,105% số cổ phần có quyền biểu quyết

Bà **Bùi Thị Ngọc Hà**

Kế toán trưởng

Quốc tịch Việt Nam

Dân tộc Kinh

Ngày sinh 25/06/1979

CMND số 201430302 cấp ngày 25/06/2011 tại Công an Thành phố Đà Nẵng

Hộ khẩu thường trú K123/6 Nguyễn Thị Minh Khai, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng

Trình độ chuyên môn Thạc sĩ Kinh tế ngành Kế toán

Trình độ ngoại ngữ Anh văn

Quá trình công tác

Từ 09/2001 – 12/2005: Kế toán tổng hợp Trung tâm Anh văn Hội Việt Mỹ

Từ 03/2006 – 10/2010: Nhân viên Phòng Tài chính Kế toán Công ty Vận tải đa phương thức

Từ 11/2010 – 04/2011: Nhân viên Phòng Tài chính Kế toán Công ty cổ phần Vận tải đa phương thức

Từ 05/2011 – 03/2013: Phó Phòng Tài chính Kế toán Công ty cổ phần Vận tải đa phương thức

Từ 25/03/2013 – 31/12/2015: Kế toán trưởng kiêm Trưởng Phòng Tài chính Kế toán Công ty cổ phần Vận tải đa phương thức

Số cổ phần sở hữu

11.414 cổ phần chiếm 0,054% số cổ phần có quyền biểu quyết

Tình hình thay đổi về nhân sự chủ chốt trong Công ty

STT	Họ và tên	Chức vụ	Thời điểm bắt đầu/ không còn là người nội bộ	Lý do
1	Võ Duy Nghi	Tổng giám đốc	01/05/2015	Bổ nhiệm Tổng giám đốc theo NQ số 4 ngày 25/04/2015 của HĐQT
2	Nguyễn Đăng Sâm	Tổng giám đốc	01/05/2015	Thôi giữ chức Tổng giám đốc, Hết hạn hợp đồng lao động

Cơ cấu lao động

(tính đến ngày 31/12/2015)

Tiêu chí	Nam	Nữ	Tổng
Phân theo trình độ học vấn	**400**	**47**	**447**
Tiến sỹ	1	0	1
Thạc sỹ	8	3	11
Cử nhân/ Kỹ sư	132	29	161
Cao đẳng, trung cấp, công nhân, lao động phổ thông	259	15	274

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2013	Năm 2014	KH 2015	Năm 2015
Tổng số lượng cán bộ/ nhân viên	Người	444	455	470	454
Thu nhập bình quân	Triệu đồng/ Người/ Tháng	7.598	8.350	9.198	10.899

Chính sách cho người lao động

- Tại VIETRANSTIMEX, chúng tôi luôn tôn trọng và đề cao con người, tôn trọng và đề cao văn hóa, cá tính và sự đóng góp của mỗi cá nhân
- Là thành viên của VIETRANSTIMEX, bạn không chỉ được đánh giá cao và được tưởng thưởng xứng đáng cho những đóng góp cá nhân, mà còn được khuyến khich phát huy năng lực và kiến thức của mình để cùng đồng lòng chung sức xây dựng một môi trường làm việc chuyên nghiệp, tin cậy, tôn trọng lẫn nhau, thực sự hòa đồng… thông qua chính sách tiền lương gồm phần cứng *(theo thâm niên, bằng cấp theo Nhà nước quy định)* và phần mềm *(theo vị trí công việc đảm nhận thực tế, năng lực cống hiến và thực tế luôn cao hơn phần cứng)* và kết quả hoàn thành công việc hàng tháng.
- Là thành viên của VIETRANSTIMEX, bạn sẽ có cơ hội phát triển nghề nghiệp của mình trong một lĩnh vực vận tải đặc biệt tại Việt Nam. Chúng tôi cam kết mang đến cho bạn một môi trường học hỏi không ngừng, giúp bạn nâng cao kiến thức và kỹ năng chuyên môn.
- Tại VIETRANSTIMEX, chúng tôi tin rằng chỉ có học hỏi không ngừng mới có thể cạnh tranh trong kinh doanh và đạt được sự thành công bền vững. Mỗi nhân viên, dù ở vị trí nào, chức vụ nào, cũng thường xuyên được trau dồi và học tập những kỹ năng nghề nghiệp mới.
- Chính vì thế, các chương trình đào tạo của VIETRANSTIMEX luôn được nghiên cứu, thiết kế và cập nhật phù hợp với nhu cầu của từng nhân viên

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

Thông tin cổ phiếu

Tổng số cổ phần phát hành: 20.972.321 cổ phần

- Tổng số cổ phần đang lưu hành: 20.972.321 cổ phần
- Cổ phiếu quỹ: 0

Loại cổ phần: cổ phần phổ thông

Mệnh giá: 10.000 đồng

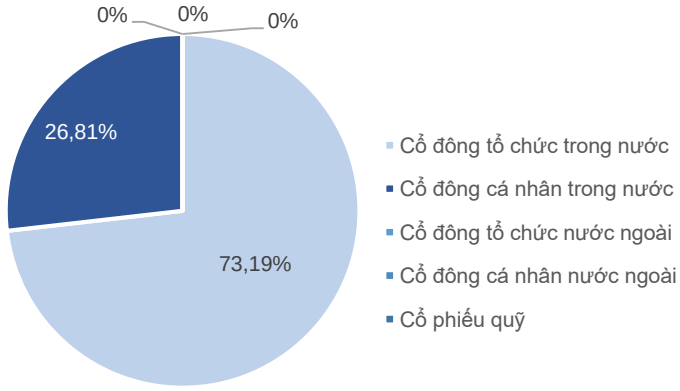

Cơ cấu cổ đông

(tính đến ngày 25/03/2016)

STT	Loại cổ đông	Số lượng cổ đông	Số cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu
I	**Cổ đông trong nước**	**713**	**20.972.321**	**100,00%**
	Cổ đông tổ chức	7	15.350.331	73,19%
	Cổ đông cá nhân	706	5.621.990	26,81%
II	**Cổ đông nước ngoài**	**0**	**0**	**0%**
	Cổ đông tổ chức	0	0	0%
	Cổ đông cá nhân	0	0	0%
III	**Cổ phiếu quỹ**	**0**	**0**	**0%**
	Tổng cộng	**713**	**20.972.321**	**100,00%**

Danh sách cổ đông lớn

(tính đến ngày 25/03/2016)

STT	Tên cổ đông	Địa chỉ	Số lượng cổ phiếu	Giá trị (đồng)	Tỷ lệ (%)
1	Công ty cổ phần Giao nhận và Vận chuyển In đô Trần	52-54-56 Trường Sơn, P.2, Q. Tân Bình, HCM	4.796.834	47.968.340.000	22,87%
2	Công ty Cổ phần SCI	Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mễ Trì, phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội	4.152.440	41.524.400.000	19,80%
3	Công ty cổ phần Chứng khoán IB	Tầng 8, Số 52 phố Lê Đại Hành, phường Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội.	3.169.500	31.695.000.000	15,11%
4	Công ty TNHH MTV Quản lý Quỹ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	Tầng 6, Trung tâm Thương mại Chợ Cửa Nam, 34 Cửa Nam, Hoàn Kiếm, Hà Nội	2.045.000	20.450.000.000	9,75%
5	Nguyễn Lã Thảo	Mai Hiên, Mai Lâm, Đông Anh, Hà Nội	1.977.340	19.773.400.000	9,43%
6	Công ty Cổ Phần Cung Ứng và Dịch Vụ Kỹ Thuật Hàng Hải	Số 8 A đường Vạn Mỹ, Phường Vạn Mỹ, Quận Ngô Quyền, TP Hải Phòng	1.186.400	11.864.000.000	5,66%
Tổng cộng			**17.327.514**	**173.275.140.000**	**82,62%**

- **Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu**: không có
- **Giao dịch cổ phiếu quỹ**: không có
- **Các chứng khoán khác**: không có

BÁO CÁO
BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH

Đối với Công ty cổ phần Vận tải đa phương thức Vietranstimex, năm 2015 có thể coi là một năm nhiều thuận lợi nhưng bên cạnh đó cũng tồn tại nhiều khó khăn đối với hoạt động sản xuất kinh doanh.

Bối cảnh thị trường toàn cầu còn nhiều bất ổn, kinh tế thế giới vẫn đối mặt với nhiều rủi ro lớn với các nhân tố khó lường. Triển vọng kinh tế khu vực Eurozone chưa thật lạc quan. Thương mại toàn cầu sụt giảm do tổng cầu yếu. Kinh tế thế thời chưa lấy lại được đà tăng trưởng và phục hồi chậm. Giá dầu thô giảm mạnh, tính chung cả năm 2015, giá dầu đã giảm thêm 39% từ mức 52,7 USD/thùng xuống quanh ngưỡng 32 USD/thùng, đánh dấu 2 năm sụt giảm liên tiếp kể từ cuối năm 2013. Việc này dẫn đến giá cả hàng hóa có xu hướng giảm nhanh, ảnh hưởng đến các nước xuất khẩu. Bên cạnh đó, sự bất ổn của thị trường tài chính toàn cầu với việc giảm giá đồng Nhân dân tệ và sụt giảm trong tăng trưởng của kinh tế Trung Quốc đã tác động mạnh đến kinh tế thế giới.

Trong nước, việc giá cả trên thị trường thế giới biến động nhất là giá dầu giảm gây áp lực đến cân đối Ngân sách Nhà nước, nhưng đồng thời là yếu tố thuận lợi cho việc giảm chi phí đầu vào, phát triển sản xuất và kích thích tiêu dùng, đem lại những ảnh hưởng tích cực cho tình hình kinh tế trong nước năm vừa qua. Tổng sản phẩm trong nước (GDP) năm 2015 tăng 6,68% so với năm 2014, cao hơn mục tiêu 6,2% đề ra và cao hơn mức tăng của các năm từ 2011 - 2014 cho thấy nền kinh tế đã phục hồi rõ nét. Bên cạnh đó, việc Ngành giao thông vận tải tiếp tục siết chặt quản lý vận tải, đặc biệt là việc kiểm tra tải trọng xe trên phạm vi toàn quốc cũng góp phần tạo điều kiện thuận lợi cho việc phát triển đối với những đơn vị có đủ phương tiện phù hợp như Vietranstimex. Tuy nhiên cũng phải nói đến tình trạng “né trạm” và “làm luật khi qua trạm”… vẫn diễn ra một cách không thể kiểm soát được gây khó khăn cho những doanh nghiệp thực hiện nghiêm túc quy định về tải trọng và tuân thủ pháp luật.

Trong bối cảnh đó của thị trường, dù gặp nhiều khó khăn và thách thức nhưng Ban Tổng Giám đốc Công ty luôn đề cao ý thức trách nhiệm trong Công tác quản lý, cố gắng hoàn thành tốt các nhiệm vụ được giao và triển khai thực hiện các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị theo đúng định hướng và kế hoạch đề ra. Cùng với sự đồng sức đồng lòng của toàn thể cán bộ công nhân viên, Hội đồng quản trị và Ban điều hành đã chèo lái con tàu Vietranstimex vượt qua năm 2015 một cách vững vàng và hiệu quả, các chỉ tiêu về doanh thu và cổ tức của năm 2015 do Đại hội đồng cổ đông giao đều vượt trước thời hạn. Bên cạnh đó, Công ty còn thử nghiệm và áp dụng thành công phần mềm quản lý công việc trên toàn Công ty và đặc biệt đã từng bước ổn định, kiện toàn bộ máy tổ chức của đơn vị trong giai đoạn mang tính giao thời.

Tổng quan về hoạt động của Công ty so với kế hoạch năm 2015 đã được phê duyệt tại Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2015 và so với kết quả kinh doanh năm 2014.

STT	Chỉ tiêu	TH 2014	KH2015	TH2015	TH2015/ TH2014	TH2015/ KH2015
1	Tổng doanh thu	582.099.069.005	510.000.000.000	585.949.812.383	100,66%	114,89%
	Doanh thu sản xuất kinh doanh	488.714.099.279	488.884.000.000	580.411.232.044	118,76%	118,72%
	Doanh thu tài chính và thu nhập khác	93.384.969.726	21.116.000.000	5.538.580.339	5,93%	26,23%
2	Tổng chi phí	567.555.300.174	493.900.000.000	567.669.323.904	100,02%	114,94%
3	Lợi nhuận trước thuế	14.543.768.831	16.100.000.000	18.280.488.479	125,69%	113,54%
4	Lợi nhuận sau thuế	6.887.072.972	11.700.000.000	18.280.488.479	265,43%	156,24%
5	Nộp NSNN	-	23.585.000.000	23.773.282.964	-	100,80%
6	Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đồng/cổ phần)	328	-	872	265,85%	-

(ĐVT: đồng)

Về hoạt động kinh doanh, tổng doanh thu của năm 2015 đạt xấp xỉ 586 tỷ đồng, vượt 14,9% so với kế hoạch đã đặt ra và tăng gần 1% so với năm trước đó. Trong đó doanh thu chủ yếu đến từ hoạt động sản xuất kinh doanh. Doanh thu từ hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2015 đạt 580,4 tỷ đồng, vượt 18,72% so với kế hoạch và tăng 18,76% so với năm 2014. Lợi nhuận trước thuế cả năm đạt 18,3 tỷ đồng tăng 25,7% so với cùng kỳ năm trước và vượt 13,5% mục tiêu đề ra. Do được chuyển lỗ từ hoạt động sản xuất kinh doanh của các năm trước nên năm 2015 không phát sinh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp. Do đó, lợi nhuận sau thuế của Công ty trong năm 2015 là 18,3 tỷ đồng, bằng 265,4% năm 2014 và tăng 56,2% so với kế hoạch đề ra từ đầu năm. Lãi cơ bản trên cổ phiếu đạt 872 đồng, tăng 165,86% so với cùng kỳ năm trước. Từ kết quả trên, có thể thấy năm 2015 là một năm kinh doanh khá thành công của Công ty.

Những tiến bộ, kết quả nội bật đã đạt được trong năm 2015

Chiến lược kinh doanh: Tăng cường công tác liên doanh, liên kết với các đơn vị có năng lực, có tiềm năng về công nghệ, khai thác thị trường

Sản phẩm mới, thị trường mới: Trong xu thế chung của nền kinh tế hội nhập và phát triển, Công ty luôn xác định tầm quan trọng của việc liên doanh, liên kết với các đối tác lớn nước ngoài trong lĩnh vực bốc xếp và vận tải hạng nặng để mở rộng thêm các loại hình dịch vụ: Lắp đặt thiết bị, dịch vụ Logistics.

Công ty đã từng bước tìm các đối tác tại nước bạn Lào và Campuchia để liên doanh và liên kết sử dụng phương tiện, nhân lực kinh nghiệm của đơn vị mình kết hợp với kinh nghiệm khai thác thị trường của các đơn vị tại nước sở tại nhằm mở rộng mạng lưới hoạt động dịch vụ chứ không chỉ hoạt động văn phòng đại diện như trước đây

Chiến lược phát triển sản phẩm mới: Công ty đã hợp tác với Công ty Nippon Express, đơn vị vận tải, bốc xếp và lắp đặt hàng nặng hàng đầu thế giới của Nhật Bản để đưa các cần cẩu có sức nâng từ 300 tấn – 800 tấn vào khai thác tại thị trường Việt Nam và bước đầu đã thực hiện khai thác được tại các địa bàn như Khu kinh tế Formosa, Nhà máy khí Messer Hải Dương… và đang từng bước tiếp cận công tác lắp đặt thiết bị cho các Nhà máy điện gió: Hướng Hóa, Bình Thuận…

Dịch vụ Logistics đang được dần hoàn thiện và bước đầu đã có những định hướng cơ bản rõ ràng để phát triển. Thực chất, dịch vụ Logistics trước đây cũng được hoạt động xen lẫn vào các dịch vụ của Công ty nhưng chưa chuyên nghiệp. Hiện nay, Công ty đã có một đội ngũ cán bộ chuyên trách để thực hiện dịch vụ này và đã từng bước thu được một số thành tựu và dần đi vào hoạt động ổn định. Công ty đã có dịch vụ bao tiêu đóng gói hàng nhập và xuất kho, phân phối sản phẩm đến các Đại lý của Nhà máy: Nhà máy sản xuất thức ăn gia súc KFS Long An hoặc thực hiện công tác khai báo Hải quan, đóng container xuất khẩu vận chuyển ra nước ngoài cho cá sản phẩm của Nhà máy Nhôm Hòa Bình.

Những tồn tại, hạn chế cần khắc phục và bài học kinh nghiệm

Tồn tại hạn chế cần khắc phục

Mặc dù đã cố gắng trong điều kiện thị trường hết sức khó khăn, hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư năm 2015 cơ bản bảo đảm hoàn thành các chỉ tiêu sản lượng, doanh thu mà Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông đã đề ra từ đầu năm, đạt kết quả tốt so với tình hình chung. Sau những năm khó khăn, nay Công ty hoạt động đã có lãi để chia cổ tức cho cổ đông, thương hiệu VIETRANSTIMEX được nhiều khách hàng, nhà đầu tư quan tâm. Song với tinh thần vươn lên không ngừng và trách nhiệm cao trước các cổ đông, Ban điều hành đã nghiêm túc kiểm điểm lại và nhận ra những khuyết điểm, hạn chế còn tồn tại như sau :

- Giải pháp khả thi để giải quyết hợp lý, hợp lệ chi phí tiếp thị nhằm cạnh tranh có hiệu quả với các doanh nghiệp tư nhân vẫn chưa có lối thoát.
- Chưa linh động trong các giải pháp xử lý phương án vận tải và phối hợp với các cơ quan chức năng để có giải pháp vận tải tối ưu nhất, giảm chi phí thực hiện và nâng cao năng lực cạnh tranh.
- Mặc dù hệ thống quản lý phương tiện thiết bị đã được cải tiến, có nhiều biểu mẫu theo dõi quản lý nhưng thực chất việc nắm bắt tình trạng phương tiện thiết bị, công cụ chưa kịp thời đáp ứng được nhu cầu biến động của sản xuất.
- Việc khai thác, sử dụng phương tiện, thiết bị chưa được tính toán hiệu quả, hợp lý, việc sử dụng phương tiện cũ và mới chưa hài hòa vì vậy giá thành vận tải và áp lực sử dụng phương tiện thiết bị mới chưa giảm.
- Đội ngũ cán bộ chuyên môn kỹ thuật trong Công ty còn mỏng, thiếu cán bộ có chuyên môn nghiệp vụ cao dám làm dám chịu trách nhiệm và luôn tìm tòi, đổi mới, sáng tạo. Công tác tái cấu trúc quy chế quản lý điều hành, công tác kỹ thuật, sửa chữa phương tiện, thiết bị tuy đã làm nhưng chưa có kết quả hợp lý, cần sớm điều chỉnh bổ sung càng sớm càng tốt.
- Các thế mạnh cạnh tranh chưa phát huy hiệu quả cao, quy mô vốn còn nhỏ, thương hiệu Công ty tuy đã được cải thiện nhưng thị phần vẫn còn ít, chưa triển khai được một số lĩnh vực hoạt động phụ trợ như : Dịch vụ Logistics, dịch vụ lắp đặt thiết bị cho các công trình, dự án... nhằm bảo đảm doanh thu ổn định, thu hút vốn của các nhà đầu tư lớn có quan tâm đến Công ty.

Bài học kinh nghiệm

- Tập trung thực hiện các giải pháp quản trị về nhân lực, quản lý sản xuất, ứng dụng các chương trình quản lý đồng bộ để mang lại hiệu quả cao trong quản lý và điều hành SXKD.
- Cân đối nguồn lực để thanh lý, đầu tư hợp lý nhằm đổi mới phương tiện, cơ sở hạ tầng kho bãi để nâng cao năng lực cạnh tranh.
- Tạo cơ chế ưu đãi tuyển dụng, đào tạo lực lượng cán bộ kỹ thuật, tiếp thị, quản lý, công nhân lành nghề, lái xe đặc chủng, lái mooc để bảo đảm nguồn nhân lực cho phát triển sản xuất. Đặc biệt là tạo cơ chế khuyến khích trọng dụng người tài để từng vị trí công việc được phát huy tài năng, nâng cao cảm hứng được cống hiến... Ưu tiên nâng cao năng lực bộ phận thợ bậc cao kỹ thuật, sửa chữa, bảo dưỡng phương tiện. Chủ động tìm nguồn cung ứng vật tư nhanh và có chất lượng, tính toán lượng phụ tùng cần thiết tồn kho hợp lý nhằm giảm tối đa vốn hàng tồn kho, để tăng số ngày vận doanh, hạn chế ngày phương tiện nằm chờ phụ tùng, sửa chữa.
- Tiếp tục tái cơ cấu công ty, các đơn vị phụ thuộc để tinh gọn bộ máy quản lý, nâng cao đoàn kết nội bộ, tạo sức mạnh tập thể, hiệu quả trong quản lý điều hành sản xuất kinh doanh,
- Coi trọng công tác thi đua khen thưởng, động viên kịp thời những cán bộ công nhân viên có thành tích xuất sắc, mang lại hiệu quả kinh tế cao, không ngừng chăm lo đời sống vật chất, tinh thần của người lao động, tăng cường đối thoại, phát huy quy chế dân chủ cơ sở, tạo sự đồng thuận thống nhất cao trong xây dựng doanh nghiệp. Đồng thời kiên quyết đấu tranh với những trường hợp cán bộ công nhân viên vi phạm nội quy, quy chế, giữ vững kỷ cương, kỷ luật lao động, chống chủ nghĩa cá nhân, cơ hội, bệnh quan liêu, hình thức.

NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH VÀ QUẢN LÝ

Về tổ chức, nhân sự, lao động tiền lương

- Đảm bảo tính pháp lý trong đăng ký kinh doanh, các giấy phép con trong toàn công ty. Duy trì phối hợp trong các hoạt động với tư cách thành viên của các hiệp hội : Ô Tô Việt Nam, VLA, SC&RA, FIATA…, đăng ký thông tin trên hệ thống mạng nhà thầu quốc gia.
- Tham mưu cho HĐQT quyết định bổ nhiệm lại cán bộ theo nhiệm kỳ mới (2015-2018) theo Quy chế quản trị nội bộ công ty và bổ nhiệm mới các vị trí lãnh đạo chủ chốt.
- Xây dựng và đăng ký thang bảng lương mới của công ty trình HĐQT quyết định và đăng ký thực hiện từ ngày 01/01/2016.
- Bổ sung, sửa đổi quy chế quản lý điều hành sản xuất kinh doanh, công tác quản lý lao động.
- Tổ chức Hội nghị người lao động năm 2015, phối hợp với công đoàn tổ chức Hội nghị đối thoại định kỳ với người lao động theo quy định.
- Thực hiện tái cấu trúc mô hình tổ chức của công ty theo hướng tinh gọn, hợp lý và chuyên trách; hoàn thiện hệ thống quản lý kỹ thuật theo mô hình mới.

Về kỹ thuật

- Bố trí cán bộ phối hợp với Phòng Kinh Doanh và các đơn vị phụ thuộc tiến hành khảo sát, lập phương án bốc xếp, vận tải hàng hóa thiết bị cho tất cả các dự án đã trúng thầu và đang tiếp thị.
- Tham mưu cho Ban điều hành và Hội đồng Quản trị kế hoạch, phương án đầu tư phương tiện thiết bị và công cụ dụng cụ phục vụ các hoạt động sản xuất kinh doanh (rơ mooc thò thụt mới, đầu kéo Freightliner mới, dầm cầu dẫn mới, fender phục vụ load out..).
- Theo dõi, giám sát công tác bảo dưỡng, sửa chữa phương tiện thiết bị, công cụ dụng cụ sản xuất cũng như đầu tư phụ tùng, thiết bị dự phòng nhằm kịp thời sửa chữa, thay thế phụ tùng, thiết bị hư hỏng đảm bảo sự thông suốt cho các hoạt động sản xuất.
- Sửa chữa, bảo trì và niêm phong hệ thống GPS cho tất cả các phương tiện của Công ty, đảm bảo hệ thống giám sát hoạt động ổn định hỗ trợ công tác quản lý điều hành, giám sát việc quản lý sử dụng phương tiện thiết bị đúng mục đích và yêu cầu sản xuất của công ty, giảm thiểu chi phí không hợp lý.

Về khai thác tiếp thị

- Năm 2015, ngoài dự án Nhà máy lọc hóa dầu Nghi Sơn từ 2014 chuyển sang, Công ty đã thực hiện một khối lượng lớn vật tư, thiết bị công trình của nhà máy thép Formosa tại KKT Vũng Áng – Hà Tĩnh; Hàng hóa thiết bị của các đơn vị chủ hàng truyền thống như : Hạ thủy các kiện topsite, jacket cho các dự án Thái Bình, Thỏ Trắng 2, Thiên Ưng, P5&P6, Marahaja Lela South, Tê giác Trắng H5 tại cảng PTSC/VSP/PVC MS; Vận chuyển, bốc xếp và di dời hoán đổi máy biến áp các loại cho các Trạm 110, 220, 500 kV trên toàn quốc; Vận chuyển, di dời các cấu kiện nặng tại KCN Đông Xuyên, Vũng Tàu; Di dời, hạ thủy và vận chuyển các cần cẩu giàn từ 450 đến 700 tấn tại các Cảng Tân Cảng Cát Lái; Tân Cảng Hiệp Phước, Tân Cảng Qui Nhơn, Cảng Hải Phòng, Cảng ITC Phú Hữu, Cảng Tân Thuận; hợp tác với Công ty Nippon Express của Nhật để quản lý, khai thác cần cẩu bánh xích 550 tấn và 200 tấn; Vận chuyển lô hàng thiết bị của dự án NM Lọc dầu Dung Quất; Vận chuyển toa xe mẫu và dầm đường sắt của dự án Metro Bến Thành-Suối Tiên...vv.
- Các công ty phụ thuộc ngoài việc phối hợp với công ty thực hiện các dự án lớn như Nhà máy lọc hóa dầu Nghi Sơn, Nhà máy thép Formosa, còn thực hiện vận tải, dịch vụ vận tải cho các chủ hàng có lượng hàng thường xuyên, ổn định như: Vận chuyển, làm TTHQ các lô thiết bị Nhà máy nhiệt điện Mông Dương 1; Thông quan và bàn giao các lô hàng nhập khẩu của HDEC, CRI, Tatsumi, Hyundai, OST, Gutor, Tân Phú Qúy; Cẩu lắp đặt dầm cho dự án Đường sắt trên cao tuyến Cát Linh – Hà Đông; Vận chuyển thiết bị cho dự án cáp treo Fantifang, Lào Cai; Vận chuyển hàng cho Vinaline; Khai thác mặt bằng và dịch vụ phục vụ Nhà ga T2 Nội Bài; Vận chuyển than, dăm gỗ, clinker; Vận chuyển hàng hóa cho các chủ hàng: Kamigumi, Ô Môn 1-2, Genco3, Gotovina, Kamigumi, Tân Cơ và các chủ hàng khác; ..v..v..
- Ngoài các dự án đã trúng thầu, đang thực hiện, bộ phận tiếp thị cũng đã nắm bắt thông tin, tiếp cận chủ hàng, phối hợp với bộ phận kỹ thuật dự án khảo sát, xây dựng phương án dự thầu như Nhà máy nhiệt điện Thái Bình 1, nhà máy nhiệt điện Thăng Long, Nhà máy nhiệt điện Hải Dương; Nhà máy nhiệt điện Nghi Sơn 2; Nhiệt điện Vũng Áng 2; Nhiệt điện Long Phú 1, NĐ Sông Hậu 1; Nhà máy lọc dầu Long Sơn, các cấu kiện dầu khí tại cảng PTSC, cảng Đông Xuyên; Hạ thủy Block nhà ở giàn BK-TNG và các công trình khác… Vận chuyển các cấu kiện nặng được chế tạo tại Vũng tàu ra Nhà máy lọc dầu Nghi Sơn, các kiện Topside và Jacket STV của chủ hàng PTSC, nhà máy nhiệt điện ở Myanmar...
- Với khối lượng các dự án đã trúng thầu, đang triển khai thực hiện và các dự án đang tiếp thị đòi hỏi phải huy động tối đa nguồn lực đã có, đầu tư bổ sung, cùng với sự nỗ lực của tất cả cán bộ công nhân viên mới hoàn thành tốt tất cả các hợp đồng.

Về tài chính kế toán

- Thực hiện quyết toán, kiểm toán, phát hành báo cáo tài chính quý, bán niên, năm và công bố thông tin theo quy định;
- Phân tích tình hình tài chính, tổng hợp phân tích tình hình sản xuất kinh doanh năm 2014;
- Thực hiện chi trả cổ tức năm 2014 và tạm ứng cổ tức năm 2015 cho cổ đông theo nghị quyết đại hội đồng cổ đông năm 2015.
- Ban hành quy chế quản lý nợ phải thu, dự thảo quy định chi tiêu nội bộ; Rà soát các quy định về hạch toán áp dụng từ ngày 01/01/2015 theo chế độ kế toán doanh nghiệp mới ban hành tại thông tư 200/2014/TT-BTC của Bộ Tài Chính; cập nhật chương trình kế toán theo quy định mới trong toàn Công ty;
- Kiểm tra thực tế tình hình quản lý, sử dụng hóa đơn và chấp hành pháp luật về thuế trong kê khai và nộp thuế GTGT tại các đơn vị phụ thuộc;
- Tập huấn chính sách kế toán và thuế cho đội ngũ Kế toán trưởng, kế toán tổng hợp toàn Công ty;
- Giao chỉ tiêu kế hoạch SXKD năm 2015 cho các đơn vị phụ thuộc;
- Quyết toán thuế TNCN và chi trả tiền hoàn thuế theo quy định hiện hành.
- Hoàn thành báo cáo phúc tra kiểm toán nhà nước năm 2013;
- Thực hiện các thủ tục bàn giao Tổng Giám đốc tại 01/05/2015; đăng ký thay đổi, bổ sung thông tin các thay đổi trong đăng ký kinh doanh; đăng ký thông tin bổ nhiệm chức danh Tổng Giám Đốc và Kế toán trưởng tại ngân hàng và các tổ chức tín dụng;
- Làm việc với các tổ chức tín dụng để đảm bảo vốn cho nhu cầu sản xuất kinh doanh, đầu tư các dự án triển khai trong năm; mua lại tài sản cố định thuê tài chính; rút bớt tài sản đang thế chấp..
- Làm việc với SCIC về lãi chậm nộp, thanh toán lãi chậm nộp và xác nhận công nợ với SCIC tại thời điểm 30/06/2015 và 31/07/2015;
- Khởi kiện và thu nợ thành công một số khách hàng nợ dây dưa, kéo dài. Kết quả đã thu nợ được 3,224 tỷ.

Về công tác khác

- Công bố thông tin chứng khoán theo quy định, quản lý cổ đông, lưu ký chứng khoán.
- Công bố thông tin chào bán 12,29 triệu cổ phần của Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước tại Công ty cổ phần Vận tải đa phương thức.
- Theo dõi, giám sát và thực hiện: công tác bảo hiểm cháy nổ tài sản Công ty (Tòa nhà 80-82 Bạch Đằng, vùng kho Dung Quất, Phú Mỹ..); công tác xây dựng cơ bản (kho bãi Vũng Thùng; nhà làm việc và xưởng cho Xưởng CKSC; phòng làm việc cho Phòng An Toàn..); công tác mời chào đấu giá quyền sử dụng tài sản của Công ty (gara nhà xe 16/14 Hùng Vương; nhà và đất 100 Đại Cồ Việt – Hà Nội; cây xăng 20 Yết Kiêu – Đà Nẵng); đầu tư trang thiết bị văn phòng cần thiết.
- Hoàn thành khám sức khỏe định kỳ 2015 cho CBCNV.
- Chú trọng công tác truyền thông: xây dựng video clip quảng bá Công ty mới, thiết kế slide, cập nhập website để quảng bá hình ảnh, năng lực của Công ty.
- Phối hợp giữa chính quyền và các tổ chức đoàn thể tổ chức thành công các sự kiện như gặp mặt giao lưu cáb bộ công nhân viên nhân dịp 02/9, gala dinner Vietranstimex 2015; sự kiện 100.000 giờ làm việc an toàn tại dự án Nhà máy lọc hóa dầu Nghi Sơn, thăm viếng các bà mẹ Việt Nam Anh Hùng…
- Duy trì và không ngừng hoàn thiện Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2008, Hệ thống quản lý An toàn, Sức khỏe nghề nghiệp và Môi trường theo tiêu chuẩn OHSAS 18001:2007.
- Thành lập đội PCCC tại Kho Vũng thùng, 80 Bạch Đằng; Ban HSE và đánh giá viên nội bộ.
- Thuê đường truyền Leasedline tiến đến triển khai hội nghị trực tuyến, quản lý công việc, phần mềm quản lý nhân sự, phần mềm kế toán.
- Hoàn thiện lắp đặt hệ thống âm thanh, camera an ninh tại trụ sở Công ty.

Tình hình tài sản

(tính đến ngày 31/12/2015)

Chỉ tiêu	Năm 2014	Năm 2015	TH2015/ TH2014	Tỷ trọng 2014	Tỷ trọng 2015
Tài sản ngắn hạn	176.668	179.018	101,33%	45,86%	51,66%
Tài sản dài hạn	208.596	167.522	80,31%	54,14%	48,34%
Tổng tài sản	**385.264**	**346.540**	**89,95%**	**100%**	**100%**

(ĐVT: triệu đồng)

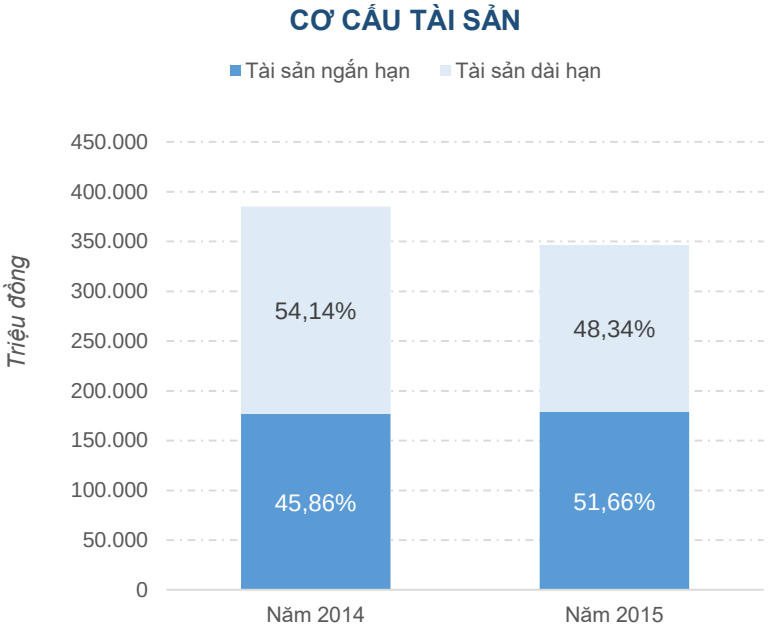

Về cơ cấu tài sản, nếu như năm 2014, tài sản dài hạn chiếm phần lớn với tỷ trọng đạt 54,14% giá trị tổng tài sản thì đến năm 2015, tỷ trọng của tài sản dài hạn trong cơ cấu tổng tài sản chỉ còn chiếm hơn 48%.

Về giá trị, tổng tài sản giảm từ 385,3 tỷ đồng năm 2014 xuống còn 346,5 tỷ đồng trong năm 2015. Sự sụt giảm này chủ yếu đến từ khối tài sản dài hạn. Trong năm 2015, tài sản dài hạn giảm gần 20%. Nguyên nhân là do một số danh mục trong tài sản dài hạn giảm đáng kể như giá trị phương tiện vận tải truyền dẫn trong danh mục tài sản cố định hữu hình hay tài sản cố định thuê tài chính do đã được Công ty mua lại. Một số danh mục khác như các khoản phải thu dài hạn, chi phí xây dựng cơ bản dở dang hay chi phí trả trước dài hạn cũng giảm tương đối so với năm trước đó. Về tài sản ngắn hạn nhìn chung tổng giá trị trong năm 2015 không mấy thay đổi tuy nhiên một số danh mục tăng/giảm đột biến như tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn dưới 3 tháng tăng hơn từ 5 tỷ đồng năm 2014 lên 53 tỷ đồng năm 2015 hay dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi tăng gấp 3 lần từ 6,3 tỷ đồng lên 20,3 tỷ đồng hay giá trị hàng tồn kho giảm từ 39,3 tỷ đồng xuống chỉ còn 17,1 tỷ đồng.

Tình hình nợ phải trả

(tính đến ngày 31/12/2015)

Chỉ tiêu	Năm 2014	Năm 2015	TH2015/ TH2014	Tỷ trọng 2014	Tỷ trọng 2015
Nợ ngắn hạn	110.139	100.530	91,28%	72,83%	92,62%
Nợ dài hạn	41.084	8.008	19,49%	27,17%	7,38%
Nợ phải trả	**151.223**	**108.538**	**71,77%**	**100%**	**100%**

(ĐVT: triệu đồng)

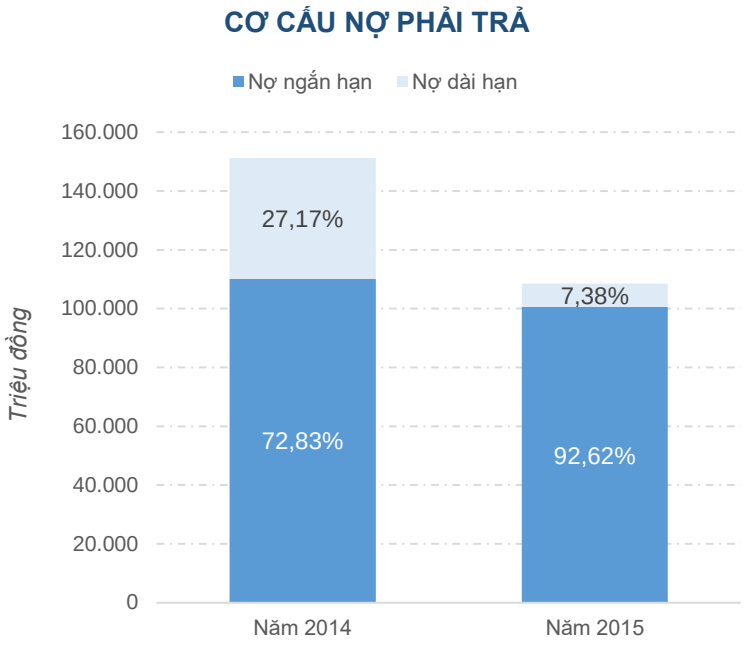

Về cơ cấu nợ phải trả, nợ ngắn hạn vẫn chiếm đa số với tỷ trọng 92,6% trong năm 2015 và nợ dài hạn chỉ chiếm hơn 7%.

Về giá trị, tổng nợ phải trả năm 2015 giảm gần 30% từ 151,2 tỷ đồng năm 2014 xuống còn 108,5 tỷ đồng. Nợ dài hạn năm 2015 còn khoảng 8 tỷ, bằng 20% năm liền trước đó. Nguyên nhân là chủ yếu là do giảm số dư nợ vay và nợ thuê tài chính dài hạn tại các tổ chức tín dụng cho thấy khả năng thanh toán của Công ty năm 2015 khá tốt. Nợ ngắn hạn năm 2015 cũng giảm khoảng 9% so với năm 2014, từ 110,1 tỷ đồng xuống còn 100,5 tỷ đồng mà đáng chú ý là giá trị các khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn cũng giảm mạnh so với năm trước đó.

Năm 2015, tuy Công ty đã đạt được những thành công nhất định trong sản xuất kinh doanh nhưng trong năm 2016, Ban lãnh đạo đề xuất một kế hoạch kinh doanh trên tinh thần khiêm tốn, đặt mục tiêu chính là tiếp tục ổn định sản xuất kinh doanh và tái cấu trúc toàn Công ty theo hướng khoa học – hiệu quả - tinh gọn và chuyên nghiệp để tạo tiền đề phát triển mạnh mẽ cho những năm sau. Với chủ trương đó, Công ty đã đề ra các mục tiêu kế hoạch cho năm 2016 như sau

Các chỉ tiêu của kế hoạch sản xuất kinh doanh

- **Tổng doanh thu**: 590 tỷ đồng, bằng 100,7% năm 2015
- **Tổng chi phí**: 560,929 tỷ đồng, bằng 98,8% năm 2015
- **Lợi nhuận trước thuế**: 29,071 tỷ đồng, bằng 159% năm 2015
- **Lợi nhuận sau thuế**: 24,700 tỷ đồng, bằng 135,1% năm 2015
- **Tỷ lệ cổ tức**: 10%, bằng 166,7% năm 2015
- **EPS**: 1.178 đồng bằng 1351,% năm 2015
- **Tổng số lao động**: 434 người
- **Thu nhập bình quân:** 10,315 triệu đồng/người/tháng
- **Đóng góp xã hội**: 160 triệu đồng

Một số nội dung khác của công tác sản xuất kinh doanh

Ngoài các dự án đang thực hiện như Nhà máy lọc dầu Nghi Sơn, Nhà máy Thép Formosa, các dàn khoan dầu khí của PTSC, PVC-MS & Vietsovpetro và các trạm biến áp 220KV và 500KV... Công ty sẽ tập trung các nguồn lực để thực hiện công tác tiếp thị cho các dự án:

- Bảo dưỡng thiết bị nhà máy Lọc hóa dầu Nghi Sơn;
- Dự án Katalyst (dự án xử lý chất thải) tại Nhà máy lọc hóa dầu Nghi Sơn;
- Bốc xếp, vận chuyển thiết bị của các Nhà máy Nhiệt điện và Thủy điện như: Thăng Long, Hải Dương, Quảng Trạch, Nghi Sơn 2, Long Phú 1, Vĩnh Tân 1; Thác Mơ, hạ Sê San, Đa Nhim mở rộng, Nam Peun 1 – Lào, Nam Sim – Lào;
- Load-out 02 cần cẩu giàn QC tại Cảng Hải Phòng, HCM; Sitemove và loadout 12 cần cẩu tại HCM; Loadout các cấu kiện dầu khí mới tại các cảng PTSC, cảng VSP, cảng Đông Xuyên;
- Bốc xếp, vận chuyển thiết bị cho các Trạm biến áp 220KV, 500KV như: Thạnh Mỹ, Sơn Hà, Pleiku 2, Hoành Bồ, Yên Bái, Bến Tre, Phan Thiết, Hàm Tân.

Đặc biệt trọng tâm của năm 2016 và các năm tiếp theo

- Dựa vào tiềm lực của các cổ đông mới kết hợp với cơ sở hạ tầng của Công ty sẽ triển khai hệ thống dịch vụ logistics ưu tiên sử dụng và cung cấp dịch vụ giữa các doanh nghiệp trong nhóm cổ đông nhằm tạo nguồn hàng, bảo đảm ổn định doanh thu, công ăn việc làm cho toàn công ty, làm nền tảng để phát triển dịch vụ trọng tâm vận tải hàng siêu trường siêu trọng, hàng dự án.
- Liên kết với các đối tác Nippon Express, Kamigumi, Fagioli để triển khai dịch vụ lắp đặt thiết bị đòi hỏi công nghệ cao. Bước đầu thông qua hình thức cung cấp nguồn nhân lực, phương tiện sẵn có của đơn vị dưới sự chỉ đạo của đối tác để từng bước tiếp cận công nghệ tiến đến đảm nhiệm thực hiện trọn gói công việc lắp đặt và bốc xếp, vận chuyển các kiện hàng siêu trường siêu trọng bằng phương pháp skidding.
- Tiếp tục mở rộng công tác tiếp thị tại các thị trường Lào, Campuchia và Myanmar thông qua một số công trình đã tiếp thị thành công của năm 2015 như nhà máy xi măng, dỡ hạ các MBA tại Lào, dự án vận chuyển các máy biến áp tại Campuchia và nhà máy điện ở Myanmar. Nghiên cứu thị trường để tiến tới thành lập liên doanh tại Lào, Campuchia và Myanmar.

Giải pháp thực hiện

- Tăng cường huy động mọi nguồn lực cho đầu tư phát triển. Đa dạng hóa các kênh huy động vốn, các hình thức đầu tư. Có cơ chế điều hành vốn phù hợp để tăng hiệu quả của các dự án, tiếp tục nhượng bán những tài sản hiện có nhưng kém phát huy hiệu quả để huy động bổ sung nguồn vốn cho sản xuất kinh doanh.
- Tiếp tục thực hiện tái cơ cấu công ty và các đơn vị phụ thuộc để bộ máy điều hành hiệu quả hơn, đặc biệt là lĩnh vực quản lý, điều hành hệ thống kỹ thuật, vật tư, sửa chữa và lập dự án. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin kết nối trong toàn hệ thống từ Công ty đến các đơn vị phụ thuộc để việc chỉ đạo điều hành nhất quán, hiệu quả, tiết kiệm.
- Tập trung chỉ đạo và có cấu trúc, phân công cụ thể đối với từng đơn vị phụ thuộc, trong từng dự án liên quan để giảm chi phí, nâng cao năng lực cạnh tranh,
- Tìm giải pháp rút ngắn ngày xin giấy phép vận chuyển hàng siêu trường siêu trọng.
- Triển khai theo dõi bằng số liệu thống kê mô hình hoạt động mới về công tác: an toàn, quản lý kỹ thuật hàng quý để đánh giá hiệu quả của việc tái cấu trúc vừa qua.
- Xây dựng phương án, tổ chức bộ máy, dự kiến đầu tư trang bị công cụ, thiết bị làm công tác lắp đặt bước đầu. Tổ chức đào tạo và thực tập cả trong và ngoài nước cho lực lượng lao động chuyên ngành lắp đặt và logictics.
- Kiểm soát chặt chẽ quy trình bảo dưỡng sửa chữa, tính toán một cách hợp lý việc dự trữ vật tư cho phương tiện. Bổ sung nguồn nhân lực thợ sửa chữa có tay nghề cao.
- Xây dựng cơ chế trả lương, thưởng phù hợp với thị trường để ưu đãi cán bộ công nhân viên có năng lực và thu hút nguồn lực từ bên ngoài.
- Bổ sung lực lượng cho Phòng An toàn và các đơn vị cơ sở để đáp ứng được công tác an toàn cho các dự án.
- Dựa vào sự lãnh đạo của Đảng bộ, của tổ chức Công đoàn, Đoàn TNCS HCM để duy trì và tăng cường truyền thống giữ gìn đoàn kết nội bộ sẵn có qua hơn 40 năm đổi mới và phát triển của một tập thể Anh hùng.

BÁO CÁO
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

ĐÁNH GIÁ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Về các chỉ tiêu kinh tế theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2015

Trong bối cảnh thị trường vận tải trong nước vẫn đang cạnh tranh khốc liệt, mặc dù có những tác động khách quan và chủ quan nhưng Công ty đã thực hiện hoàn thành tốt các chỉ tiêu kinh tế kế hoạch năm 2015 như sau:

STT	Chỉ tiêu	KH2015	TH2015	TH2015/ KH2015
1	Tổng doanh thu	510.000.000.000	585.949.812.383	114,89%
2	Lợi nhuận trước thuế	16.100.000.000	18.280.488.479	113,54%
3	Thuế TNDN	4.400.000.000	0	
4	Lợi nhuận sau thuế	11.700.000.000	18.280.488.479	156,24%
5	Tỷ lệ cổ tức	5%	6%	120 %

Trong năm 2015, so với kế hoạch do Đại hội đồng cổ đông đề ra từ đầu năm, doanh thu đạt 585,9 tỷ đồng, vượt 14,89%, lợi nhuận sau thuế đạt 18,3 tỷ đồng, vượt 56,24% và cổ tức năm đạt 6% vượt 20%.

Về công tác tổ chức và nhân sự

- Đại hội đồng cổ đông thường niên 2015 vào ngày 25/04/2015 đã thống nhất bầu 5 thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2015 - 2020; các thành viên Hội đồng quản trị nhất trí bầu Ông Đinh Việt Tùng làm Chủ tịch Hội đồng quản trị. Thực hiện phân công nhiệm vụ và quyền hạn của các thành viên Hội đồng quản trị. Bổ nhiệm và ký hợp đồng lao động với Ông Võ Duy Nghi – Ủy viên Hội đồng quản trị giữ chức vụ Tổng Giám đốc.
- Đã bổ nhiệm lại các chức danh cán bộ quản lý thuộc thẩm quyền Hội đồng quản trị bao gồm:
  - 03 Phó Tổng giám đốc là các Ông: Ngô Tứ, Phan Văn Phúc và Trần Nguyên Giáp và Kế toán trưởng là Bà Bùi Thị Ngọc Hà.
  - 13 Trưởng phòng; Giám đốc các Chi nhánh phụ thuộc và Trưởng Văn phòng đại diện tại nước ngoài của Công ty.
- Hội đồng quản trị đã thống nhất thông qua chủ trương tách hoạt động sửa chữa từ phòng Kỹ thuật – Dự án, giao cho Tổng Giám đốc tổ chức triển khai thực hiện theo thẩm quyền.

Về công tác quản lý chung

- Tổ chức thành công ĐHĐCĐ nhiệm kỳ 2015-2020 và đã thực hiện chi trả cổ tức năm 2014 cho cổ đông.
- Giao kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2015 cho Tổng Giám đốc để triển khai thực hiện.
- Tổ chức đánh giá và phân tích các lĩnh vực hoạt động của Công ty để xây dựng giải pháp nâng cao hiệu quả kinh doanh.
- Triển khai phương án tái cấu trúc, giám sát hoạt động để ổn định tình hình kinh doanh tại Chi nhánh Công ty CP Vận tải đa phương thức (Hà Nội) và Chi nhánh Vận tải đa phương thức 2 với mục tiêu không để đơn vị nào thua lỗ.
- HĐQT thực hiện việc phê duyệt ban hành phương án xây dựng thang lương, bảng lương, chế độ phụ cấp lương và chuyển đổi xếp lương công ty từ 01/01/2016; có ý kiến thống nhất và giao cho Tổng giám đốc ban hành quy chế quản lý công nợ phải thu.
- Cử các đoàn cán bộ đi công tác nước ngoài để làm việc với các đối tác liên quan theo đề nghị của Tổng Giám đốc.
- Phối hợp cung cấp hồ sơ, tài liệu cho Công ty chứng khoán Tân Việt để phục vụ thoái vốn nhà nước của SCIC tại Công ty vào đầu năm 2016.

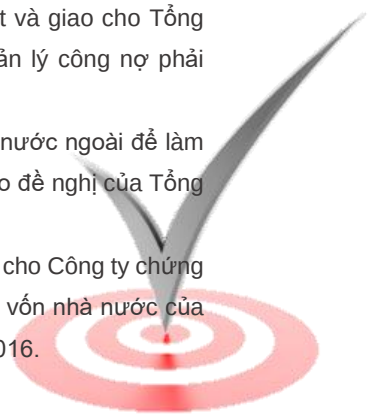

ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Hội đồng quản trị đã thực hiện đầy đủ kịp thời công tác giám sát, định hướng thông qua báo cáo và trao đổi công việc với Ban Tổng Giám đốc. Ngoài các phiên họp định kỳ, Ban Tổng Giám đốc thường xuyên trao đổi với các thành viên Hội đồng quản trị để xử lý kịp thời và hiệu quả các vấn đề phát sinh phục vụ yêu cầu quản lý và phát triển sản xuất của Công ty.

Ban Tổng Giám đốc cùng bộ máy điều hành đã nỗ lực phấn đấu, làm hết trách nhiệm của mình trong quá trình điều hành sản xuất kinh doanh, đã hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao. Có thể thấy 2015 là năm mà các chỉ tiêu về kết quả kinh doanh như doanh thu, lợi nhuận, cổ tức đều đạt mức tăng trưởng cao.

Hội đồng quản trị đánh giá cao sự nỗ lực, cố gắng với tinh thần trách nhiệm cao đối với nhiệm vụ được giao của Ban Tổng Giám đốc cùng bộ máy điều hành trong việc thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông năm 2015.

MỘT SỐ TỒN TẠI, HẠN CHẾ CẦN KHẮC PHỤC

Bên cạnh những kết quả đã đạt được, Công ty vẫn còn những hạn chế nhất định đó là: Chưa mở rộng đa dạng hóa ngành nghề kinh doanh đối với dịch vụ logictis, lắp đặt thiết bị; Việc triển khai thanh lý, chuyển nhượng tài sản theo chủ trương của Hội đồng quản trị còn chậm và kéo dài; Bộ máy quản lý còn cồng kềnh, chồng chéo trong quản lý làm cho công tác điều hành sản xuất chưa thật sự hiệu quả…

Hội đồng quản trị sẽ tiếp tục tìm kiếm các giải pháp quyết liệt hơn để khắc phục những tồn tại, thể hiện trách nhiệm, nâng cao hiệu quả hoạt động quản trị trong năm tiếp theo. Tiếp tục thực hiện tái cấu trúc Công ty, tổ chức sắp xếp và nâng cao hiệu quả hoạt động của mô hình quản lý toàn Công ty, tăng cường công tác quản trị; nâng cao hiệu quả sử dụng tài sản nhất là bất động sản và các phương tiện, thiết bị đặc chủng.

Dự báo tình hình

Thuận lợi

So với các quốc gia khác, Việt Nam có triển vọng và tiềm năng phát triển rất lớn. Sự lãnh đạo mạnh mẽ của Chính phủ, sẵn sàng hội nhập quốc tế nhất quán, nỗ lực rà soát cải tiến luật pháp, chuẩn bị ký FTA, chuẩn bị trở thành thành viên TPP…là những lợi thế lớn của Việt Nam đưa Việt Nam trở thành một trong những quốc gia hội nhập tốt nhất trên thế giới. Trong xu thế hội nhập, nền kinh tế nước ta có dấu hiệu phục hồi tương đối rõ nét. Năm 2016, World Bank đã dự báo mức tăng trưởng GDP của Việt Nam sẽ đạt 6,6%, triển vọng đà tăng trưởng của Việt Nam là tích cực và lạm phát sẽ ở mức thấp, nhiều cơ hội đang được mở ra. Việt Nam ngày càng được nhiều nhà đầu tư nước ngoài quan tâm và biết tới. Với khả năng chống chọi trước khó khăn cùng một nền chính trị, kinh tế ổn định, đất nước đã vượt qua đáy suy giảm kinh tế, đầu tư đã có đà tăng trưởng, tạo cho thị trường vận tải tăng theo.

Đối với thị trường trong nước, Chính phủ tiếp tục tập trung chỉ đạo thực hiện nhiều giải pháp cải cách thủ tục hành chính, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh và nâng cao năng lực cạnh tranh, nhất là các lĩnh vực liên quan trực tiếp đến người dân và doanh nghiệp như thuế, hải quan, bảo hiểm xã hội, tín dụng, đất đai, xây dựng, thành lập và giải thể doanh nghiệp, thủ tục đầu tư. Lạm phát được kiểm soát, kinh tế vĩ mô ổn định tốt hơn và sản lượng công nghiệp tăng

Bên cạnh đó, Công ty đã chuyển đổi sở hữu từ SCIC sang nhóm các cổ đông lớn, có tiềm lực về tài chính và thị trường sẽ tạo đà cho Công ty phát triển vượt bậc trong những năm sắp đến. Việc cơ cấu lại nguồn vốn đối với các tài sản không mang lại hiệu quả trong quá trình sản xuất theo Nghị Quyết của Đại hội đồng cổ đông đã giảm căng thẳng về vốn, tạo điều kiện tăng đầu tư phương tiện thiết bị để nâng cao năng lực cạnh tranh của công ty. Ngoài ra, việc thực hiện thành công dự án vận tải hàng hóa thiết bị cho các dự án lớn (*cả về chất lượng, tiến độ, an toàn và giá cả*) như Nhà máy Lọc hóa dầu Nghi Sơn, Khu liên hợp gang thép Formosa Hà Tĩnh.. đã nâng cao uy tín của thương hiệu Vietranstimex trên thị trường, đặc biệt là đối với các đối tác, khách hàng lớn và tiềm năng như TATSUMI, NIPPON EXPRESS, Liên doanh tổng thầu JGCS, Nhà thầu Nhật Bản JGC, PTSC, PVC, EVN, NPT, SDV, HANSA MEYER.....

Khó khăn

Mạng lưới kết cấu hạ tầng giao thông chưa đáp ứng yêu cầu vận tải đa phương thức. Thủ tục cấp phép lưu hành đặc biệt của các cấp thẩm quyền còn rườm rà, phát sinh nhiều chi phí cho công ty, nhiều vướng mắc cần phải giải quyết trong thời gian dài gây khó khăn cho công tác báo giá và lập dự toán dự thầu cho các dự án, công trình đang tiếp thị.

Việc giải quyết các chi phí tiếp thị chưa linh hoạt, kịp thời dẫn đến việc khó tiếp cận chủ đầu tư và thắng thầu trong cạnh tranh.

Dịch vụ logistics, lắp đặt thiết bị được xác định là những hoạt động kinh doanh phụ trợ, tạo điều kiện ổn định cho kinh doanh vận tải và dịch vụ vận tải nhưng chưa có nguồn lực tài chính cũng như con người để đầu tư phát triển.

Nhiệm vụ và giải pháp

Để đạt được những mục tiêu chủ yếu năm, 2016, Hội đồng quản trị tập trung triển khai thực hiện các nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu sau đây

- Hợp tác, liên kết với các đối tác cùng ngành nghề, có thương hiệu trong và ngoài nước để phát triển một số dịch vụ trong chuỗi cung ứng vận tải như: lắp đặt thiết bị cho các dự án và logistics.
- Đẩy mạnh hoạt động của 02 văn phòng đại diện tại Lào và Campuchia, mở rộng thị trường sang Myanmar.
- Rà soát và điều chỉnh hệ thống các quy chế, quy định và tiêu chuẩn phù hợp với chiến lược phát triển và mô hình tổ chức mới của Công ty khi không còn vốn nhà nước.
- Tiếp tục thực hiện phương án tái cấu trúc công ty, điều chỉnh cơ chế hoạt động, tăng cường công tác giám sát và nâng cao hiệu quả quản lý điều hành sản xuất trong toàn Công ty.
- Nâng cao ý thức, tinh thần trách nhiệm của cán bộ công nhân viên trong việc thực hiện nhiệm vụ; lựa chọn, đào tạo và bố trí đội ngũ cán bộ có chất lượng nhằm mục tiêu xây dựng doanh nghiệp có tính chuyên nghiệp cao; đồng thời có chính sách đãi ngộ thỏa đáng đối với những cán bộ công nhân viên có những đóng góp xuất sắc cho sự phát triển của Công ty, để cán bộ công nhân viên yên tâm làm việc, cống hiến lâu dài.
- Tiến hành rà soát các khoản công nợ và đẩy mạnh thu hồi công nợ, đảm bảo vốn phục vụ sản xuất.
- Thực hiện tốt các biện pháp quản lý chi phí, hạn chế những chi phí không hợp lý trong sản xuất kinh doanh; nâng cao hiệu quả sử dụng tài sản, vốn đầu tư; hạ thấp chi phí vốn bình quân (WACC); nâng cao tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu (ROE) và trên tài sản (ROA) … nhằm tối ưu hóa lợi nhuận đảm bảo lợi ích tối đa cho các cổ đông.

Mục tiêu

Trước tình hình chung của cả nền kinh tế và thực trạng của Công ty, Lãnh đạo công ty tiếp tục đề ra các giải pháp phù hợp, nhằm khai thác tốt nhất những khả năng và nguồn lực hiện có, phấn đấu thực hiện tốt nhiệm vụ kế hoạch đề ra thông qua các chỉ tiêu kế hoạch năm 2016 như sau:

- **Tổng doanh thu**: 590.000 triệu đồng
- **Tổng chi phí:** 560.929 triệu đồng
- **Lợi nhuận trước thuế**: 29.071 triệu đồng
- **Lợi nhuận sau thuế**: 24.700 triệu đồng
- **Tỷ lệ cổ tức**: 10%
- **Lãi cơ bản trên cổ phiếu**: 1.178 đồng

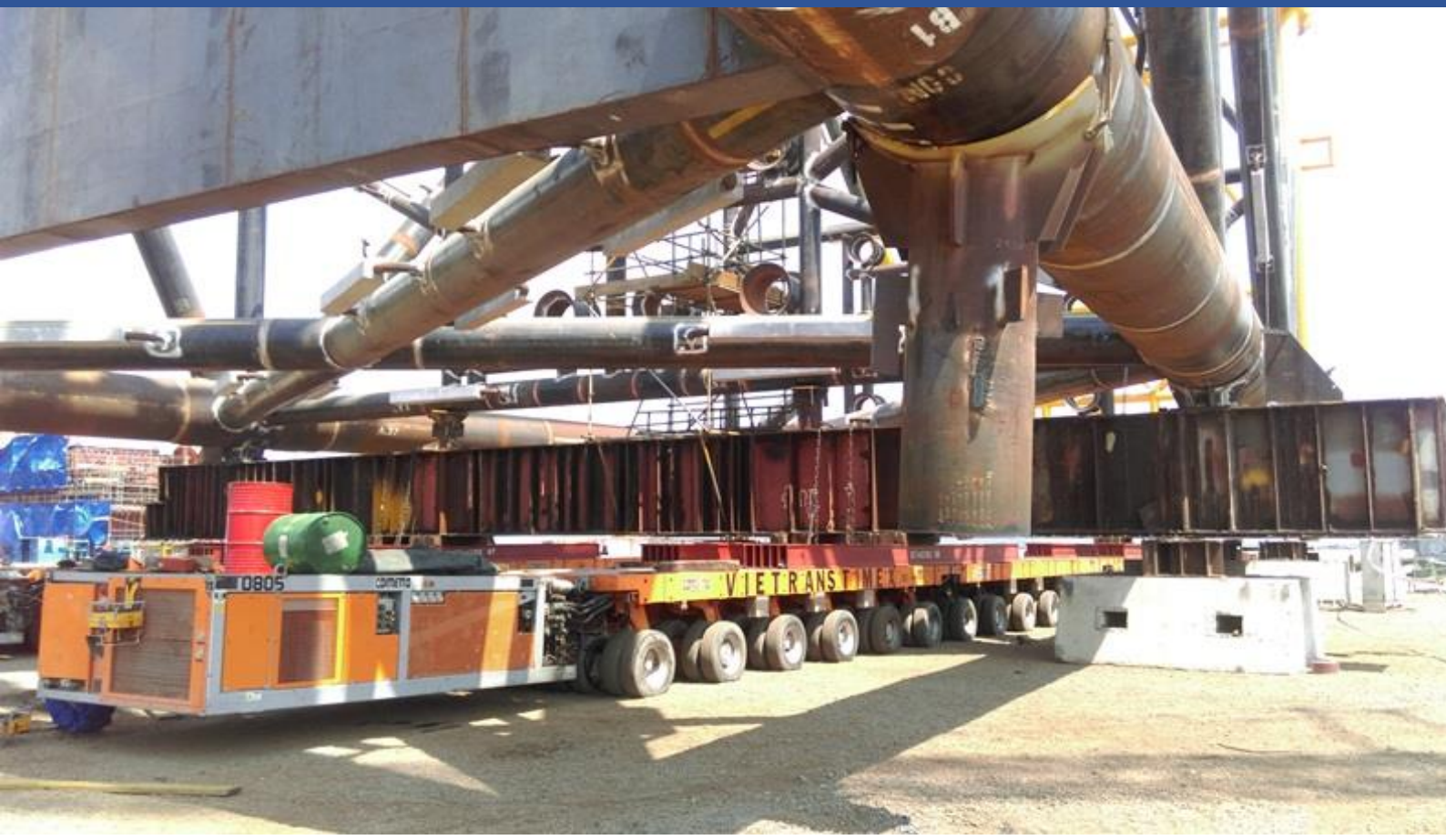

BÁO CÁO
QUẢN TRỊ CÔNG TY

Danh sách thành viên Hội đồng quản trị

Ông **Đinh Việt Tùng**

Chủ tịch Hội đồng quản trị

Số cổ phần sở hữu 0 cổ phần chiếm 0% số cổ phần có quyền biểu quyết.

Ông **Nguyễn Tăng Mãng**

Thành viên Hội đồng quản trị

Số cổ phần sở hữu 28.279 cổ phần chiếm 0,135% số cổ phần có quyền biểu quyết.

Ông **Đặng Doãn Kiên**

Thành viên Hội đồng quản trị

Số cổ phần sở hữu 0 cổ phần chiếm 0% số cổ phần có quyền biểu quyết.

Ông **Võ Duy Nghi**

Thành viên Hội đồng quản trị

Số cổ phần sở hữu 140.124 cổ phần chiếm 0,670% số cổ phần có quyền biểu quyết.

Ông **Hoàng Tuấn**

Thành viên Hội đồng quản trị

Số cổ phần sở hữu 0 cổ phần chiếm 0% số cổ phần có quyền biểu quyết.

Hoạt động của các thành viên HĐQT độc lập, hoạt động của các tiểu ban thuộc HĐQT: Không có

Các cuộc họp của Hội đồng quản trị năm 2015

Căn cứ biên bản hop HĐQT năm 2015, thống kê số buổi họp HĐQT và thành phần tham gia như sau

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Ngày bắt đầu/không còn là Thành viên HĐQT	Số buổi họp	Tỷ lệ tham gia	Lý do không tham dự
1	Nguyễn Tăng Mãng	Chủ tịch HĐQT	Nhiệm kỳ 2010-2015 kết thúc ngày 25/04/2015, không còn là Chủ tịch HĐQT	6/6	100%	
	Nguyễn Tăng Mãng	TV HĐQT	Từ ngày 25/04/2015, trúng cử là TV HĐQT Nhiệm kỳ 2015- 2020			
2	Nguyễn Đăng Sâm	TV HĐQT – Tổng giám đốc	Nhiệm kỳ 2010-2015 kết thúc ngày 25/04/2015, không còn là TV HĐQT	2/2	100%	
3	Đỗ Văn Nhân	TV HĐQT	Nhiệm kỳ 2010-2015 kết thúc ngày 25/04/2015, không còn là TV HĐQT	2/2	100%	
4	Lê Văn Hùng	TV HĐQT	Nhiệm kỳ 2010-2015 kết thúc ngày 25/04/2015, không còn là TV HĐQT	2/2	100%	
5	Hoàng Tuấn	TV HĐQT	Bắt đầu là TV HĐQT từ ngày 03/08/2012	5/6	83%	Bận công tác tại PTSC
6	Đinh Việt Tùng	Chủ tịch HĐQT	Nhiệm kỳ 2015-2020 bắt đầu là Chủ tịch HĐQT từ ngày 25/04/2015	4/4	100%	
7	Võ Duy Nghi	TV HĐQT- Tổng giám đốc	Nhiệm kỳ 2015-2020 bắt đầu là TV HĐQT từ ngày 25/04/2015	4/4	100%	
8	Đặng Doãn Kiên	TV HĐQT	Nhiệm kỳ 2015-2020 bắt đầu là TV HĐQT từ ngày 25/04/2015	4/4	100%	

Trong năm 2015, HĐQT đã tích cực thực hiện vai trò, nhiệm vụ của mình một cách nghiêm ngặt theo chuẩn mực quản trị của công ty cổ phần và duy trì hoạt động theo quy định tại Điều lệ và Quy chế quản trị nội bộ của Công ty. Bên cạnh đó, Hội đồng quản trị đã thực hiện đầy đủ và tuân thủ đúng các quy định về việc công bố thông tin định kỳ và bất thường cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội bằng văn bản, dữ liệu điện tử và gửi đến Quý cổ đông thông qua trang thông tin điện tử chính thức của Công ty; hoàn thành các nội dung quy định về quản trị công ty áp dụng cho các công ty đại chúng. Thực hiện các báo cáo tài chính, báo cáo quản trị, báo cáo thường niên… cho cơ quan quản lý nhà nước đúng quy định; đồng thời đảm bảo các quyền của cổ đông, đối xử công bằng giữa các cổ đông theo quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty.

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 25/04/2015, Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2015-2020 đã được bầu để thay thế những thành viên trong nhiệm kỳ cũ.

Định kỳ hàng quý, Tổng Giám đốc đều có báo cáo tổng hợp kết quả sản xuất kinh doanh, những nội dung chính về công tác quản lý và điều hành trong quý và định hướng kế hoạch cho các quý tiếp theo. Trên cơ sở bán cáo đó, trong năm, HĐQT đã tiến hành tổ chức các phiên họp định kỳ, mỗi quý một lần để kiểm điểm, đánh giá tình hình thực hiện các Nghị quyết trong thời gian qua, đồng thời ra Nghị quyết lãnh đạo, chỉ đạo các nhiệm vụ cụ thể trong thời gian tới, đảm bảo sát đúng các mục tiêu, yêu cầu phát triển của công ty. Ngoài ra, căn cứ vào tờ trình của Tổng Giám đốc và các tài liệu kèm theo, Hội đồng quản trị đã triệu tập một số phiên họp đột xuất với thành phần phù hợp để thông qua các chủ trương, định hướng nhằm kịp thời giải quyết các vấn đề chung của Công ty thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị. Trong các phiên họp Hội đồng quản trị, không có thành viên nào vắng mặt liên tục trong vòng 06 tháng, số lượng các thành viên Hội đồng quản trị thực tế có mặt trực tiếp tối thiểu từ 4/5 thành viên trở lên; thành viên nào vắng mặt đều có thông báo lý do và thực hiện biểu quyết đầy đủ, hợp lệ bằng văn bản các vấn đề nghị sự của phiên họp đó. Các quyết nghị thông qua tại các phiên họp đều nhận được sự đồng thuận với tỷ lệ 5/5 của các thành viên Hội đồng quản trị.

Bằng sự quyết tâm cao, chủ động đối mặt với khó khăn, thách thức, HĐQT đã chỉ đạo, giám sát các hoạt động quản lý, điều hành của Ban Giám đốc và toàn thể CBCNV, nỗ lực thực thiện các biện pháp nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh để hoàn thành đạt mức cao nhất các chỉ tiêu kinh tế và tất cả các nội dung đã đề ra trong Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2015 với mục đích đem đến lợi ích cao nhất cho các cổ đông và sự phát triển bền vững cho Công ty.

Để đảm báo hoạt động của Công ty được thông suốt, kịp thời và đảm bảo đúng theo quy định của pháp luật, trong năm 2015, Hội đồng quản trị đã ban hành các Nghị quyết liên quan đến các vấn dề quan trọng của Công ty.

Các Nghị quyết và Quyết định của Hội đồng quản trị năm 2015

Số văn bản	Ngày ban hành	Trích yếu nội dung
	Nghị quyết	
01/2015/NQ-HĐQT	29/01/2015	Phê duyệt phương án chuyển nhượng và bán đấu giá Quyền sử dụng đất và TS trên đất tại 100 Đại Cồ Việt – Hà Nội.
02/2015/NQ- HĐQT	05/03/2015	Chuẩn bị nội dung đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2015
03/2015/NQ- HĐQT	25/04/2015	Nghị quyết bầu chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty nhiệm kỳ 2015-2020
04/2015/NQ- HĐQT	25/04/2015	Nghị quyết bổ nhiệm Tổng giám đốc Công ty cổ phần Vận tải đa phương thức
05/2015/NQ- HĐQT	30/05/2015	Nghị quyết họp Hội đồng quản trị quý II/2015
06/2015/NQ- HĐQT	30/07/2015	Nghị quyết họp Hội đồng quản trị quý III/2015
07/2015/NQ- HĐQT	18/11/2015	Nghị quyết họp Hội đồng quản trị quý IV/2015
	Quyết định	
01/2015/ QĐ-HĐQT	08/01/2015	QĐ cử đoàn 04 cán bộ lãnh đạo đi công tác tại Hoa Kỳ
02/2015/ QĐ-HĐQT	29/01/2015	QĐ Phê duyệt PA chuyển nhượng và bán đấu giá QSĐ và tài sản trên đất tại 100 Đại Cồ Việt – HN

03/2015/ QĐ-HĐQT	10/02/2015	QĐ Phê duyệt dự án đầu tư 04 tời thủy lực 15 tấn và kế hoạch thực hiện .
04/2015/ QĐ-HĐQT	12/02/2015	QĐ Bổ nhiệm ông Nguyễn Anh Phương làm Trưởng ĐD Văn phòng Công ty tại Campuchia
05/2015/ QĐ-HĐQT	24/02/2015	QĐ Miễn nhiệm chức vụ Trưởng phòng TCLĐ đối với Ông Nguyễn Văn Thường để nghỉ hưu.
06/2015/ QĐ-HĐQT	24/02/2015	QĐ Bổ nhiệm ông Hà Tiến Đức làm Trưởng Phòng TCLĐ
07/2015/ QĐ-HĐQT	12/03/2015	QĐ Cử ông Trần Nguyên Giáp đi Thượng Hải – Trung quốc dự Hội nghị Logistics toàn cầu
08/2015/ QĐ-HĐQT	12/03/2015	QĐ Nâng lương bà Nguyễn Thị Thu Thủy - Trưởng BKS
09/2015/ QĐ-HĐQT	12/03/2015	QĐ Nâng lương bà Nguyễn Thị Hồng - Trưởng ban thư ký HĐQT
10/2015/ QĐ-HĐQT	12/03/2015	QĐ Nâng lương ông Nguyễn Thành Chung - Trưởng phòng An toàn
11/2015/ QĐ-HĐQT	12/03/2015	QĐ Nâng lương ông Nguyễn Thanh Chương - Giám đốc Công ty VTĐPT 9
12/2015/ QĐ-HĐQT	12/03/2015	QĐ Nâng lương ông Hà Thanh Chung - Trưởng Văn phòng đại diện tại Lào
13/2015/ QĐ-HĐQT	21/03/2015	QĐ Tiếp tục chuyển nhượng đất và tài sản trên đất tại 100 Đại Cồ Việt - Hà Nội
14/2015/ QĐ-HĐQT	16/04/2015	QĐ Cử ông Trần Nguyên Giáp đi Hàn quốc họp với Tập đoàn Doosan
15/2015/ QĐ-HĐQT	06/05/2015	QĐ Bổ nhiệm bà Bùi Thị Ngọc Hà làm Kế toán trưởng
16/2015/ QĐ-HĐQT	15/05/2015	QĐ Bổ nhiệm lại ông Ngô Tứ làm Phó TGĐ
17/2015/ QĐ-HĐQT	15/05/2015	QĐ Bổ nhiệm lại ông Phan Văn Phúc làm Phó TGĐ
18/2015/ QĐ-HĐQT	15/05/2015	QĐ Bổ nhiệm lại ông Trần Nguyên Giáp làm Phó TGĐ, kiêm Giám đốc Công ty 7
19/2015/ QĐ-HĐQT	15/05/2015	QĐ Bổ nhiệm lại ông Hà Tiến Đức làm Trưởng phòng TCLĐ
20/2015/ QĐ-HĐQT	15/05/2015	QĐ Bổ nhiệm lại bà Nguyễn Thị Mỹ Thủy làm Trưởng phòng KD
21/2015/ QĐ-HĐQT	15/05/2015	QĐ Bổ nhiệm lại ông Nguyễn Thành Chung làm Trưởng phòng An toàn
22/2015/ QĐ-HĐQT	15/05/2015	QĐ Bổ nhiệm lại ông Nguyên Nguyễn Nguyên Nam làm Trưởng phòng KTDA
23/2015/ QĐ-HĐQT	15/05/2015	QĐ Bổ nhiệm lại ông Nguyễn Đắc Trí làm Chánh Văn phòng
24/2015/ QĐ-HĐQT	15/05/2015	QĐ Bổ nhiệm lại ông Nguyễn Thanh Chương làm GĐ Công ty VTĐPT 9
25/2015/ QĐ-HĐQT	15/05/2015	QĐ Bổ nhiệm lại ông Dương Việt Cường làm GĐ Công ty VTĐPT 1

26/2015/ QĐ-HĐQT	15/05/2015	QĐ Bổ nhiệm lại ông Lê Văn Trịnh làm GĐ CN Quảng Ngãi kiêm Phó phòng KD
27/2015/ QĐ-HĐQT	15/05/2015	QĐ Bổ nhiệm lại ông Cao Xuân Hải làm GĐ Chi nhánh Miền Tây
28/2015/ QĐ-HĐQT	15/05/2015	QĐ Bổ nhiệm lại ông Bùi Đức Độ làm GĐ Chi nhánh Hà Nội
29/2015/ QĐ-HĐQT	15/05/2015	QĐ Bổ nhiệm lại ông Nguyễn Anh Phương làm Trưởng VP đại diện tại Campuchia kiêm Trưởng phòng khai thác tiếp thị Cty VTĐPT 7
30/2015/ QĐ-HĐQT	15/05/2015	QĐ Bổ nhiệm lại ông Hà Thanh Chung làm Trưởng Văn phòng đại diện tại Lào
31/2015/ QĐ-HĐQT	15/05/2015	QĐ Bổ nhiệm lại bà Nguyễn Thị Hồng làm Trưởng ban Thư ký HĐQT
32/2015/ QĐ-HĐQT	01/06/2015	QĐ Cử ông Trần Nguyên Giáp đi nước ngoài
33/2015/ QĐ-HĐQT	01/06/2015	QĐ Bổ nhiệm ông Hà Thanh Chung Trưởng VP đại diện Lào kiêm Phó GĐ Chi nhánh VTĐPT 2
34/2015/ QĐ-HĐQT	01/06/2015	QĐ Bổ nhiệm ông Lê Cao Nguyên làm GĐ Chi nhánh VTĐPT 2
35/2015/ QĐ-HĐQT	01/06/2015	QĐ Xếp lại lương ông Võ Duy Nghi theo chức vụ TGĐ
36/2015/ QĐ-HĐQT	01/06/2015	QĐ Giao kế hoạch SXKD năm 2016 cho Ban Điều hành
37/2015/ QĐ-HĐQT	01/06/2015	QĐ Xếp lại lương ông Nguyễn Tăng Mãng theo chức vụ UV HĐQT
38/2015/ QĐ-HĐQT	20/08/2015	QĐ Phê duyệt chuyển nhượng QSĐ đất và TS trên đất tại 100 ĐCV - Hà Nội
39/2015/ QĐ-HĐQT	05/11/2015	QĐ cử ông Võ Duy Nghi đi Lào
40/2015/ QĐ-HĐQT	01/12/2015	QĐ Cử ông Võ Duy Nghi và ông Đặng Doãn Kiên đi Myanmar
41/2015/ QĐ-HĐQT	31/12/2015	QĐ Phê duyệt phương án chuyển đổi lương và chế độ phụ cấp từ ngày 01/01/2016

Danh sách các thành viên HĐQT có chứng chỉ đào tạo về quản trị Công ty

STT	Họ và tên	Chức vụ	Khóa học	Đơn vị đào tạo
1	Ông Ngô Tứ	Phó Tổng Giám đốc	Đại diện lãnh đạo QMR	Viện tiêu chuẩn Anh tại Đà Nẵng (BSI)
2	Bà Nguyễn Thị Thu Thủy	Trưởng BKS	Kế toán mới năm 2015	Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC
3	Bà Bùi Thị Ngọc Hà	Kế toán trưởng	Kế toán mới năm 2015	Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC
			10 nhóm sai phạm trọng quản lý hóa đơn tài chính	Trung tâm Nghiên cứu – Đào tạo cán bộ và Tư vấn Tài chính – Kế toán thuế

Danh sách thành viên Ban Kiểm soát

Bà **Nguyễn Thị Thu Thủy**

Trưởng Ban Kiểm soát

Số cổ phần sở hữu 16.065 cổ phần chiếm 0,077% số cổ phần có quyền biểu quyết.

Bà **Đỗ Thị Phương Lan**

Thành viên Ban Kiểm soát

Số cổ phần sở hữu 0 cổ phần chiếm 0% số cổ phần có quyền biểu quyết.

Ông **Châu Hoài Thanh**

Thành viên Ban Kiểm soát

Số cổ phần sở hữu 0 cổ phần chiếm 0% số cổ phần có quyền biểu quyết.

Tình hình hoạt động của Ban Kiểm soát

Các cuộc họp của thành viên Ban Kiểm soát năm 2015

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp	Tỷ lệ tham gia
1	Nguyễn Thị Thu Thủy	Thành viên chuyên trách, Trưởng Ban Kiểm soát	3/3	100%
2	Đỗ Thị Phương Lan	Ủy viên Ban Kiểm soát	3/3	100%
3	Châu Hoài Thanh(*)	Ủy viên Ban Kiểm soát	3/3	100%

(*) *Ngày 30/12/2015, ông Châu Hoài Thanh có đơn đề nghị xin rút khỏi Ban kiểm soát do Tổng công ty cổ phần Dịch vụ kỹ thuật Dầu khí Việt Nam đã chuyển nhượng 14,30% cổ phần cho đơn vị khác.*

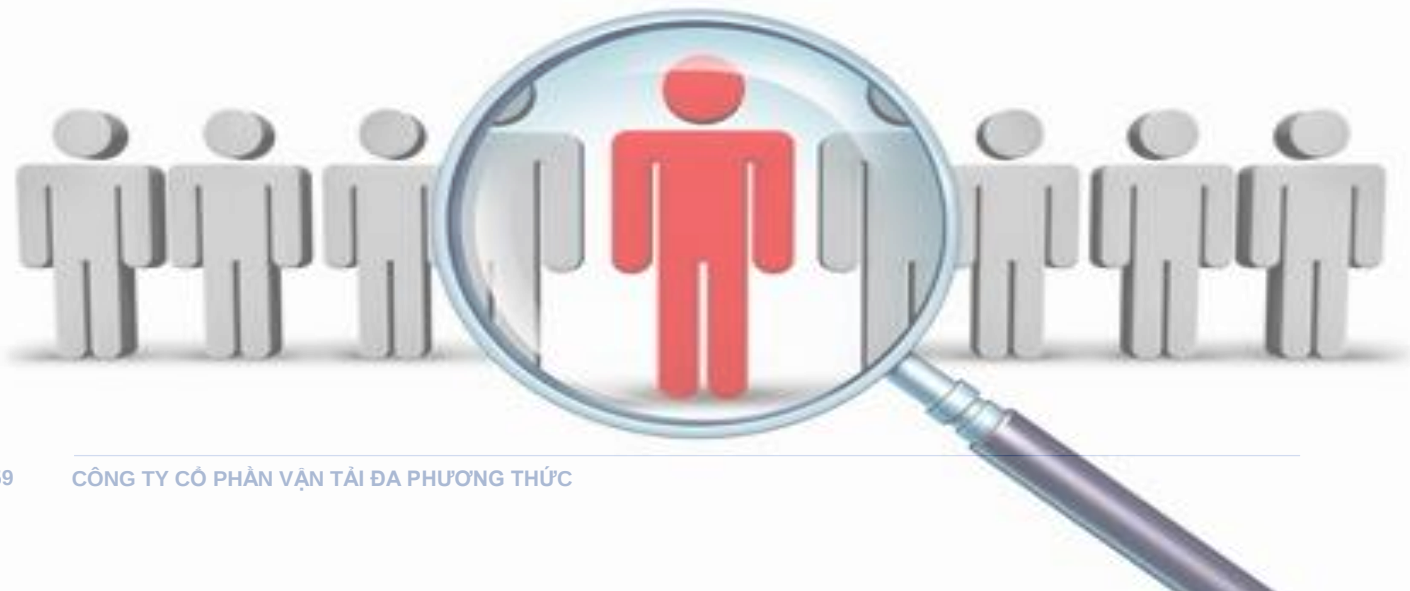

Trong năm Ban Kiểm soát đã tổ chức 3 phiên họp, tại các phiên họp đều có đầy đủ các thành viên tham gia, các cuộc họp đều được ghi biên bản và có đầy đủ chữ ký của thành viên trong Ban Kiểm soát.

Trong quá trình kiểm tra giám sát, Ban Kiểm soát thường xuyên phối hợp, trao đổi và báo cáo kết quả với các thành viên HĐQT, Ban Tổng giám đốc và các cổ đông.

Các công việc của Ban Kiểm soát đã thực hiện trong năm gồm:

- Lập kế hoạch hoạt động của Ban kiểm soát năm 2015;
- Chuẩn bị số liệu và các báo cáo liên quan đến Ban kiểm soát tại Đại hội cổ đông nhiệm kỳ 2010-2015.
- Bầu trưởng ban kiểm soát và phân công nhiệm vụ cho các thành viên ban kiểm soát nhiệm kỳ mới 2015-2020.
- Lập kế hoạch lựa chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2015. Phối hợp với phòng Tài chính – Kế toán lập hồ sơ mời thầu, xét thầu và lựa chọn: Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY ACA là đơn vị thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính cho Công ty năm 2015.
- Phối hợp với các phòng /ban Công ty làm việc với đoàn kiểm tra của Ban Quản lý rủi ro SCIC về việc kiểm tra đơn vị năm 2013, 2014 và 6 tháng năm 2015.
- Họp và thảo luận với kiểm toán độc lập về các nội dung trao đổi trong quá trình kiểm toán tại các đơn vị phụ thuộc và Công ty tại báo cáo bán niên và cả năm 2015.
- Thẩm định báo cáo quản trị hàng tháng; Lập các báo cáo giám sát theo quý gửi cho HĐQT và các cổ đông theo quy định; Kiểm tra báo cáo tài chính quý, năm, đánh giá tình hình tài chính công ty.
- Tiến hành kiểm tra, giám sát 04 đơn vị phụ thuộc về việc thực hiện Điều lệ, Quy chế và các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2015.
- Giám sát việc thực hiện Nghị quyết của Đại hội cổ đông, các chỉ thị Nghị quyết cấp trên, Pháp luật của Nhà nước.
- Tham dự các phiên họp của HĐQT, Ban điều hành khi được mời, và các công tác của Ban Kiểm soát.

Kế hoạch hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2016

- Triển khai họp Ban kiểm soát 02 lần trong năm (không kể các cuộc họp bất thường);
- Tham dự các cuộc họp HĐQT, họp giao ban Công ty (nếu được mời);
- Triển khai lựa chọn công ty kiểm toán độc lập;
- Giám sát các hoạt động tại Công ty trong việc triển khai thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và thực hiện Điều lệ Công ty;
- Kiểm tra việc thực hiện và chấp hành các Quy chế, Quy trình tại văn phòng và các đơn vị phụ thuộc từ đó đưa ra những kiến nghị, đề xuất với HĐQT và Ban giám đốc.
- Thẩm định các báo cáo tài chính; thực hiện báo cáo định kỳ theo quy định;
- Phối hợp thực hiện việc kiểm tra kiểm soát nội bộ Công ty.
- Và thực hiện đầy đủ các chức năng nhiệm vụ của Ban kiểm soát quy định tại Điều lệ, Quy chế quản trị nội bộ của công ty, Pháp luật Nhà nước.

STT	Họ và tên	Chức vụ	Thù lao	Lương tháng	Lương lễ tết	Thu nhập khác	Tổng cộng	Chú ý
A			**Hội đồng quản trị**					
1	Đinh Việt Tùng	Chủ tịch	24.000.000	-	-	-	24.000.000	Trúng cử TV HĐQT tại ĐHĐCĐTN 2015
2	Nguyễn Tăng Măng	Thành viên	-	308.031.500	82.312.500	6.930.000	397.274.000	Trúng cử TV HĐQT tại ĐHĐCĐTN 2015, Thôi chức Chủ tịch HĐQT
3	Võ Duy Nghi	Thành viên	24.000.000	-	-	-	24.000.000	Trúng cử TV HĐQT tại ĐHCĐTN 2015
4	Đặng Doãn Kiên	Thành viên	24.000.000	-	-	-	24.000.000	-
5	Hoàng Tuấn	Thành viên	36.000.000	-	-	-	36.000.000	-
6	Đỗ Văn Nhân	Thành viên	12.000.000	-	-	-	12.000.000	Đã miễn nhiệm
7	Lê Văn Hùng	Thành viên	-	73.124.000	24.391.250	2.340.000	99.855.250	Đã miễn nhiệm
8	Nguyễn Đăng Sâm	Thành viên	12.000.000	-	-	-	12.000.000	Đã miễn nhiệm
B			**Ban Kiểm soát**					
1	Nguyễn Thị Thu Thủy	Trưởng Ban	-	187.253.000	45.960.667	7.290.000	240.503.667	-
2	Đỗ Thị Phương Lan	Thành viên	12.000.000	-	-	-	12.000.000	-
3	Châu Hoài Thanh	Thành viên	12.000.000	-	-	-	12.000.000	-
C			**Ban Tổng Giám đốc**					
1	Nguyễn Đăng Sâm	Nguyên Tổng Giám đốc	-	189.437.000	51.046.167	2.340.000	242.823.167	Thôi giữ chức Tổng Giám đốc do hết hạn hợp đồng từ ngày 01/05/2015
2	Võ Duy Nghi	Tổng Giám đốc	-	358.912.000	78.225.417	7.530.000	444.667.417	Bổ nhiệm TGĐ theo NQ số 4 ngày 25/04/2015 của HĐQT từ ngày 01/05/2015
3	Ngô Tứ	Phó Tổng Giám đốc	-	272.553.100	64.617.500	7.470.000	344.640.600	-
4	Trần Nguyên Giáp	Phó Tổng Giám đốc	-	370.524.000	67.575.000	7.530.000	445.629.000	-
5	Phan Văn Phúc	Phó Tổng Giám đốc	-	281.361.100	66.141.583	7.290.000	354.792.683	-
6	Bùi Thị Ngọc Hà	Kế toán trưởng	-	248.928.000	60.275.250	7.320.000	316.523.250	-
Tổng cộng			**156.000.000**	**2.290.123.700**	**540.545.334**	**56.040.000**	**3.042.709.034**	

(ĐVT: đồng)

Giao dịch của cổ đông nội bộ và người có liên quan

(tính đến ngày 31/12/2015)

Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với Công ty/ cổ đông nội bộ	Đầu kỳ		Cuối kỳ		Lý do tăng, giảm
		Số cổ phiếu sở hữu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu sở hữu	Tỷ lệ	
CTCP Giao nhận và Vận chuyển Indo Trần	Tổ chức có liên quan đến thành viên HĐQT Đặng Doãn Kiên	1.000.000	4,77%	4.796.834	22,87%	Mua thêm cổ phiếu
Võ Duy Nghi	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	70.549	0,336%	140.124	0,67%	Mua thêm cổ phiếu
Võ Duy Trạch	Em ruột thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Võ Duy Nghi	9.026	0,043%	26	0,00%	Bán cổ phiếu
Tổng CTCP Dịch vụ và Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam	Tổ chức có liên quan đến thành viên HĐQT Hoàng Tuấn	3.000.000	14,30%	0	0,00%	Bán cổ phiếu
Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước	Tổ chức có liên quan đến thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Võ Duy Nghi	12.290.640	58,60%	0	0,00%	Bán cổ phiếu

Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: Không có

Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty: Công ty đã tuân thủ nghiêm ngặt và thực hiện tốt việc Quản trị Công ty theo đúng Quy chế nội bộ và quy định của pháp luật đối với Công ty Niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán.

BÁO CÁO
TÀI CHÍNH

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015 của Công ty Cổ phần Vận tải Đa phương thức

Kính gửi: **Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc**
Công ty Cổ phần Vận tải Đa phương thức

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2015 của Công ty Cổ phần Vận tải Đa phương thức (sau đây gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 14/03/2016, trình bày từ trang 06 đến trang 38 kèm theo bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2015 cùng với Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ, Bản Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Vận tải Đa phương thức tại ngày 31/12/2015 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi lưu ý người đọc đến Thuyết minh 3.8 trong Bản thuyết minh báo cáo tài chính, trong năm 2015, Công ty thực hiện khấu hao nhanh một số tài sản cố định là máy móc thiết bị, phương tiện vận tải và thiết bị, dụng cụ quản lý. Việc khấu hao nhanh này làm cho chi phí khấu hao năm 2015 tăng 25.352.849.287 đồng so với năm 2014.

Vấn đề cần nhấn mạnh nêu trên không làm thay đổi ý kiến kiểm toán đã trình bày.

Nguyễn Tự Trung	**Nguyễn Văn Hải**
Phó Tổng Giám đốc	**Kiểm toán viên**
Giấy ĐKHN Kiểm toán số 1226- 2014- 112- 1	Giấy ĐKHN Kiểm toán số 1395- 2014- 112- 1

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY ACA (UHY ACA LTD)

Hà Nội, ngày 14 tháng 03 năm 2016

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	**100**		**179.017.816.828**	**176.667.991.622**
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	**110**	**4**	**69.273.007.840**	**18.006.952.691**
1. Tiền	111		16.273.007.840	13.002.089.690
2. Các khoản tương đương tiền	112		53.000.000.000	5.004.863.001
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	**120**	**5**	**1.000.000.000**	**2.000.000.000**
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		1.000.000.000	2.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	**130**		**85.821.509.118**	**113.451.839.269**
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	96.333.834.652	94.657.252.109
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		908.724.050	9.267.148.202
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	7	8.932.237.310	15.855.433.818
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(20.353.286.894)	(6.327.994.860)
IV. Hàng tồn kho	**140**	**8**	**16.652.049.017**	**39.322.742.304**
1. Hàng tồn kho	141		17.163.647.864	39.328.781.121
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(511.598.847)	(6.038.817)
V. Tài sản ngắn hạn khác	**150**		**6.271.250.853**	**3.886.457.358**
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	9	3.673.089.431	2.920.314.837
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		1.956.082.932	497.747.881
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	15	642.078.490	468.394.640
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	**200**		**167.522.239.552**	**208.596.440.837**
I. Các khoản phải thu dài hạn	**210**		**225.124.967**	**2.118.318.822**
1. Phải thu dài hạn khác	216	7	225.124.967	2.118.318.822
II. Tài sản cố định	**220**		**158.321.116.323**	**194.452.592.896**
1. Tài sản cố định hữu hình	221	10	140.004.559.524	161.835.458.877
- Nguyên giá	*222*		*501.451.429.550*	*458.428.891.128*
- Giá trị hao mòn luỹ kế	*223*		*(361.446.870.026)*	*(296.593.432.251)*
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	11	-	14.118.135.728
- Nguyên giá	*225*		-	*18.774.830.000*
- Giá trị hao mòn luỹ kế	*226*		-	*(4.656.694.272)*
3. Tài sản cố định vô hình	227	12	18.316.556.799	18.498.998.291
- Nguyên giá	*228*		*19.463.821.107*	*19.313.821.107*
- Giá trị hao mòn luỹ kế	*229*		*(1.147.264.308)*	*(814.822.816)*
IV. Tài sản dở dang dài hạn	**240**		**309.863.091**	**1.879.092.170**
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	13	309.863.091	1.879.092.170
V. Đầu tư tài chính dài hạn	**250**	**5**	**816.000.000**	**816.000.000**
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		816.000.000	816.000.000
VI. Tài sản dài hạn khác	**260**		**7.850.135.171**	**9.330.436.949**
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	9	7.850.135.171	9.330.436.949
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	**270**		**346.540.056.380**	**385.264.432.459**

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
C - NỢ PHẢI TRẢ	**300**		**108.538.136.484**	**151.222.708.155**
I. Nợ ngắn hạn	**310**		**100.530.236.484**	**110.139.127.877**
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	14	49.508.327.579	28.923.891.598
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		7.688.353.765	1.777.267.765
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	15	1.712.128.091	1.327.179.558
4. Phải trả người lao động	314		9.579.225.503	3.136.031.338
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	16	728.132.069	4.196.013.370
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	17	4.848.485	4.147.573.837
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	18	1.864.733.775	3.256.244.278
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	19	28.075.544.391	62.065.936.956
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		1.368.942.826	1.308.989.177
II. Nợ dài hạn	**330**		**8.007.900.000**	**41.083.580.278**
1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	17	-	4.001.079.697
2. Phải trả dài hạn khác	337	18	479.500.000	485.000.000
3. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	19	7.528.400.000	36.597.500.581
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	**400**		**238.001.919.896**	**234.041.724.304**
I. Vốn chủ sở hữu	**410**	**20**	**238.001.919.896**	**234.041.724.304**
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		209.723.210.000	209.723.210.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	*411a*		*209.723.210.000*	*209.723.210.000*
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		15.257.068.213	15.257.068.213
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		1.995.096.137	1.650.742.488
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		11.026.545.546	7.410.703.603
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	*421a*		*430.300.005*	*523.630.631*
- LNST chưa phân phối năm nay	*421b*		*10.596.245.541*	*6.887.072.972*
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	**430**		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	**440**		**346.540.056.380**	**385.264.432.459**

S.Đ.K.K.D: 0400101901 - C.T.C.P CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI ĐA PHƯƠNG THỨC Q. HẢI CHÂU TP. ĐÀ NẴNG

Võ Duy Nghi
Tổng Giám đốc
Đà Nẵng, ngày 21 tháng 03 năm 2016

Bùi Thị Ngọc Hà
Kế toán trưởng

Hoàng Thị Thanh Huyền
Người lập

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2015	Năm 2014
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	22	580.411.232.044	488.714.099.279
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		580.411.232.044	488.714.099.279
4. Giá vốn hàng bán	11	23	493.079.918.827	453.358.465.475
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	**20**		**87.331.313.217**	**35.355.633.804**
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	24	4.175.313.496	5.435.819.389
7. Chi phí tài chính	22	25	7.706.754.984	17.467.006.103
Trong đó: Chi phí lãi vay	*23*		*6.819.131.763*	*15.629.783.254*
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26		66.101.816.299	43.398.011.958
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	**30**		**17.698.055.430**	**(20.073.564.868)**
10. Thu nhập khác	31	26	1.363.266.843	87.949.150.337
11. Chi phí khác	32	27	780.833.794	53.331.816.638
12. Lợi nhuận khác	**40**		**582.433.049**	**34.617.333.699**
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	**50**		**18.280.488.479**	**14.543.768.831**
14. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	28	-	7.656.695.859
15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	**60**		**18.280.488.479**	**6.887.072.972**
16. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	**70**	**29**	**872**	**328**

Võ Duy Nghi
Tổng Giám đốc
Đà Nẵng, ngày 21 tháng 03 năm 2016

Bùi Thị Ngọc Hà
Kế toán trưởng

Hoàng Thị Thanh Huyền
Người lập

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2015	Năm 2014
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	***01***		***18.280.488.479***	***14.543.768.831***
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		61.671.847.737	41.148.127.578
- Các khoản dự phòng	03		14.530.852.064	225.162.529
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(328.485.741)	(4.533.387.078)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(651.718.673)	(35.475.894.333)
- Chi phí lãi vay	06		6.819.131.763	15.629.783.254
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	**08**		***100.322.115.629***	***31.537.560.781***
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		10.633.201.936	30.339.711.419
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		22.165.133.257	2.798.182.445
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		17.971.967.737	(32.831.186.839)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		727.527.184	469.745.530
- Tiền lãi vay đã trả	14		(6.954.690.828)	(15.757.492.504)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		-	(7.656.695.859)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		2.132.500.995	625.233.777
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(3.871.789.883)	(736.791.175)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	**20**		***143.125.966.027***	***8.788.267.575***
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21		(23.315.203.093)	(746.942.000)
2 Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22		3.596.985.453	84.827.726.389
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(46.900.040)	(2.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		1.046.900.040	-
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		265.804.894	171.022.743
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	**30**		***(18.452.412.746)***	***82.251.807.132***
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ đi vay	33		261.816.788.090	193.020.221.111
2. Tiền trả nợ gốc vay	34		(317.916.668.533)	(269.077.612.485)
3. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		(6.959.612.703)	(6.489.072.622)
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(10.355.606.900)	(6.306.683.475)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	**40**		***(73.415.100.046)***	***(88.853.147.471)***
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	**50**		**51.258.453.235**	**2.186.927.236**
Tiền và tương đương tiền đầu năm	**60**		**18.006.952.691**	**15.812.843.810**
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		7.601.914	7.181.645
Tiền và tương đương tiền cuối năm	**70**	**4**	**69.273.007.840**	**18.006.952.691**

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI ĐA PHƯƠNG THỨC

Võ Duy Nghi	**Bùi Thị Ngọc Hà**	**Hoàng Thị Thanh Huyền**
Tổng Giám đốc	**Kế toán trưởng**	**Người lập**

Đà Nẵng, ngày 21 tháng 03 năm 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1 HÌNH THỨC SỞ HỮU VỐN

Công ty Cổ phần Vận tải Đa phương thức (sau đây gọi tắt là "Công ty") được thành lập trên cơ sở cổ phần hoá doanh nghiệp Nhà nước là Công ty Vận tải Đa phương thức theo Quyết định số 1454/QĐ-BGTVT ngày 28 tháng 05 năm 2010 của Bộ Giao thông Vận tải. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0400101901 ngày 01 tháng 11 năm 2010 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng (Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp này đã được điều chỉnh 7 lần và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 04/05/2015), Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan.

Công ty đã thực hiện niêm yết cổ phiếu phổ thông trên sàn Upcom tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội vào ngày 15/05/2014 với mã chứng khoán là VTX.

Trụ sở chính của Công ty tại số 80-82 Bạch Đằng, phường Hải Châu 1, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

1.2 NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

- Kinh doanh vận tải đa phương thức trong nước và quốc tế; Kinh doanh vận tải, dịch vụ vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt, đường bộ, đường thủy;
- Bốc xếp hàng hóa, các dịch vụ phụ trợ bốc xếp khác;
- Cho thuê kho bãi, lưu giữ hàng hóa; Dịch vụ kho ngoại quan;
- Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp;
- Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác;
- Cho thuê máy móc, thiết bị và phương tiện vận tải, xếp dỡ;
- Kinh doanh du lịch lữ hành nội địa và quốc tế; Dịch vụ du lịch trên sông; Kinh doanh cơ sở lưu trú du lịch;
- Cung ứng nhân lực quản lý, chuyên môn nghiệp vụ và công nhân trong lĩnh vực vận tải, xếp dỡ;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Dịch vụ giới thiệu việc làm;
- Dịch vụ đóng gói, bao bì cho hàng hóa;
- Kinh doanh dịch vụ logistic; Dịch vụ giao nhận hàng hóa; Dịch vụ khai thuê hải quan; Đại lý tàu biển và môi giới hàng hải; Dịch vụ cảng;
- Xây dựng kết cấu hạ tầng khu công nghiệp, khu đô thị và khu dân cư; Xây dựng cảng sông và cảng biển;
- Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa;
- Bán buôn kim loại và quặng kim loại;
- Gia công chế tạo sơ mi rơ mooc, rơ mooc chuyên dùng;
- Sửa chữa, bảo dưỡng phương tiện vận tải, xếp dỡ, máy móc, thiết bị;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động;
- Khai thác quặng sắt;
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác mỏ và quặng khác;
- Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác; Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác;
- Đại lý, môi giới, đấu giá;

1.2 NGÀNH NGHỀ KINH DOANH (TIẾP THEO)

- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp, khu đô thị và khu dân cư;
- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan. Chi tiết: Kinh doanh xăng dầu và các sản phẩm liên quan;
- Bán buôn nguyên liệu, chất đốt, thạch cao, klinke phục vụ cho sản xuất xi măng;
- Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt); Vận tải hành khách đường thủy nội địa;
- Bán buôn vật tư, thiết bị và phụ tùng phục vụ ngành hàng hải;
- Gia công, chế tạo các sản phẩm cơ khí;
- Hoạt động tư vấn kỹ thuật xây dựng công trình hạ tầng giao thông, xây dựng phương án vận tải, xếp dỡ;
- Sửa chữa, đóng mới ô tô;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp khác cho vận tải hàng không;
- Bán buôn, gia công, chế biến các loại hàng nông lâm thổ sản, hàng thủ công mỹ nghệ;
- San lấp mặt bằng;

- Sửa chữa, đóng mới phương tiện vận tải thủy;

1.3 CHU KỲ SẢN XUẤT, KINH DOANH THÔNG THƯỜNG

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

1.4 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM TÀI CHÍNH CÓ ẢNH HƯỞNG ĐẾN BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Công ty hoạt động trong điều kiện sản xuất kinh doanh bình thường, không có sự kiện sáp nhập, chia, tách, thay đổi quy mô.

1.5 CẤU TRÚC CÔNG TY

Công ty Cổ phần Vận tải Đa phương thức có 06 chi nhánh, 02 Văn phòng đại diện và 01 Công ty liên doanh như sau:

Chi nhánh:

1. Chi nhánh Công ty Cổ phần Vận tải Đa phương thức tại Quảng Ngãi
2. Chi nhánh Công ty Cổ phần Vận tải Đa phương thức - Công ty Vận tải Đa phương thức 1
3. Chi nhánh Công ty Cổ phần Vận tải Đa phương thức tại Miền Tây
4. Chi nhánh Công ty Cổ phần Vận tải Đa phương thức
5. Công ty Vận tải Đa phương thức 7
6. Công ty Cổ phần Vận tải Đa phương thức - Chi nhánh Vận tải Đa phương thức 2

Văn phòng đại diện:

1. Văn phòng đại diện Công ty Cổ phần Vận tải Đa phương thức tại Vương quốc Campuchia
2. Văn phòng đại diện Công ty Cổ phần Vận tải Đa phương thức tại Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào

Công ty liên doanh:

1. Công ty TNHH Liên doanh BNX – Vietranstimex

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1 CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Công ty áp dụng Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính về hướng dẫn Chế độ Kế toán doanh nghiệp.

Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Vận tải Đa phương thức được lập trên cơ sở hợp cộng số liệu Báo cáo tài chính của các đơn vị hạch toán phụ thuộc của Công ty bao gồm:

1. Văn phòng Công ty Cổ phần Vận tải Đa phương thức (Bao gồm số liệu của Văn phòng Công ty, Chi nhánh Quảng Ngãi, Văn phòng đại diện tại Lào).
2. Chi nhánh Công ty Cổ phần Vận tải Đa phương thức - Công ty Vận tải Đa phương thức 1 (Tại thành phố Hải Phòng).
3. Chi nhánh Công ty Cổ phần Vận tải Đa phương thức (Tại thành phố Hà Nội).
4. Công ty Cổ phần Vận tải Đa phương thức - Chi nhánh Vận tải Đa phương thức 2 (Tại tỉnh Quảng Bình).
5. Công ty Vận tải Đa phương thức 7 (Tại thành phố Hồ Chí Minh) (Bao gồm số liệu của Công ty Vận tải Đa phương thức 7, Chi nhánh Công ty CP Vận tải Đa phương thức tại Miền Tây và Văn phòng đại diện tại Campuchia).

2.2 NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Năm tài chính của Công ty Cổ phần Vận tải Đa phương thức bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm Dương lịch.

Báo cáo tài chính này được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán và trong việc lập Báo cáo tài chính này là đồng Việt Nam (VND).

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính:

3.1 CÁC THAY ĐỔI TRONG CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN VÀ THUYẾT MINH

Trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015, Công ty áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính về hướng dẫn Chế độ Kế toán doanh nghiệp. Thông tư này không yêu cầu Công ty phải thực hiện điều chỉnh hồi tố các số liệu trong Báo cáo tài chính của các kỳ trước.

3.2 ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các khoản công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt giai đoạn hoạt động. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3.3 CÁC LOẠI TỶ GIÁ HỐI ĐOÁI ÁP DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Nghiệp vụ kinh tế phát sinh liên quan đến Ngân hàng thương mại nào thì áp dụng tỷ giá của Ngân hàng thương mại đó trong kế toán.
Tỷ giá áp dụng khi ghi nhận và đánh giá lại tài sản là tỷ giá mua của Ngân hàng thương mại tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Tỷ giá áp dụng khi ghi nhận và đánh giá lại nợ phải trả là tỷ giá bán của Ngân hàng thương mại tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ.

3.4 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Tiền bao gồm: Tiền mặt, tiền gửi ngân hàng và tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.5 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

Nguyên tắc xác định công ty con, công ty liên doanh, liên kết dựa theo tỷ lệ vốn góp.

Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: Giá trị ghi sổ được xác định theo giá gốc.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết, công ty liên doanh và các khoản đầu tư tài chính khác được ghi nhận theo giá gốc. Dự phòng được lập cho các khoản giảm giá đầu tư nếu phát sinh tại ngày lập báo cáo tài chính. Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28/6/2013 của Bộ Tài chính.

3.6 CÁC KHOẢN PHẢI THU

Nguyên tắc phân loại nợ phải thu: Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán; Phải thu nội bộ gồm các khoản phải thu giữa đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc; Phải thu khác gồm các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, theo nguyên tệ và theo từng đối tượng.

Các khoản phải thu có gốc ngoại tệ được đánh giá lại tại thời điểm lập báo cáo tài chính theo tỷ giá mua tại Ngân hàng thương mại phát sinh giao dịch.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán tại thời điểm lập báo cáo tài chính. Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28/06/2013 của Bộ Tài chính.

3.7 HÀNG TỒN KHO

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện là giá bán ước tính trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành hàng tồn kho và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

3.7 HÀNG TỒN KHO (TIẾP THEO)

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp nhập trước xuất trước và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc. Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28/06/2013 của Bộ Tài chính.

3.8 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH

3.8.1 ***Tài sản cố định hữu hình***

Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí mà Công ty bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản cố định đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Mức khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính.

Loại tài sản	Thời gian khấu hao (năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	8 – 50
Máy móc, thiết bị (*)	3 - 10
Phương tiện vận tải (*)	6 - 10
Thiết bị dụng cụ quản lý (*)	5 - 7

(*) Trong năm 2015, Công ty thực hiện khấu hao nhanh một số tài sản cố định là máy móc thiết bị, phương tiện vận tải và thiết bị, dụng cụ quản lý. Việc khấu hao nhanh này làm cho chi phí khấu hao năm 2015 tăng 25.352.849.287 đồng so với năm 2014..

3.8.2 ***Tài sản cố định vô hình***

Quyền sử dụng đất

TSCĐ vô hình là quyền sử dụng đất bao gồm:

- Quyền sử dụng đất được nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất hoặc nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất hợp pháp (bao gồm quyền sử dụng đất có thời hạn, quyền sử dụng đất không thời hạn).

- Quyền sử dụng đất thuê trước ngày có hiệu lực của Luật Đất đai năm 2003 mà đã trả tiền thuê đất cho cả thời gian thuê hoặc đã trả trước tiền thuê đất cho nhiều năm mà thời hạn thuê đất đã được trả tiền còn lại ít nhất là 05 năm và được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

3.8 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH (TIẾP THEO)

3.8.2 ***Tài sản cố định vô hình (tiếp theo)***

Nguyên giá TSCĐ là quyền sử dụng đất được xác định là toàn bộ khoản tiền chi ra để có quyền sử dụng đất hợp pháp cộng các chi phí cho đền bù giải phóng mặt bằng, san lấp mặt

bằng, lệ phí trước bạ (không bao gồm các chi phí chi ra để xây dựng các công trình trên đất); hoặc là giá trị quyền sử dụng đất nhận góp vốn.

Quyền sử dụng đất không có thời hạn thì không thực hiện khấu hao.

Các tài sản cố định vô hình khác

Các tài sản cố định vô hình khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Khấu hao của tài sản cố định vô hình khác được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Mức khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính.

Loại tài sản	Thời gian khấu hao (năm)
Phần mềm máy tính	5 - 8

3.8.3 ***Tài sản cố định thuê tài chính***
Nguyên giá

Tài sản cố định thuê tài chính được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá được ghi nhận bằng giá trị hợp lý của tài sản thuê hoặc giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu cộng với các chi phí trực tiếp phát sinh ban đầu liên quan đến hoạt động thuê tài chính.

Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng. Mức khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính.

Loại tài sản	Thời gian khấu hao (năm)
Phương tiện vận tải	8
Máy móc, thiết bị	6

3.9 NỢ PHẢI TRẢ

Nguyên tắc phân loại nợ phải trả: Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua; Phải trả nội bộ gồm các khoản phải trả giữa đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc; Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.
Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả.

Các khoản nợ phải trả có gốc ngoại tệ được đánh giá lại tại thời điểm lập báo cáo tài chính theo tỷ giá bán tại Ngân hàng thương mại phát sinh giao dịch.

Khi có các bằng chứng cho thấy một khoản tổn thất có khả năng chắc chắn xảy ra, kế toán phải ghi nhận ngay một khoản phải trả theo nguyên tắc thận trọng.

3.10 VAY VÀ NỢ PHẢI TRẢ THUÊ TÀI CHÍNH

Giá trị khoản vay và nợ thuê tài chính được ghi nhận dựa trên hợp đồng/khế ước nhận nợ ký giữa Công ty và các tổ chức tín dụng và được theo dõi theo từng đối tượng, kỳ hạn, nguyên tệ. Các khoản vay và nợ thuê tài chính có gốc ngoại tệ được đánh giá lại tại các thời điểm lập báo cáo tài chính.

3.11 CHI PHÍ ĐI VAY

Chi phí đi vay trong giai đoạn đầu tư mua sắm tài sản cố định được tính vào giá trị của tài sản đó. Khi công việc hoàn thành thì chi phí đi vay được tính vào chi phí tài chính trong kỳ.

Tất cả các chi phí đi vay khác được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ khi phát sinh.

3.12 CHI PHÍ PHẢI TRẢ

Các khoản phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.13 DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN

Doanh thu chưa thực hiện được ghi nhận tương ứng với phần công việc chưa hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán và sẽ được phân bổ vào doanh thu sản xuất kinh doanh ở những kỳ kế toán sau khi mà phần công việc đó được hoàn thành.

3.14 VỐN CHỦ SỞ HỮU

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp. Việc phân phối lợi nhuận được thực hiện theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên.

3.15 GHI NHẬN DOANH THU

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có khả năng thu được các lợi ích kinh tế và có thể xác định được một cách chắc chắn, đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

✓Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi những rủi ro đáng kể và quyền sở hữu về sản phẩm đã được chuyển giao cho người mua và không còn khả năng đáng kể nào làm thay đổi quyết định của hai bên về giá bán hoặc khả năng trả lại hàng.

✓ Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đã hoàn thành dịch vụ. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

- Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận khi doanh thu được xác định tương đối chắc chắn và có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó.

✓ Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế.

✓ Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

- Thu nhập khác bao gồm các khoản thu từ các hoạt động xảy ra không thường xuyên, ngoài các hoạt động tạo ra doanh thu chính của Công ty.

3.16 GIÁ VỐN HÀNG BÁN

- Giá vốn được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ đảm bảo nguyên tắc phù hợp và nguyên tắc thận trọng.

✓ Nguyên tắc phù hợp: Việc ghi nhận doanh thu và chi phí phải phù hợp với nhau. Khi ghi nhận một khoản doanh thu thì phải ghi nhận một khoản chi phí tương ứng có liên quan đến việc tạo ra doanh thu đó.

✓ Nguyên tắc thận trọng: Các chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho sẽ được ghi nhận ngay vào chi phí trong kỳ.

- Các khoản ghi giảm giá vốn hàng bán
  - ✓ Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.
  - ✓ Trị giá hàng bán bị trả lại nhập kho.
  - ✓ Khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán nhận được sau khi hàng mua đã tiêu thụ.
  - ✓ Các khoản thuế nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế bảo vệ môi trường đã tính vào giá trị hàng mua, nếu khi xuất bán hàng hóa mà các khoản thuế đó được hoàn lại.

3.17 CHI PHÍ TÀI CHÍNH

Chi phí tài chính trong kỳ kế toán ghi nhận đầy đủ các khoản chi phí lãi vay (kể cả số trích trước), các khoản lỗ chênh lệch tỷ giá trong thanh toán và lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ.

3.18 CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm được ghi nhận đầy đủ.

3.19 THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với
lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc niên độ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được tính theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc niên độ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng.

3.20 THUẾ SUẤT VÀ CÁC LỆ PHÍ NỘP NGÂN SÁCH MÀ CÔNG TY ĐANG ÁP DỤNG

- Thuế giá trị gia tăng:
  - ✓ Thuế suất 0%: Áp dụng cho hoạt động vận tải quốc tế;
  - ✓ Thuế suất 10%: Áp dụng đối với các hoạt động vận chuyển, bốc xếp nội địa, lưu kho bãi và các dịch vụ khác.

- Thuế thu nhập doanh nghiệp: Áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 22%.

- Các loại thuế khác và lệ phí nộp theo quy định hiện hành.

3.21 CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, đầu tư tài chính, phải thu khác và tài sản tài chính khác.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, các khoản vay, chi phí phải trả và phải trả khác.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

3.22 BÊN LIÊN QUAN

Một bên được xem là có liên quan đến Công ty Cổ phần Vận tải Đa phương thức nếu có quyền kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đến Công ty trong việc ra các quyết định đối với các chính sách và hoạt động. Theo đó, bên liên quan của Công ty Cổ phần Vận tải Đa phương thức là Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước; Công ty liên kết, liên doanh của Công ty và Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc Công ty.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
- Tiền mặt	2.186.756.000	779.611.375
- Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	14.086.251.840	12.222.478.315
- Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn dưới 3 tháng	53.000.000.000	5.004.863.001
Cộng	69.273.007.840	18.006.952.691

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

5.1 ĐẦU TƯ NẮM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND
a) Ngắn hạn	**1.000.000.000**	**1.000.000.000**	**2.000.000.000**	**2.000.000.000**
+ Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn trên 03 tháng và dưới 01 năm	1.000.000.000	1.000.000.000	2.000.000.000	2.000.000.000
b) Dài hạn	-	-	-	-
Cộng	**1.000.000.000**	**1.000.000.000**	**2.000.000.000**	**2.000.000.000**

5.2 ĐẦU TƯ GÓP VỐN VÀO ĐƠN VỊ KHÁC

	31/12/2015			01/01/2015		
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết	816.000.000	-	816.000.000	816.000.000	-	816.000.000
+ *Công ty TNHH Liên doanh BNX - Vietranstimex*	*816.000.000*	-	*816.000.000*	*816.000.000*	-	*816.000.000*
Cộng	**816.000.000**	**-**	**816.000.000**	**816.000.000**	**-**	**816.000.000**

6. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

6.1 CÁC KHOẢN PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
a) Phải thu của khách hàng ngắn hạn	**96.333.834.652**	**94.657.252.109**
- Chi tiết các khoản phải thu của khách hàng chiếm từ 10% trở lên trên tổng phải thu khách hàng	36.708.575.567	27.424.019.232
+ *Công ty Liên doanh TNHH Nippon Express*	*26.848.015.472*	-
+ *Dealim Corporation*	-	*17.037.805.018*
+ *Công Ty Cơ Khí Và Xây Dựng Posco E & C Việt Nam*	*9.860.560.095*	*10.386.214.214*
- Các khách hàng khác	59.625.259.085	67.233.232.877
b) Phải thu của khách hàng dài hạn	-	-
Cộng	**96.333.834.652**	**94.657.252.109**

6.2 NỢ XẤU

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi	72.410.499.602	72.410.499.602	24.721.667.316	24.721.667.316
Chi tiết cho từng đối tượng chiếm từ 10% trở lên trên tổng số phải trả	35.107.587.625	35.107.587.625	2.764.973.374	2.764.973.374
+ *Daelim Corporation (Nợ từ 1 đến dưới 3 tháng)*	-	-	*2.764.973.374*	*2.764.973.374*
+ *Công ty Liên Doanh TNHH Nippon Express (Nợ dưới 1 tháng)*	*25.247.027.530*	*25.247.027.530*	-	-
+ *Công ty Cơ Khí Và Xây Dựng Posco E & C Việt Nam (Nợ dưới 1 tháng)*	*9.860.560.095*	*9.860.560.095*	-	-
Khả năng thu hồi nợ phải thu quá hạn	72.410.499.602	72.410.499.602	24.721.667.316	24.721.667.316
Cộng	**72.410.499.602**	**72.410.499.602**	**24.721.667.316**	**24.721.667.316**

7. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
a) Ngắn hạn	**8.932.237.310**	**-**	**15.855.433.818**	**-**
- Ký cược, ký quỹ	8.300.000	-	11.495.995	-
- Lãi dự thu	81.919.821	-	87.756.851	-
- Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế	26.192.072	-	23.429.299	-
- Kinh phí công đoàn	-	-	99.396.873	-
- Thuế GTGT TSCĐ thuê tài chính	-	-	48.024.750	-
- Chi hộ chủ hàng	2.975.148.797	-	2.737.994.556	-
- Tạm ứng	5.290.146.956	-	12.631.781.336	-
- Phải thu khác	550.529.664	-	215.554.158	-
b) Dài hạn	**225.124.967**	**-**	**2.118.318.822**	**-**
- Ký cược, ký quỹ	225.124.967	-	2.118.318.822	-
		-		
Cộng	**9.157.362.277**	**-**	**17.973.752.640**	**-**

8. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
- Nguyên liệu, vật liệu	11.554.022.319	(411.187.184)	9.811.232.677	-
- Công cụ, dụng cụ	28.908.800	-	79.760.708	-
- Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	5.080.926.158	-	29.371.250.508	-
- Hàng hoá	499.790.587	(100.411.663)	66.537.228	(6.038.817)
Cộng	**17.163.647.864**	**(511.598.847)**	**39.328.781.121**	**(6.038.817)**

9. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
a) Chi phí trả trước ngắn hạn	**3.673.089.431**	**2.920.314.837**
- Chi phí mua bảo hiểm	499.481.663	569.424.471
- Chi phí phần mềm	23.646.116	45.733.250
- Chi phí sửa chữa tài sản	149.756.845	548.767.066
- Chi phí công cụ dụng cụ, vật tư phụ tùng	2.605.343.242	1.256.748.531
- Chi phí thuê mặt bằng	33.883.200	30.473.621
- Chi phí sử dụng đường bộ	298.812.619	364.705.593
- Các khoản khác	62.165.746	104.462.305
b) Chi phí trả trước dài hạn	**7.850.135.171**	**9.330.436.949**
- Chi phí mua bảo hiểm	38.088.146	79.638.818
- Chi phí phần mềm	32.174.577	64.849.507
- Chi phí sửa chữa tài sản	443.238.016	721.048.670
- Chi phí công cụ dụng cụ, vật tư phụ tùng	4.570.724.214	4.103.893.063
- Lợi thế kinh doanh	-	1.538.282.775
- Tiền thuê đất trả nhiều kỳ	2.706.397.487	2.775.792.299
- Chi phí sử dụng đường bộ	29.970.531	-
- Các khoản khác	29.542.200	46.931.817
Cộng	**11.523.224.602**	**12.250.751.786**

10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ					
01/01/2015	**31.015.132.061**	**26.051.822.233**	**400.185.210.549**	**1.176.726.285**	**458.428.891.128**
- Mua trong năm	-	3.312.687.369	20.472.714.634	-	23.785.402.003
- Đầu tư XDCB hoàn thành	1.562.138.169	-	-	-	1.562.138.169
- Mua lại TSCĐ thuê tài chính	-	637.258.000	18.199.274.000	-	18.836.532.000
- Thanh lý, nhượng bán	(56.533.750)	(250.000.000)	(825.000.000)	(30.000.000)	(1.161.533.750)
31/12/2015	**32.520.736.480**	**29.751.767.602**	**438.032.199.183**	**1.146.726.285**	**501.451.429.550**
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
01/01/2015	**10.377.940.703**	**19.732.837.773**	**265.480.329.182**	**1.002.324.593**	**296.593.432.251**
- Khấu hao trong năm	2.063.451.009	3.637.706.360	53.999.969.389	148.902.544	59.850.029.302
- Mua lại TSCĐ thuê tài chính	-	113.333.791	6.032.737.424	-	6.146.071.215
- Thanh lý, nhượng bán	(47.318.998)	(245.000.000)	(820.343.744)	(30.000.000)	(1.142.662.742)
31/12/2015	**12.394.072.714**	**23.238.877.924**	**324.692.692.251**	**1.121.227.137**	**361.446.870.026**
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
01/01/2015	**20.637.191.358**	**6.318.984.460**	**134.704.881.367**	**174.401.692**	**161.835.458.877**
31/12/2015	**20.126.663.766**	**6.512.889.678**	**113.339.506.932**	**25.499.148**	**140.004.559.524**

Tại 31/12/2015:

- Giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình đã dùng để thế chấp, cầm cố, đảm bảo các khoản vay là 84.464.744.932 đồng.

- Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 193.808.163.308 đồng.

11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH

	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải truyền dẫn	Tổng cộng
	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ			
01/01/2015	**630.330.000**	**18.144.500.000**	**18.774.830.000**
- Mua lại TSCĐ thuê tài chính	(630.330.000)	(18.144.500.000)	(18.774.830.000)
31/12/2015	**-**	**-**	**-**
GIÁ TRỊ HAO MÒN LUỸ KẾ			
01/01/2015	**16.843.057**	**4.639.851.215**	**4.656.694.272**
- Khấu hao trong năm	96.490.734	1.392.886.209	1.489.376.943
- Mua lại TSCĐ thuê tài chính	(113.333.791)	(6.032.737.424)	(6.146.071.215)
31/12/2015	**-**	**-**	**-**
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
01/01/2015	**613.486.943**	**13.504.648.785**	**14.118.135.728**
31/12/2015	**-**	**-**	**-**

12. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy vi tính VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ			
01/01/2015	**17.880.352.771**	**1.433.468.336**	**19.313.821.107**
- Mua trong năm	-	150.000.000	150.000.000
31/12/2015	**17.880.352.771**	**1.583.468.336**	**19.463.821.107**
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
01/01/2015	**-**	**814.822.816**	**814.822.816**
- Khấu hao trong năm	-	332.441.492	332.441.492
31/12/2015	**-**	**1.147.264.308**	**1.147.264.308**
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
01/01/2015	**17.880.352.771**	**618.645.520**	**18.498.998.291**
31/12/2015	**17.880.352.771**	**436.204.028**	**18.316.556.799**

Tại 31/12/2015:

- Giá trị còn lại tài sản cố định vô hình đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 10.201.814.000 đồng.

Cụ thể:

+ Quyền sử dụng đất theo Giấy Chứng nhận quyền sử dụng đất số BA 599883 ngày 06 tháng 07 năm 2010 do UBND TP. Đà Nẵng cấp. Đây là đất ở lâu dài tại số 80 - 82 đường Bạch Đằng - quận Hải Châu - thành phố Đà Nẵng; diện tích đất 330,3 m2; được sử dụng để làm văn phòng làm việc. Nguyên giá là: 7.932.177.000 đồng.

+ Quyền sử dụng đất theo Giấy Chứng nhận quyền sử dụng đất số 00640QSDĐ/số 998TP/2002 ngày 07 tháng 06 năm 2002 do UBND TP. Hải Phòng cấp. Đây là đất ở lâu dài tại xã Đông Hải - huyện An Hải - thành phố Hải Phòng (58 đường bao Trần Hưng Đạo - thành phố Hải Phòng); diện tích đất 298,3 m2, được sử dụng để làm văn phòng làm việc. Nguyên giá là: 2.269.637.000 đồng.

- Nguyên giá tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 150.960.588 đồng.

13. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỞ DANG

	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
- **Mua sắm**	-	**7.090.910**
Đầu tư 10 đầu kéo và Sơ mi Rơ moóc tải	-	3.545.455
Đầu tư 04 tời thủy lực 15 tấn	-	3.545.455
- **Xây dựng cơ bản**	**309.863.091**	**1.872.001.260**
Xây dựng kho tại KCN Dịch vụ thủy sản Đà Nẵng	228.335.819	228.335.819
Nâng cấp trạm bán lẻ xăng dầu 20 Yết Kiêu	13.636.363	13.636.363
Mở rộng trụ sở làm việc 80-82 Bạch Đằng	67.890.909	67.890.909
Nhà làm việc và các hạng mục phụ trợ kho Phú Mỹ	-	1.562.138.169
	309.863.091	**1.879.092.170**

14. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
a) Các khoản phải trả người bán ngắn hạn	**49.508.327.579**	**49.508.327.579**	**28.923.891.598**	**28.923.891.598**
- Chi tiết cho từng đối tượng chiếm từ 10% trở lên trên tổng số phải trả	14.593.213.259	14.593.213.259	11.180.803.839	11.180.803.839
+ Công ty TNHH TMDV Vận tải Thành Nhân	-	-	*5.728.803.839*	*5.728.803.839*
+ Công ty TNHH TM Vận tải Quang Chi	-	-	*5.452.000.000*	*5.452.000.000*
+ Công Ty Cổ Phần Cảng Dịch Vụ Dầu khí Tổng Hợp PTSC Thanh Hoá	*8.507.298.259*	*8.507.298.259*	-	-
+ Công ty Cổ phần Vận tải và TM Tổng hợp Việt Nam	*6.085.915.000*	*6.085.915.000*	-	-
- Các đối tượng khác	34.915.114.320	34.915.114.320	17.743.087.759	17.743.087.759
b) Các khoản phải trả người bán dài hạn	-	-	-	-
Cộng	**49.508.327.579**	**49.508.327.579**	**28.923.891.598**	**28.923.891.598**
c) Số nợ quá hạn chưa thanh toán				
- Chi tiết cho từng đối tượng chiếm từ 10% trở lên trên tổng số phải trả	8.814.017.100	8.814.017.100	-	-
+ Công ty CP Vận tải TM & XNK Vinh Quang (Nợ quá hạn từ 1 đến 3 tháng)	*4.840.157.100*	*4.840.157.100*	-	-
+ Công ty TNHH TMDV Vận tải Thành Nhân (Nợ quá hạn dưới 1 tháng)	*3.973.860.000*	*3.973.860.000*	-	-
- Các đối tượng khác	3.703.382.454	3.703.382.454	-	-
Cộng	**12.517.399.554**	**12.517.399.554**	**-**	**-**

15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

15.1 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU NHÀ NƯỚC

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	382.197.963	382.197.963
Thuế thu nhập cá nhân	259.541.321	86.196.677
Thuế nhà đất	339.206	-
Cộng	**642.078.490**	**468.394.640**

15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC (TIẾP THEO)

15.2 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
Thuế giá trị gia tăng	554.393.929	1.323.938.154
Thuế thu nhập cá nhân	18.098.433	659.382
Tiền thuê đất	1.064.407.870	-
Các loại thuế khác	75.227.859	2.582.022
Cộng	**1.712.128.091**	**1.327.179.558**

15.3 TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NGHĨA VỤ NGÂN SÁCH VỚI NHÀ NƯỚC

	01/01/2015 VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã nộp trong năm VND	31/12/2015 VND
1. Thuế GTGT đầu ra	1.323.938.154	20.273.898.423	21.043.442.648	554.393.929
2. Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	420.946.912	420.946.912	-
3. Thuế xuất, nhập khẩu	-	124.080.879	124.080.879	-
4. Thuế thu nhập doanh nghiệp	(382.197.963)	-	-	(382.197.963)
5. Thuế thu nhập cá nhân	(85.537.295)	497.562.374	653.467.967	(241.442.888)
6. Thuế nhà đất	-	36.876.940	37.216.146	(339.206)
7. Tiền thuê đất	-	1.142.068.670	77.660.800	1.064.407.870
8. Thuế bảo vệ môi trường và các loại thuế khác	2.582.022	1.277.848.766	1.205.202.929	75.227.859
Cộng	**858.784.918**	**23.773.282.964**	**23.562.018.281**	**1.070.049.601**

16. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
a) Ngắn hạn	**728.132.069**	**4.196.013.370**
- Chi phí vận chuyển thuê ngoài, thuê phương tiện	-	3.588.612.318
- Lãi vay	33.433.890	168.992.955
- Các khoản trích trước khác	694.698.179	438.408.097
b) Dài hạn	-	-
Cộng	**728.132.069**	**4.196.013.370**

17. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN

	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
a) Ngắn hạn	**4.848.485**	**4.147.573.837**
- Doanh thu cho thuê mặt bằng	4.848.485	4.848.485
- Doanh thu từ bán và thuê lại tài sản tài chính	-	4.142.725.352
b) Dài hạn	**-**	**4.001.079.697**
- Doanh thu từ bán và thuê lại tài sản tài chính	-	4.001.079.697
Cộng	**4.848.485**	**8.148.653.534**

18. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ KHÁC

	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
a) Ngắn hạn	**1.864.733.775**	**3.256.244.278**
Kinh phí công đoàn	88.348.207	-
Nhận ký quỹ, ký cược	144.000.000	-
Cổ tức phải trả	294.007.713	163.454.113
Chủ hàng ứng trước tiền chi hộ	-	2.055.094.511
Công ty TNHH Liên doanh BNX - VTT	816.000.000	816.000.000
Các khoản phải trả khác	522.377.855	221.695.654
b) Dài hạn	**479.500.000**	**485.000.000**
Bảo đảm thực hiện hợp đồng lao động	479.500.000	485.000.000
Cộng	**2.344.233.775**	**3.741.244.278**

19. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

	31/12/2015		Trong năm		01/01/2015	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
a) Vay và nợ ngắn hạn	**28.075.544.391**	**28.075.544.391**	**267.589.133.710**	**301.579.526.275**	**62.065.936.956**	**62.065.936.956**
Vay ngắn hạn	27.548.544.391	27.548.544.391	244.294.497.020	255.410.065.801	38.664.113.172	38.664.113.172
- *Ngân hàng TMCP ĐT và PT Việt Nam - Chi nhánh Đà Nẵng*	*2.996.055.756*	*2.996.055.756*	*57.574.998.220*	*80.606.365.729*	*26.027.423.265*	*26.027.423.265*
- *Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Đà Nẵng*	*19.956.009.445*	*19.956.009.445*	*23.115.857.711*	*3.159.848.266*	-	-
- *Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Đà Nẵng*	*4.596.479.190*	*4.596.479.190*	*163.603.641.089*	*171.614.875.035*	*12.607.713.136*	*12.607.713.136*
- *Vay khác*	-	-	-	*28.976.771*	*28.976.771*	*28.976.771*
Vay và nợ dài hạn đến hạn trả	527.000.000	527.000.000	23.294.636.690	46.169.460.474	23.401.823.784	23.401.823.784
- *Ngân hàng TMCP ĐT và PT Việt Nam - Chi nhánh Đà Nẵng*	-	-	*8.032.724.100*	*16.378.022.900*	*8.345.298.800*	*8.345.298.800*
- *Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Đà Nẵng*	-	-	*8.678.451.880*	*20.124.311.500*	*11.445.859.620*	*11.445.859.620*
- *Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội - Chi nhánh Đà Nẵng*	-	-	*4.085.100.000*	*4.085.100.000*	-	-
- *Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Đà Nẵng*	*527.000.000*	*527.000.000*	*565.700.000*	*38.700.000*	-	-
- *Công ty TNHH MTV CTTC Ngân hàng Á Châu*	-	-	*1.705.739.725*	*5.037.606.625*	*3.331.866.900*	*3.331.866.900*
- *Công ty TNHH Cho thuê tài chính Quốc tế Việt Nam*	-	-	*226.920.985*	*505.719.449*	*278.798.464*	*278.798.464*
b) Vay và nợ dài hạn	**7.528.400.000**	**7.528.400.000**	**18.170.180.797**	**47.239.281.378**	**36.597.500.581**	**36.597.500.581**
Vay dài hạn	7.528.400.000	7.528.400.000	18.170.180.797	43.890.334.039	33.248.553.242	33.248.553.242
- *Ngân hàng TMCP ĐT và PT Việt Nam - Chi nhánh Đà Nẵng*	-	-		*8.032.724.100*	*8.032.724.100*	*8.032.724.100*
- *Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Đà Nẵng*	-	-	*1.479.880.797*	*26.695.709.939*	*25.215.829.142*	*25.215.829.142*
- *Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội - Chi nhánh Đà Nẵng*	*5.985.800.000*	*5.985.800.000*	*14.582.000.000*	*8.596.200.000*	-	-
- *Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Đà Nẵng*	*1.542.600.000*	*1.542.600.000*	*2.108.300.000*	*565.700.000*	-	-
Nợ dài hạn	-	-	-	3.348.947.339	3.348.947.339	*3.348.947.339*
- *Công ty TNHH MTV CTTC Ngân hàng Á Châu*	-	-	-	*3.094.727.725*	*3.094.727.725*	*3.094.727.725*
- *Công ty TNHH Cho thuê tài chính Quốc tế Việt Nam*	-	-	-	*254.219.614*	*254.219.614*	*254.219.614*
Cộng	**35.603.944.391**	**35.603.944.391**	**285.759.314.507**	**348.818.807.653**	**98.663.437.537**	**98.663.437.537**

20. VỐN CHỦ SỞ HỮU

20.1 BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG CỦA VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển (*)	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
01/01/2014	**209.723.210.000**	**15.257.068.213**	**718.000.000**	**932.742.488**	**523.630.631**	**227.154.651.332**
- Lãi trong năm	-	-	-	-	6.887.072.972	6.887.072.972
31/12/2014	**209.723.210.000**	**15.257.068.213**	**718.000.000**	**932.742.488**	**7.410.703.603**	**234.041.724.304**
01/01/2015	**209.723.210.000**	**15.257.068.213**	**1.650.742.488**	**-**	**7.410.703.603**	**234.041.724.304**
- Lãi trong năm	-	-	-	-	18.280.488.479	18.280.488.479
- Trích lập các quỹ	-	-	344.353.649	-	(344.353.649)	-
- Chia cổ tức	-	-	-	-	(10.486.160.500)	(10.486.160.500)
- Giảm khác	-	-	-	-	(3.834.132.387)	(3.834.132.387)
31/12/2015	**209.723.210.000**	**15.257.068.213**	**1.995.096.137**	**-**	**11.026.545.546**	**238.001.919.896**

(*) Số dư quỹ đầu tư phát triển tại 01/01/2015 đã bao gồm số dư quỹ dự phòng tài chính tại thời điểm 31/12/2014 là 932.742.488 đồng do quy định chuyển tiếp số dư theo hướng dẫn tại Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính.

20.2 CHI TIẾT VỐN GÓP CỦA CHỦ SỞ HỮU

	31/12/2015		01/01/2015	
	Số tiền VND	Tỷ lệ (%)	Số tiền VND	Tỷ lệ (%)
Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh Vốn Nhà nước	122.906.400.000	58,60%	122.906.400.000	58,60%
Vốn góp của các cổ đông khác	86.816.810.000	41,40%	86.816.810.000	41,40%
Cộng	**209.723.210.000**	**100%**	**209.723.210.000**	**100%**

20.3 CỔ PHIẾU

	31/12/2015 Cổ phiếu	01/01/2015 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	20.972.321	20.972.321
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	20.972.321	20.972.321
+ *Cổ phiếu phổ thông*	*20.972.321*	*20.972.321*
+ *Cổ phiếu ưu đãi*	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
+ *Cổ phiếu phổ thông*	-	-
+ *Cổ phiếu ưu đãi*	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	20.972.321	20.972.321
+ *Cổ phiếu phổ thông*	*20.972.321*	*20.972.321*
+ *Cổ phiếu ưu đãi*	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND/Cổ phiếu)	10.000	10.000

21. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	31/12/2015	01/01/2015
Ngoại tệ các loại		
- USD	296.276,77	293.360,08
- EUR	7.450,24	7.558,25

22. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
- Doanh thu bán hàng	546.773.209	2.611.729.206
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	579.864.458.835	486.102.370.073
Cộng	**580.411.232.044**	**488.714.099.279**

23. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Giá vốn hàng hóa đã bán	354.691.408	2.456.656.148
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	492.211.602.672	451.007.494.690
Giá vốn hàng tồn kho hủy trong kỳ	754.940	-
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	512.869.807	(105.685.363)
Cộng	**493.079.918.827**	**453.358.465.475**

24. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	259.967.864	257.513.588
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	3.586.859.891	644.918.723
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	328.485.741	4.533.387.078
Cộng	**4.175.313.496**	**5.435.819.389**

25. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Chi phí lãi vay	6.819.131.763	15.629.783.254
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	887.623.221	190.264.464
Chi phí tài chính khác	-	1.646.958.385
Cộng	**7.706.754.984**	**17.467.006.103**

26. THU NHẬP KHÁC

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Thu nhập từ bán thanh lý phế liệu	32.754.842	54.770.234
Thu nhập từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ	409.258.181	87.133.374.842
Thu tiền phạt, bồi thường	454.784.188	-
Thu tiền điện từ đơn vị thuê mặt bằng	429.708.466	336.227.779
Thu nhập khác	36.761.166	424.777.482
Cộng	**1.363.266.843**	**87.949.150.337**

27. CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Giá trị còn lại của TSCĐ thanh lý, nhượng bán	18.871.008	50.305.709.280
Chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ	(1.363.636)	1.609.284.817
Chi phí bồi thường, bị phạt	126.160.000	-
Chi phí điện thu lại đơn vị thuê mặt bằng	434.125.548	336.227.780
Chi phí khác	203.040.874	1.080.594.761
Cộng	**780.833.794**	**53.331.816.638**

28. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP HIỆN HÀNH VÀ LỢI NHUẬN SAU THUẾ TNDN

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
a) Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	18.280.488.479	14.543.768.831
Lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh	*18.280.488.479*	*(20.259.394.165)*
Lợi nhuận từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản	-	*34.803.162.996*
b) Điều chỉnh các khoản để xác định thu nhập chịu thuế	10.816.017.123	1.847.908.002
Các khoản điều chỉnh tăng	11.239.527.964	1.969.230.316
+ Chi phụ cấp thành viên HĐQT không trực tiếp điều hành	*120.000.000*	*76.000.000*
+ Lãi do đánh giá số dư ngoại tệ tiền, nợ phải thu năm trước	*30.532.133*	*15.469.851*
+ Các khoản chi phí không tính vào chi phí thuế	*11.088.995.831*	*1.877.760.465*
Các khoản điều chỉnh giảm	423.510.841	121.322.314
+ Lãi do đánh giá số dư ngoại tệ tiền, nợ phải thu năm nay	*328.635.841*	*121.322.314*
+ Hoàn nhập chi phí trích lập dự phòng đã loại trừ năm trước	*94.875.000*	-
c) Tổng thu nhập chịu thuế	29.096.505.602	16.391.676.833
Thu nhập chịu thuế từ hoạt động sản xuất kinh doanh	*29.096.505.602*	*(18.411.486.163)*
Thu nhập chịu thuế từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản	-	*34.803.162.996*
d) Thuế Thu nhập doanh nghiệp (*)	-	7.656.695.859
Từ hoạt động sản xuất kinh doanh	-	-
Từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản	-	*7.656.695.859*
e) Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	7.656.695.859
f) Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	-	-
Lợi nhuận sau thuế Thu nhập doanh nghiệp	**18.280.488.479**	**6.887.072.972**

(*) Năm 2015 không phát sinh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp do được chuyển lỗ từ hoạt động sản xuất kinh doanh của các năm trước.

29. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Lợi nhuận/Lỗ kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	18.280.488.479	6.887.072.972
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế	-	-
+ Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
+ Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	18.280.488.479	6.887.072.972
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	20.972.321	20.972.321
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	**872**	**328**

31. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Chi phí nguyên vật liệu	42.181.422.194	42.279.525.423
Chi phí nhân công	61.657.511.999	48.747.062.216
Khấu hao tài sản cố định	61.671.847.737	41.148.127.578
Chi phí dịch vụ mua ngoài	348.954.036.041	355.359.801.710
Chi phí bằng tiền khác	5.539.374.582	3.788.530.623
Cộng	**520.004.192.553**	**491.323.047.550**

32. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

RỦI RO VỐN

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 19, trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền), phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của Công ty (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số 3.21.

	Giá trị ghi sổ 31/12/2015 VND	Giá trị ghi sổ 01/01/2015 VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	69.273.007.840	18.006.952.691
Đầu tư ngắn hạn	1.000.000.000	2.000.000.000
Phải thu khách hàng và phải thu khác	79.821.571.007	93.548.402.381
Tổng cộng	**150.094.578.847**	**113.555.355.072**
Công nợ tài chính		
Các khoản vay và nợ thuê tài chính	35.603.944.391	98.663.437.537
Phải trả người bán và phải trả khác	51.284.713.147	30.125.041.365
Chi phí phải trả	728.132.069	4.196.013.370
Tổng cộng	**87.616.789.607**	**132.984.492.272**

CÁC LOẠI CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 của Bộ Tài chính (Thông tư 210) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

MỤC TIÊU RỦI RO TÀI CHÍNH

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

RỦI RO THỊ TRƯỜNG

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

Rủi ro tỷ giá

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Công ty không thực hiện biện pháp đảm bảo do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất trọng yếu phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Công ty chịu rủi ro lãi suất khi Công ty vay vốn theo lãi suất thả nổi và lãi suất cố định. Rủi ro này sẽ do Công ty quản trị bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay lãi suất cố định và lãi suất thả nổi.

Rủi ro về giá

Công ty chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào công cụ vốn. Các khoản đầu tư vào công cụ vốn được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này.

RỦI RO TÍN DỤNG

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng).

Mức độ rủi ro tín dụng tối đa đối với mỗi nhóm tài sản tài chính là giá trị ghi sổ của nhóm công cụ tài chính đó được trình bày trên bảng cân đối kế toán.

Phải thu khách hàng và phải thu khác

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt, Ban Tổng Giám đốc đã thiết lập chính sách tín dụng, theo đó, mỗi khách hàng mới phải được phân tích kỹ về mức độ tín nhiệm trước khi Công ty đưa ra các điều kiện và điều khoản giao hàng và thanh toán. Khách hàng nào không được thông qua xếp hạng tín nhiệm chỉ có thể giao dịch với Công ty với điều kiện trả tiền trước và bộ phận quản lý công nợ khách hàng thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi.

Phải thu khách hàng và phải thu khác (tiếp theo)

Công ty sẽ lập dự phòng giảm giá trị để phản ánh mức độ thiệt hại ước tính đối với phải thu khách hàng, phải thu khác. Thành phần chính của khoản dự phòng giảm giá này là khoản lỗ cụ thể có liên quan đến mức độ thiệt hại lớn cụ thể đối với từng khách hàng và mức độ thiệt hại tổng thể của các nhóm tài sản tài chính tương tự, được xác định khi các rủi ro này có thể đã xảy ra nhưng chưa được phát hiện. Mức độ thiệt hại tổng thể được xác định dựa trên dữ liệu thống kê về thanh toán trong quá khứ của các tài sản tài chính tương tự.

Tiền gửi ngân hàng

Công ty có số dư tiền gửi với các tổ chức tín dụng trong nước. Ban Tổng Giám đốc không nhận thấy một khoản thiệt hại nào đối với kết quả hoạt động của các tổ chức tín dụng này.

RỦI RO THANH KHOẢN

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp và các khoản vay ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng dưới đây được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Bảng dưới đây trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Dòng tiền lãi đối với lãi suất thả nổi, số tiền chưa chiết khấu được bắt nguồn theo đường cong lãi suất tại cuối kỳ kế toán. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

Công nợ tài chính	Dưới 1 năm VND	Trên 1 năm VND	Tổng VND
31/12/2015			
Các khoản vay và nợ thuê tài chính	28.075.544.391	7.528.400.000	35.603.944.391
Phải trả người bán và phải trả khác	51.284.713.147	-	51.284.713.147
Chi phí phải trả	728.132.069	-	728.132.069
	80.088.389.607	**7.528.400.000**	**87.616.789.607**
01/01/2015			
Các khoản vay và nợ thuê tài chính	62.065.936.956	36.597.500.581	98.663.437.537
Phải trả người bán và phải trả khác	30.125.041.365	-	30.125.041.365
Chi phí phải trả	4.196.013.370	-	4.196.013.370
	96.386.991.691	**36.597.500.581**	**132.984.492.272**

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức trung bình nhưng Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính trong tương lai.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

Tài sản tài chính	Dưới 1 năm VND	Trên 1 năm VND	Tổng VND
31/12/2015			
Tiền và các khoản tương đương tiền	69.273.007.840	-	69.273.007.840
Đầu tư ngắn hạn	1.000.000.000	-	1.000.000.000
Phải thu khách hàng và phải thu khác	79.596.446.040	225.124.967	79.821.571.007
	149.869.453.880	**225.124.967**	**150.094.578.847**
01/01/2015			
Tiền và các khoản tương đương tiền	18.006.952.691	-	18.006.952.691
Đầu tư ngắn hạn	2.000.000.000	-	2.000.000.000
Phải thu khách hàng và phải thu khác	91.430.083.559	2.118.318.822	93.548.402.381
	111.437.036.250	**2.118.318.822**	**113.555.355.072**

33. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Theo quy định của Chuẩn mực kế toán số 24 và Thông tư hướng dẫn Chuẩn mực này thì Công ty cần lập Báo cáo bộ phận. Theo đó, bộ phận là một phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích kinh tế khác với các bộ phận khác.

Với thực tế hoạt động tại Công ty là cung ứng dịch vụ vận tải chiếm tỷ trọng hơn 99% doanh thu, Ban Tổng Giám đốc đánh giá rằng các lĩnh vực kinh doanh cũng như các môi trường kinh tế cụ thể theo khu vực địa lý không có sự khác biệt trong việc gánh chịu rủi ro và lợi ích kinh tế. Vì vậy, Công ty hoạt động trong một bộ phận kinh doanh duy nhất là cung ứng dịch vụ vận tải và một bộ phận địa lý chính là Việt Nam.

34. THÔNG TIN KHÁC

34.1 THÙ LAO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ THU NHẬP BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Thù lao của Hội đồng Quản trị	129.000.000	93.000.000
Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc	1.926.359.757	1.832.599.366

34.2 THAY ĐỔI SỞ HỮU CỔ ĐÔNG LỚN

*) Theo Công văn số 81/2016/CV-TCLĐ ngày 05/02/2016 được Công ty công bố thông tin trên Cổng thông tin điện tử về việc thay đổi sở hữu của cổ đông lớn tại Công ty Cổ phần Vận tải đa phương thức sau khi Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước (SCIC) hoàn thành việc thoái vốn, đồng thời căn cứ báo cáo của các nhà đầu tư (tổ chức, cá nhân) đăng ký mua thành công số cổ phần mà SCIC đăng ký bán và trở thành cổ đông lớn của Công ty như sau:

1/ Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước (SCIC) hoàn thành việc thoái vốn tại Công ty Cổ phần Đa phương thức như sau:

Tổng số cổ phiếu SCIC đăng ký bán là 12.290.640 cổ phiếu (mã VTX).

Tổng số cổ phiếu đã giao dịch là 12.290.640 cổ phiếu, tỉ lệ sở hữu trước giao dịch là 58,60%, tỉ lệ sở hữu sau giao dịch là 0%.

2/ Các nhà đầu tư (tổ chức, cá nhân) đăng ký mua thành công số cổ phần mà SCIC thoái vốn và trở thành cổ đông lớn của Công ty bao gồm:

2.1/ Công ty Cổ phần SCI đã đầu tư mua 4.152.440 cổ phiếu (mã VTX), tỉ lệ sở hữu trước giao dịch là 0%, tỉ lệ sở hữu sau giao dịch là 19,8%, ngày giao dịch cổ phiếu làm thay đổi tỉ lệ sở hữu là ngày 25/01/2016.

2.2/ Công ty cổ phần Cung ứng và Dịch vụ Kỹ thuật Hàng hải đã đầu tư mua 1.186.400 cổ phiếu (mã VTX), tỉ lệ sở hữu trước giao dịch là 0%, tỉ lệ sở hữu sau giao dịch là 5,66%, ngày giao dịch cổ phiếu làm thay đổi tỉ lệ sở hữu là ngày 26/01/2016.

2.3/ Ông Nguyễn Lã Thảo đã đầu tư mua 1.977.340 cổ phiếu (mã VTX), tỉ lệ sở hữu trước giao dịch là 0%, tỉ lệ sở hữu sau giao dịch là 9,43%, ngày giao dịch cổ phiếu làm thay đổi tỉ lệ sở hữu là ngày 25/01/2016.

2.4/ Bà Dương Thị Hồng Anh đã đầu tư mua 2.076.200 cổ phiếu (mã VTX), tỉ lệ sở hữu trước giao dịch là 0%, tỉ lệ sở hữu sau giao dịch là 9,90%, ngày giao dịch cổ phiếu làm thay đổi tỉ lệ sở hữu là ngày 25/01/2016.

**) Thay đổi sở hữu cổ đông lớn khác:

1/ Bà Dương Thị Hồng Anh đã bán 1.800.000 cổ phiếu (mã VTX), tỉ lệ sở hữu trước giao dịch là 9,90%, tỉ lệ sở hữu sau giao dịch là 1,32%, ngày giao dịch cổ phiếu làm thay đổi tỉ lệ sở hữu là ngày 19/02/2016, bà Dương Thị Hồng Anh không còn là cổ đông lớn của Công ty.

2/ Công ty TNHH MTV Quản lý quỹ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam đã đầu tư mua 2.045.000 cổ phiếu (mã VTX), tỉ lệ sở hữu sau giao dịch là 9,75%, ngày giao dịch cổ phiếu làm thay đổi tỉ lệ sở hữu là ngày 24/02/2016.

35. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014 của Công ty đã được kiểm toán.

Một số chỉ tiêu trên Bảng cân đối kế toán đã được trình bày lại cho phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính. Cụ thể như sau:

Số liệu Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014			Trình bày lại theo Thông tư 200/2014/TT-BTC		
Mã số	Khoản mục	Số tiền	Mã số	Khoản mục	Số tiền
135	Phải thu ngắn hạn khác	3.212.156.487	136	Phải thu ngắn hạn khác	15.855.433.818
158	Tài sản ngắn hạn khác	12.643.277.331			
230	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	1.879.092.170	242	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	1.879.092.170
311	Vay và nợ ngắn hạn	62.065.936.956	320	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	62.065.936.956
312	Phải trả người bán	28.923.891.598	311	Phải trả người bán ngắn hạn	28.923.891.598
316	Chi phí phải trả	4.196.013.370	315	Chi phí phải trả ngắn hạn	4.196.013.370
319	Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	3.741.244.278	319	Phải trả ngắn hạn khác	3.256.244.278
			337	Phải trả dài hạn khác	485.000.000
334	Vay và nợ dài hạn	36.597.500.581	338	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	36.597.500.581
411	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	209.723.210.000	411	Vốn góp của chủ sở hữu	209.723.210.000
417	Quỹ đầu tư phát triển	718.000.000	418	Quỹ đầu tư phát triển	1.650.742.488
418	Quỹ dự phòng tài chính	932.742.488			
420	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	7.410.703.603	421	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	7.410.703.603
			421a	*- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước*	523.630.631
			421b	*- LNST chưa phân phối năm nay*	6.887.072.972

Võ Duy Nghi
Tổng Giám đốc
Đà Nẵng, ngày 21 tháng 03 năm 2016

Bùi Thị Ngọc Hà
Kế toán trưởng

Hoàng Thị Thanh Huyền
Người lập

CHỮ KÝ CỦA NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI ĐA PHƯƠNG THỨC

TỔNG GIÁM ĐỐC

Võ Duy Nghi